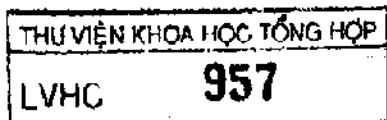


HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP  
CAO HỌC HÀNH CHÍNH

**GIÁM SÁT VIỆN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA**  
**VÀ CÔNG CUỘC BÀI TRỪ THAM NHŨNG**



*Sinh-viên Trần-hoàng-Sơn*

BAN HÀNH CHÍNH KHÓA 6

(1970 — 1972)

"GIÀM SÁT VIỆN DỆ NHỊ CỘNG HÒA  
VÀ CÔNG CUỘC BÀI TRỮ THAM NHỮNG".

Luận văn này do Sinh viên TRẦN HOÀNG SƠN  
đệ nạp để thỏa mãn một phần những điều kiện tốt-  
nghiệp văn bằng CAO HỌC HÀNH CHÍNH tại HỌC VIỆN  
QUỐC GIA HÀNH CHÍNH SAIGON.

Giáo sư hướng dẫn: Ô. NGUYỄN NGỌC HUY  
Tiến sĩ Chính trị Học.

- ii -

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh không tán thành  
cũng không phản đối những ý kiến phát biểu trong  
luận văn. Những ý kiến đó do tác giả hoàn toàn chịu  
trách nhiệm.

KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN

Cố Giáo Sư Viện Trưởng NGUYỄN VĂN BÔNG  
mà chúng tôi vẫn một lòng tưởng nhớ.

- iv -

THÀNH KÍNH GHI ƠN

Giáo sư NGUYỄN NGỌC HUY

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI TRONG VIỆC  
BIÊN SOẠN TẬP LUẬN VĂN NÀY.

TRÂN TRỌNG BIẾT ƠN :

© GIÁO SƯ TRẦN VĂN BÌNH, Viện Trưởng Học Viện  
Quốc Gia Hành Chánh.

© GIÁO SƯ NGUYỄN QUỐC TRỊ, Phó Viện Trưởng  
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và  
Toàn thể Quý vị Giáo Sư Lớp Cao Học  
Hành Chánh khóa 6.

ĐÃ TẬN TỤY ĐIỀU DẮT CHÚNG TÔI TRONG SUỐT  
HỌC TRÌNH 1970-1972

- ưĩ -

KÍNH TRAO BA MÁ VẢ ANH CHỊ

THƯƠNG TẶNG NGUYỄN THU HƯƠNG VẢ DỨA CON SẮP CHẢO ĐỒI

CHO EM TRẦN HOẰNG KHANH

VẢ BẰNG HỮU

## TRI ÂN

\*\*\*\*\*

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ :

- \* GIÁM SÁT NGÔ XUÂN TÍCH, Chủ tịch Giám Sát Viện
- \* GIÁM SÁT PHẠM DĨNH HƯNG, nguyên Tổng Thư Ký Giám Sát Viện (nhiệm kỳ 1968-1969).
- \* GIÁM SÁT VIỆT VĂN TÝ, Chủ tịch Ủy ban Điều tra và Kiểm tra Giám Sát Viện (nhiệm kỳ 1971-1972)
- \* GIÁM SÁT VÕ VĂN BA, Đặc Ủy Giám Sát Khu 4.
- \* Ông NGUYỄN THẾ ĐẠI, Tổng Thanh Tra Giám Sát Viện.
- \* Ông NGUYỄN NGỌC LƯU, Chánh sở Thanh tra Giám sát Viện.
- \* Ông LÊ DĨNH LÃM, Thanh Tra Giám Sát Viện.
- \* Ông LÊ VĂN TRANG, Thanh Tra Giám Sát Viện.
- \* Ông PHAN TƯ GIẢN, Chánh sự vụ sở Pháp Chế Phủ Tổng Thống.

ĐÃ SẴN LÒNG GIÚP ĐỠ TÀI LIỆU CÙNG NHƯ CHO PHÉP CHÚNG TÔI PHÒNG VẤN VÀ THAM KHẢO Ý KIẾN ĐỂ HOÀN THÀNH TẬP KHẢO LUẬN NÀY.



Chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ một cách đặc biệt:

- \* Đại Tướng TRẦN THIÊN KHIÊM, Thủ Tướng Chính Phủ
- \* Ông NGUYỄN VĂN VĂNG, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng
- \* Trung Tướng NGUYỄN VĂN VỸ, Nguyên Tổng Trưởng

Quốc Phòng

- \* Cố Giáo Sư Viện Trường H.V.Q.G.H.C. NGUYỄN VĂN BÔNG
- \* Thiếu Tướng BÙI ĐÌNH ĐAM, Giám Đốc Nha Động Viên  
và nhiều giới chức khác.

ĐÃ CÓ LÒNG GIÚP ĐỠ CHÚNG TÔI ĐƯỢC TRỞ VỀ SUM HỌP  
VỚI ĐẠI GIA ĐÌNH HÀNH CHÁNH

## LỜI TỰA

Đề tài khảo sát của chúng tôi là "Giám sát Viện Đệ Nhị Cộng Hòa và công cuộc bài trừ tham nhũng". Sở dĩ chúng tôi lựa chọn đề tài này cũng không ngoài ích lợi thực tế muốn đóng góp vài ý kiến nhỏ vào một vấn đề sinh tử của miền Nam Việt Nam. Chính vì ý hướng đó mà chúng tôi xin được lựa chọn một đề tài hơi rộng và đã có một số người khảo sát.

Trong việc sưu tầm này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp tham khảo nhằm mô tả, trình bày và giải thích các tài liệu mà chúng tôi đã thu thập được một cách khó khăn vì lẽ trên nguyên tắc mọi hồ sơ của Ủy Ban Điều tra và Kiểm Tra Giám Sát Viện đều không được tiết lộ. Thêm vào đó, chúng tôi cũng bỏ tùc những tài liệu của chúng tôi bằng những cuộc phỏng vấn cũng như nêu ra vài trường hợp điển hình để khảo sát.

Đặt mình trong hoàn cảnh một quốc gia thiếu sót về mọi mặt, chúng tôi cũng tự xét thấy chưa đủ khả năng, phương tiện và cơ hội để có thể thực hiện được một công cuộc sưu tầm đúng nghĩa. Do đó, công - cuộc khảo sát này dù đã được nhiều người đóng góp ý kiến nhưng tất cả những lỗi lầm hoặc sơ sót đều thuộc về trách nhiệm của chính chúng tôi.

# MỤC LỤC

	Trang
<u>Tri ân</u> .....	vii
<u>Lời tựa</u> .....	viii
<u>Mục lục</u> .....	ix
<u>Liệt kê hình</u> .....	xi
<u>Dẫn nhập</u> .....	1
<u>Phần I : Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hòa</u> .....	12
<u>Chương I : sự thành lập các định chế</u> <u>giám sát ở Việt Nam</u> .....	14
<u>Tiết I : Các định chế giám sát ở</u> <u>Việt Nam trước thời</u> <u>Đệ Nhị Cộng Hòa</u> .....	14
<u>Tiết II : Sự thành lập Giám sát viện</u> <u>Đệ Nhị Cộng Hòa</u> .....	29
<u>Chương II : Tổ chức và Điều hành Giám</u> <u>sát viện Đệ Nhị Cộng Hòa</u> .....	41
<u>Tiết I : Trình bày và nhận xét về thăm</u> <u>quyền và nhiệm vụ của</u> <u>Giám sát viện</u> .....	43
<u>Tiết II : Trình bày và nhận xét về</u> <u>thành phần Giám sát viện và</u> <u>qui chế Giám sát viện</u> .....	46
<u>Tiết III : Trình bày và nhận xét về cơ</u> <u>cấu tổ chức Giám sát viện</u> .....	52
<u>Tiết IV : Trình bày và nhận xét về</u> <u>những thủ tục điều hành của</u> <u>Giám sát viện</u> .....	64

<u>Phần II : Vai trò của Giám sát viên</u> <u>trong công cuộc bãi trừ</u> <u>tham nhũng</u> .....	80
Chương I : Những thành tích của Giám sát viên .....	82
Tiết I : Những thành quả tổng quát của Giám sát viên .....	83
Tiết II : Khảo sát 2 trường hợp diễn hình .....	86
Chương II : Nhận xét và Đề nghị .....	117
Tiết I : Nhận định về những khó khăn của Giám sát viên .....	117
Tiết II : Đề nghị các biện pháp xây dựng .....	134
<u>Tổng kết</u> .....	147
<u>Thư tịch Chọn Lọc</u> .....	155
<u>Phụ bản</u> : Chương VI Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa về các định chế đặc biệt .....	161



**LIỆT KÊ HÌNH**  
\*\*\*\*\*

*Trang*

Hình duy nhất : Sơ đồ tổ chức

Giám sát viện ..... 62



# DẪN NHẬP

\*\*\*\*\*

**THƯ-VIỆT QUỐC-GIA**

Truyện Thần thoại Tây Du chép rằng : sau khi đã trải qua mười muôn tám ngàn dặm đường với 14 năm trên non lặn suối chiến đấu với yêu tinh, bốn thầy trò Tam Tạng - Tôn Hành Giả - Trư Bát Giới - Sa Tăng mới đến được Linh Sơn ra mắt Phật Tổ để xin thỉnh kinh. Phật tổ sai Ác nang và Ca diếp dẫn bốn thầy trò lên lầu đài tiệc và phát kinh. Khi đến tú đề kinh, Ác nang và Ca diếp mới hỏi Tam Tạng :

- Thành tăng từ Đông độ đến đây có đem theo lễ vật gì ra mắt không ?

Tam Tạng thưa :

- Dệt tử vi đường xa hiểm trở nên đã không sắm sửa được vật gì cả.

Ác nang và Ca diếp cười nói :

- Thành tăng nói nghe hay thật ! Đi thỉnh kinh mà chỉ có tay không thì vẽ truyền lại làm sao cho siêu rồi ?

Tôn Hành Giả tức giận nói với Tam Tạng :

- Thưa sư phụ, để đệ tử đến bạch với Phật Tổ xin Ngài phát kinh.

Ác nang ngăn lại :

- Đứng ! nơi này không phải để cho người lui tới rầy rà. Thôi được, để ta phát kinh cho.

Nhận kinh xong, bốn thầy trò lay tạ Phật tổ ra về. Vừa đi được một quãng, bỗng có một người hiện xuống giựt kinh bay đi; Tôn hành Giả đuổi theo kịp

nên người ấy vút kinh rơi tung tóe xuống đất. Nhờ vậy, bốn thầy trò mới nhìn thấy toàn là giấy trắng. Họ trở lại thưa với Phật tổ và tố cáo Ác nang Ca điếp đòi lễ vật không được nên phát kinh không có chữ nào. Phật tổ cười nói :

- Hai người phát kinh thực ra không có lỗi vì kinh ấy rất quý, lễ nào thỉnh không mà được phước sao ?

Nói xong, Phật Tổ truyền Ác nang và Ca - điếp đòi kinh có chữ cho bốn thầy trò Tam Tạng. Khi đến tú kinh, Ác nang và Ca điếp cũng hỏi y như trước - Tam Tạng bảo Sa Tăng mở gói lấy bình bát rồi thưa :

- Dệ tử đường xa không sắm sửa vật gì, chỉ vồn vện có mỗi cái bình bát của vua Đường ban cho để đọc đường khất thực, nay xin dâng lấy thảo. Ác - nang mỉm cười tiếp nhận bình bát và Ca điếp mở tú phát kinh có chữ cho bốn thầy trò Tam Tạng.

Bỏ qua ý nghĩa tượng trưng của câu chuyện thần thoại, chúng tôi chỉ xin ghi nhận tính cách phổ biến trong không gian và thời gian của hiện tượng mà người ta vẫn thường gọi là tham nhũng. Trong "Đoạn trường tân thanh", câu chuyện rước bản tố vu - oan khiến Vương Viên ngoại bị bắt và nàng Kiều phải bán mình để có 300 lượng dâng lên quan hầu chuộc tội cho cha cũng là một thí dụ điển hình về tham nhũng, đến đời Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến đã phải than rằng :

"Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?

Đời trước làm quan cũng thế a !

Ngay cả trong những chế độ mà sự kiểm - soát thường được xem là có tính cách tập trung và gắt gao nhất như trong các nước Cộng sản nói chung và Bắc Việt



nói riêng, hiện tượng tham ô cũng không phải là một hiện tượng hiếm hoi. Ở Liên Xô chẳng hạn, dù pháp chế chống tham ô gồm một loạt sắc lệnh ban hành vào tháng 5 năm 1961 và sắc lệnh 15 tháng 2 năm 1962 có dự trữ những biện pháp chế tài hết sức nặng nề, người ta vẫn ghi nhận được rất nhiều hành vi tham ô mà đặc biệt là trong những cơ quan cung cấp những sản phẩm tiêu thụ và hành vi tham ô liên hệ cả đến những nhân viên cao cấp nhất (1). Điển hình là vụ tham ô tỉnh Frounzé thuộc nước Cộng hòa Kirghisie, theo đó một nhóm người trong một công xưởng chế tạo thuộc Bộ kỹ nghệ của nước Cộng hòa Kirghisie đã cấu kết với nhau để sản xuất ren (dentelle) và những trang phục bằng chỉ đan (bonnetterie) bằng những nguyên liệu tốt nhất của nhà nước. Sự sản xuất này không được khai báo và được đem bán cho dân chúng để nhóm chủ trương lấy tiêu riêng qua trung gian của những cơ sở phân phối chính thức cũng được chia chác một phần. Gần 10 người đã bị xử bắn và vụ tham ô của công này sau nhiều năm "làm ăn" trôi chảy đã lên tới 30 triệu rouble (tức trên 33 triệu dollar) và liên hệ đến trên 50 viên chức của nước Cộng hòa Kirghisie, trong đó có cả Thứ trưởng Bộ Thương mại (2). Và trái với nhận định của F. W. Riggs là tham nhũng thường

\*\*\*\*\*

- (1) Steven J. Staats, "Corruption in the Soviet system", Problems of Communism, January - February 1972, p. 44
- (2) Étude du Secrétariat, "Les infractions économiques en Union Soviétique", Revue de la Commission internationale de Juristes, Tome V, N° 1, Été 1964, p. 36.

chỉ phát sinh trong những điều kiện thuận lợi khi nền Hành chính có một tầm hoạt động lớn và tương đối ít bị giới hạn bởi các uy quyền chính trị ở trung ương(3), hiện tượng tham nhũng vẫn tìm thấy ngay cả ở Bắc Việt thể hiện qua những lời thơ bèn nhọn mang tựa đề "Chống tham ô lãng phí" của Phùng Quán xuất hiện trên "Giai phẩm mùa thu" vào tháng 10 năm 1956 ở thủ đô Hà Nội :

"... Tôi đã đến dự những phiên tòa  
Hợp suốt ngày luận bàn xử tội  
Những con chuột mặc quân áo bộ đội  
Đục cơm khoét áo chúng ta  
Ăn cắp máu dân đói chác đồng hồ  
Kim phút kim giờ lép gầy như bụng đói..." (4)

Hoặc gần đây hơn, Bình Nhất Trần văn Tuấn từ Bắc Việt xâm nhập đã cho biết là trong vụ lùa tháng 10 năm 1968 (5), Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Hồng Hải thuộc xã Phú Thượng huyện Từ Liêm đã chỉ thị cho đương sự lúc đó giữ nhiệm vụ kế toán phải ghi vào sổ sách của Hợp tác xã là đã sử dụng hết 3 thùng dầu cần dùng để chạy máy bơm nước chống hạn thay vì ghi đúng là 2 thùng. Theo lời đương sự thì mỗi thùng có 200 lít và mỗi lít giá 1 đồng Bắc-Việt; như vậy cấp chỉ huy Hợp tác xã đã tham ô được 200 đồng Bắc Việt (tức 4 lần lương tháng của một công nhân trung bình).

\*\*\*\*\*

(3) F.W. Riggs, Administration in Developing Countries, Boston, Houghton and Mifflin, 1964, pp. 226-227 and 246-247.

(4) Trăm Hoa Đua Nở trên Đất Bắc, Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá xuất bản, Saigon, 1959, trang 120.

(5) Trần văn Tuấn, Bình I, Cung tử, Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghệ, 14-1-1971.

Tóm lại, tham nhũng hay tham ô là một hiện tượng phổ biến trong không gian và thời gian. Vấn đề khác nhau chỉ là ở mức độ tham nhũng.

Đến đây, chúng ta không thể không tự hỏi tham nhũng là gì? Vài tác giả đã đề ra những định nghĩa có tính cách tổng quát.

Theo Samuel P. Huntington thì "Tham nhũng là thái độ của nhân viên công quyền đi ngược với những qui chuẩn đã được chấp nhận nhằm thỏa mãn những mục đích riêng tư" (6). Một nhà hành chánh Việt Nam, Giáo sư Bùi Quang Khánh, đã định nghĩa "Tham nhũng hay hối lộ là những hành vi của nhà chức trách mang lại những lợi bất chính cho những người đó, cho một cá nhân, phương hại tới quyền lợi của cá nhân khác, của tập thể và của cộng đồng quốc gia" (7). Trên bình diện pháp lý, tham nhũng là những hành vi liên quan đến các tội phỉ phạm, hối lộ, lợi dụng quyền thế, biển thủ, thiên thủ hoặc lạm tiêu tán tài vật được luật lệ qui định một cách minh thị (Dụ số 18 ngày 28-7-1954 và Luật số 9/59 ngày 18-4-1959). Luật số 9/68 ngày 23-10-1968 về tổ chức và điều hành Giám sát viện cũng đã qui định nhiệm vụ của Giám sát viện là "thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm

\*\*\*\*\*

(6) Samuel P. Huntington, Political Order in Changing Societies, New Haven, Yale University Press, 1968, p. 59.

(7) Bùi Quang Khánh, "Nạn Tham Nhũng", Nghiên Cứu Hành Chánh, Tập XIV, số 2, năm 1971, trang 91-92.

vẽ mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia. Rõ ràng hơn cả là định nghĩa của Thượng nghị viện qua bản văn của dự luật về Giám sát viện đã được thảo luận và biểu quyết tu chính : "Được coi là tham nhũng hay phương hại đến quyền lợi quốc gia mọi hành vi cấu thành các tội phạm biến thủ công quỹ, trộm hoặc sang đoạt của công, phủ lạm, hối lộ, hối mại quyền thế , nói chung mọi hành vi có hậu quả làm hao hụt công - quỹ hoặc lợi dụng chức vụ để thủ lợi" (Biên bản phiên họp của Thượng nghị viện số 061/TNV/BB , ngày 28-6-1968).

Dù điểm tu chính nêu trên của Thượng Viện đã không được Hạ Viện chấp thuận và do đó không được ghi trong Luật số 9/68 về tổ chức và điều hành Giám sát viện, định nghĩa vừa kể cũng giúp chúng ta hiểu thêm về quan niệm của các nhà làm luật đối với tội-trang chúng ta đang bàn tới.

Định nghĩa vừa kể cũng giúp chúng ta trong công việc tập trung và sắp xếp các hình thức tham-nhũng vốn thiên hình vạn trạng thành hai hình thức tham nhũng chính yếu vẫn thường được ghi nhận trong hiện trạng nước ta : thâm lạm công quỹ và lợi dụng chức vụ để thủ lợi. Thâm lạm công quỹ là một nguy hại cho tài nguyên quốc gia, làm cho công quỹ càng ngày càng bị hao hụt mà không tạo được những lợi-ích thiết thực cho dân chúng. Việc thâm lạm công - quỹ còn gây bất công trong xã hội vì việc phân phối lợi tức quốc gia không đồng đều dẫn đến tình trạng chênh lệch quá đáng về lợi tức giữa những thành - phần trong xã hội, do đó dễ tạo sơ hở cho đối phương

chỉ trích. Hành vi tham lam công quỹ có thể được thực hiện do sự hợp tác giữa những người trong chính quyền với nhau hoặc giữa những người trong chính quyền với những người ngoài chính quyền gây thiệt hại cho cộng đồng quốc gia. Hình thức tham nhũng thứ hai là lợi dụng chức vụ để tạo những nguồn lợi bất chính và bất hợp pháp. Hành vi lợi dụng chức vụ có thể do những viên chức trong chính quyền hoặc do những người thân của họ đứng ra thực hiện bằng cách đòi hỏi, kêu gọi hay nhận lãnh vật biếu của người khác để không làm hoặc làm một cách không đúng đắn một công việc thuộc phận sự của những viên chức đó. Hành vi lợi dụng chức vụ để thủ lợi ít gây thiệt hại cho công quỹ nhưng sẽ gây bất mãn nhiều nhất trong dân chúng. Ở đây, chúng ta sẽ không đề cập đến trường hợp những người trong chính quyền và những người ngoài chính quyền hợp tác với nhau để thực hiện hành vi tham nhũng nhằm làm lợi cho họ nhưng ít gây thiệt hại cho những người khác cũng như không gây thiệt hại cho cộng đồng quốc gia. Chẳng hạn, nhân viên một cơ quan công như USAID được phái đi mượn nhà cho các nhân viên khác của cơ quan; nhân viên này sẽ mượn của người chủ nhà nào chịu cho y chút ít "tiền nước" và hành vi này không gây thiệt hại gì cho những người sẽ đến cư ngụ tại căn nhà được mượn trong tình trạng "trả nước" vừa kể. Những hành vi loại này có tính cách phổ biến, thường trực và không thể bãi trừ nổi. Do đó, chúng ta sẽ chỉ đề cập đến hai hình thức tham nhũng chính yếu là tham lam công quỹ và lợi dụng chức vụ để thủ lợi vì 2 hình thức này dễ gây bất mãn nhất và các nhà lãnh đạo không thể không bãi trừ hay ít ra cũng phải giảm thiểu những

hành vi đó đến mức tối đa. Chính những hình thức tham nhũng này đã làm suy yếu nền hành chính địa phương của nước ta mà Dân biểu Nguyễn Văn Tiết đã có nhiều công phu ghi nhận và phân tích (8). Về hình thức thâm lạm công quỹ, Dân biểu Tiết đã ghi nhận được ở địa phương một số hành vi tham nhũng như thiết lập những số lượng ma, trội khai chi phí, đồng lõa man khai thuế má, hoang phí công quỹ và đồng lõa với nhà thầu để phân chia công quỹ. Về hình thức lợi dụng quyền thế để thủ lợi, Dân biểu Tiết cũng nêu ra một số hành vi tham nhũng như đưa người thân vào các chức vụ then chốt một cách bừa bãi nhằm mục đích che dấu hành vi bất chính của mình, hối mại quyền thế và hối lộ dưới mọi hình thức, chẳng hạn việc che chở cho các tổ chức tư đố<sup>3</sup> tương, làm khó dễ trong việc cấp giấy phép để nhận tiền trà nước hay các hành vi hối lộ khác liên hệ đến việc phân phối địa điểm nhà cửa hàng hóa hoặc liên hệ đến các vụ trốn quân dịch và đảo ngũ... v.v..

Chính những hình thức tham nhũng đó ở nước ta đã đưa đến những hậu quả vô cùng trầm trọng. Hậu quả này không những ảnh hưởng đến việc điều hành bộ máy công quyền mà còn ảnh hưởng tai hại đến vận mệnh quốc gia dân tộc. Vì rằng người dân nông thôn thường nhận xét chính quyền trung ương qua những hành động và tác phong của các viên chức hành chính địa phương. Và như nhận định của Dân biểu Tiết (9), những hậu quả đó có

\*\*\*\*\*

(8) Nguyễn Văn Tiết, Thực Trạng Nền Hành Chính Địa Phương tại Việt Nam, Saigon, Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chính, không năm, trang 46.

(9) Ibid., trang 112-117.

thê<sup>1</sup> trực tiếp hay gián tiếp, ảnh hưởng đến sinh hoạt hành chánh nói riêng và đến hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội nói chung. Hậu quả trực tiếp của nạn tham nhũng rất dễ nhận thấy : một mặt ngân quỹ quốc gia bị hao hụt nhưng lại không thoả mãn được nhu cầu dân chúng và mặt khác đưa đến tình trạng thất nhân tâm khiến dân chúng xa dần chính quyền tạo thêm khó khăn cho chúng ta trong việc đề cao chánh nghĩa và đấu tranh với Cộng Sản. Hậu quả gián tiếp của tham nhũng bao trùm mọi phương diện : quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội. Trên phương diện quân sự, chiến sĩ ta có thể vì nạn tham nhũng mà trở thành chán nản, mất ý chí quyết thắng. Trên phương diện chính trị thì xét về đối nội, dân chúng có thể thờ ơ và nhất là quần chúng nghèo khổ càng dễ bất mãn lâm chánh quyền mất dần uy tín và lần lần suy sụp; đối ngoại thì địch có thể lợi dụng để tuyên truyền thêm thất và lôi cuốn quần chúng nghe theo họ cũng như đồng minh và dư luận ngoại quốc có thể mất tin tưởng và ngờ vực chúng ta. Trên phương diện kinh tế, vật giá có thể gia tăng vì nhà buôn phải rút bớt cho các viên chức và nạn đầu cơ tích trữ có thể phát sinh một cách dễ dàng cũng như dân chúng có thể không được hưởng tiền viện trợ của ngoại quốc một cách đầy đủ. Trên phương diện xã hội, bậc thang giá trị bị đảo lộn, xã hội trở thành phi luân khi tiền tài được đặt trên tất cả cũng như dân tộc nói chung và thanh thiếu niên nói riêng sẽ dần dần bị đầu độc vì những thói hư tật xấu.

Trước mức độ trầm trọng của nạn tham nhũng ở nước ta và trước những hậu quả vô cùng tai hại của nó, chính quyền Đệ Nhị Cộng Hoà lần này đã cố gắng tiến xa

hơn các chính quyền trước qua sự đề cao vai trò của một cơ quan độc lập là Giám sát Viện nhằm vào công cuộc bãi trừ tham nhũng một cách qui mô chứ không còn dơ dẫm và thanh toán với tình cách hình thức, lệ tẻ và nội bộ một số ít hãnh vi tham nhũng của một số ít viên chức như từ trước đến nay. Vấn đề được đặt ra là Giám sát Viện Đệ Nhị Cộng Hòa đã được thành lập, tổ chức và điều hành như thế nào cũng như đã gặt hái được những kết quả gì, có thành công hay không và có gì cần phải bổ khuyết. Đó cũng là những điều mà chúng tôi sẽ khảo sát và sẽ lần lượt trình bày trong 2 phần :

- Trong Phần I, chúng tôi sẽ khảo sát "Giám sát - Viện Đệ Nhị Cộng Hòa" dưới khía cạnh tính và lý thuyết của nó.
- Trong Phần II chúng tôi sẽ khảo sát "Vai trò của Giám Sát Viện trong công cuộc bãi trừ tham nhũng" dưới khía cạnh động và thực tế của định chế giám sát hiện định này.





# PHẦN THỨ NHẤT

---

GIÁM SÁT VIỆN  
ĐỀ NHI CÔNG HÒA



## PHẦN THỨ NHẤT

### GIÁM SÁT VIỆN ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ

\*\*\*\*\*

Là một nước tiếp cận với Trung Quốc cộng thêm gần một ngàn năm Bắc thuộc đã khiến Việt Nam chịu ảnh hưởng của Trung Quốc về nhiều mặt, trong đó có cả định chế giám sát. Đến khi tiếp xúc với người Tây phương, Việt Nam lại tiếp nhận thêm một số ảnh hưởng, kể cả kỹ thuật tổ chức và điều hành các định chế giám sát theo một chiều hướng tân tiến. Cũng vì vậy mà các định chế giám sát ở Việt Nam càng ngày càng tăng trưởng qua những thời đại khác nhau để đáp ứng với nhu cầu mỗi ngày một thêm phần cấp bách.

Sau đây, chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu chế độ giám sát Đệ Nhị Cộng Hoà tuân tự trong hai chương :

CHƯƠNG I : Sự thành lập các định chế giám sát ở  
Việt Nam

CHƯƠNG II : Tổ chức và Điều hành Giám sát viện  
Đệ Nhị Cộng Hoà.

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

### SỰ THÀNH LẬP CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT Ở VIỆT NAM

+++++

Để góp phần soi sáng chế độ giám sát Đệ Nhị Cộng Hoà, chúng ta cũng nên xét qua các định chế giám sát ở Việt Nam trước thời Đệ Nhị Cộng Hoà để sau đó chúng ta sẽ khảo sát sự thành lập Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hoà với tiến trình thành lập cũng như vị trí của nó trong tổ chức công quyền hiện tại.

#### TIẾT I : CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT Ở VIỆT NAM TRƯỚC THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA.

Trong tiết này, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu các định chế giám sát ở Việt Nam theo hai giai đoạn : giai đoạn trước hiệp định Hạ Long ngày 5-6-1948 và giai đoạn từ Hiệp định Hạ Long cho đến trước ngày thành lập Đệ Nhị Cộng Hoà vào năm 1967.

#### MỤC I : CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT Ở VIỆT NAM TRƯỚC HIỆP ĐỊNH HÀ LONG 1948.

Trong thời thượng cổ, chẳng những chúng ta không có một tài liệu nhỏ nhặt nào về định chế giám sát mà ngay cả tổ chức chính trị chúng ta cũng không được biết một cách rõ ràng.

Đến thời kỳ Bắc thuộc (111 trước Tây lịch - 939 sau Tây lịch), đất nước chúng ta bị sáp nhập vào

Trung Quốc và thời kỳ này chấm dứt bằng cuộc khởi -  
nghĩa của Ngô Quyền đưa đến sự thiết lập những triều-  
đại tự chủ và quân chủ.

DOAN I : CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT TRƯỚC THỜI LÊ THÀNH TÔNG :

Dưới các đời nhà Ngô, Đinh và Tiền Lê, chúng  
ta cũng không có một tài liệu nào về định chế giám sát  
ở nước ta.

Cho đến đời nhà Lý (1010 - 1225), chúng ta mới  
thấy có hai chức Tả Hữu Giám nghị đại phu có nhiệm vụ  
can gián nhà vua. (10)

Đến đời nhà Trần (1225 - 1400), lần đầu tiên  
có sự thiết lập Ngự sử đài, một cơ quan có nhiệm vụ  
khuyến cáo Vua và đàn hặc văn võ bá quan các cấp (11).  
Đứng đầu Ngự sử đài là quan Thị Ngự sử với sự phụ tá  
của các Giám sát Ngự sử, Ngự sử Trung tán v.v....

Định chế Ngự sử đài với những nhiệm vụ nêu  
trên vẫn được tiếp tục áp dụng dưới đời nhà Hồ và dưới  
thời Lê sơ (1428 - 1459) trải qua các triều vua Lê -  
Thái Tổ, Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông. Chỉ có sự thay  
đổi về danh xưng khi vua Lê Thái Tổ cải tên chức quan  
cai quản Ngự sử đài thành Đô Ngự sử thay vì chức Thị-  
Ngự sử như dưới đời Trần (12).

\*\*\*\*\*

(10) Nguyễn ngọc Huy, Văn hoá Việt Nam, bản in ronéo  
của sinh viên Học viện Quốc gia Hành Chính, Ban  
Hành chính Cao học khoá 6, niên khoá 1971-1972,  
trang 125.

(11) Ibid., trang 126.

(12) Phan huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí :  
bản dịch của Lương Thân Cao Nãi Quang, Saigon,  
Luật khoa Đại học, 1957, trang 66.

Sau đó, vào năm 1459, vua Lê Nhân Tông bị người anh là Nghi Dân giết chết và cướp ngôi. Trong thời gian tám tháng tự xưng làm Vua, lần đầu tiên ở nước ta Nghi Dân thiết lập đầy đủ Lục Bộ vào năm 1460 : Lại Bộ, Hộ Bộ, Lễ Bộ, Binh Bộ, Hình Bộ và Công Bộ. Song song với Lục Bộ và để kiểm soát công việc của Lục Bộ, đây cũng là lần đầu tiên ở nước ta Nghi Dân cho thiết lập Lục khoa là Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Nam khoa, Tây khoa và Bắc khoa (13). Nhưng đến tháng Sáu năm Cảnh thìn (1460), Nghi Dân bị một số quan đại thần bắt giết và người con thứ tư của Vua Lê Thái Tông được rước lên làm Vua, tức là vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

ĐOAN II : CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT TỪ THỜI LÊ THÁNH TÔNG

CHO ĐẾN HIỆP ĐỊNH HÀ LONG 1948. -

A. - ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT DƯỚI THỜI LÊ THÁNH TÔNG :

Dưới triều Lê Thánh Tông, tổ chức chính quyền được xem là có qui củ nhất. Riêng về định chế giám sát thì trong thời kỳ này, vua Lê Thánh Tông đã cải danh Lục khoa của thời Nghi Dân như sau :

- Trung thư khoa được gọi là Lại khoa
- Hải khoa được gọi là Hộ khoa
- Đông khoa được gọi là Lễ khoa
- Nam khoa được gọi là Binh khoa
- Tây khoa được gọi là Hình khoa
- Bắc khoa được gọi là Công khoa (14).

\*\*\*\*\*

(13) Khâm định Việt sử thông giám cương mục, bản in mộc bản, Huế, Quốc sử quán, 1885, quyển 19, tờ thứ 2, mặt trước.

(14) Ibid., tờ thứ 30.

Tác giả Lê kim Ngân đã phân tích là dưới triều Lê Thánh Tông, Lục khoa là những cơ quan kiểm soát về phương diện chuyên môn, song song với Ngự sử đài là cơ quan kiểm soát về phương diện tổng quát tại trung ương cũng như ở địa phương (các đạo) (15).

1)- Tổ chức các khoa dưới triều Lê Thánh Tông.-

Mỗi khoa đều có quan Đô Cấp sự trung đứng đầu và có Cấp sự trung phụ tá. Nhiệm vụ của mỗi Khoa được minh định như sau :

- Lại khoa : kiểm soát Lại Bộ về phương diện cất nhắc thăng thưởng các quan cho đúng với khả năng.
- Hộ khoa : kiểm soát và giúp đỡ Hộ Bộ trong việc thu xuất vật dụng, tiền bạc v.v...
- Lễ khoa : đàn tấu về những nghi chế sai bực của Lễ Bộ.
- Binh khoa : kiểm soát về công việc của Binh Bộ.
- Hình khoa : kiểm soát công việc thẩm xét của Hình Bộ.
- Công khoa : kiểm soát công việc của Công Bộ xem có chậm trễ, biếng nhác hay không.

\*\*\*\*\*

(15) Lê kim Ngân, Tổ chức chính quyền trung ương dưới triều Lê Thánh Tông, Saigon, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1963, trang 97 - 98.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 957

2) - Tổ chức Ngự sử đài dưới triều Lê Thánh Tông.-

Về tổ chức Ngự sử đài thì có tổ chức Ngự sử đài ở trung ương và tổ chức Ngự sử đài tại các đạo ở địa phương.

Đứng đầu Ngự sử đài ở trung ương là quan Đô Ngự sử và phụ tá là các quan Phó Đô Ngự sử và Thiêm Đô Ngự sử. Thêm vào đó, còn có quan Đề hình Giám sát Ngự sử trông coi về việc hình án do Ngự sử đài khám đoán.

Về tổ chức Ngự sử đài ở địa phương, vua Lê Thánh Tông đặt ra các quan Giám sát Ngự sử các đạo trực thuộc Ngự sử đài ở trung ương để kiểm soát công việc quân và dân thuộc các đạo : Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hoá - Nghệ An, Giám sát Ngự sử đạo Hải dương - An bang, Giám sát Ngự sử đạo Sơn nam - Thuận hoá - Quảng nam, Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây - Hưng hoá, Giám sát Ngự sử đạo Kinh bắc - Lạng Sơn và Giám sát Ngự sử đạo Thái nguyên - Tuyên quang.

Như vậy, ngay từ thời Lê Thánh Tông, ngoài hệ thống kiểm soát nội bộ về phương diện chuyên môn là Lục khoa với các Đô Cấp sự trung tương tự như hệ thống thanh tra các Bộ ngày nay, chúng ta còn thấy một cơ quan riêng biệt là Ngự sử đài để kiểm soát về phương diện tổng quát như Giám Sát Viện ngày nay với đầy đủ các thành phần giám sát ở trung ương và địa phương.

B.- CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT TỪ THỜI LÊ THÁNH TÔNG ĐẾN HIẾP ĐỊNH HẠ LONG 1948.-

Định chế giám sát của thời Lê Thánh Tông vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến những triều đại sau này. Dưới triều Gia Long (1802 - 1819), ngoài Lục Bộ, chúng ta thấy có Đô sát viện giữ nhiệm vụ can gián vua và đàn

hạ các quan Cấp sự trung các khoa và Giám sát Ngự sử các đạo đều trực thuộc Đô sát viện (16).

Tuy nhiên, đến thời vua Tự đức (1848 - 1883), mọi định chế của Việt Nam đều bị đảo lộn khi người Pháp chiếm đóng Nam Kỳ từ năm 1862 và nhất là khi hoà ước Patenôtre được ký vào ngày 6-6-1884 thì cả Bắc kỳ và Trung kỳ đều được đặt dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp.

MỤC II : CÁC ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT Ở VIỆT NAM TỪ 1948 CHO

ĐẾN NGÀY THÀNH LẬP ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ.-

Sau hơn tám mươi năm đô hộ, nền cai trị của Pháp đã thực sự suy sụp kể từ Đệ nhị thế chiến với sự xua quân của Nhật Bản vào Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng tạo cơ hội cho các phong trào kháng thực lớn mạnh. Ngày 19-8-1945, "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh" (Việt Minh) đã nổi dậy cướp chính quyền nhưng sau những thỏa hiệp với người Pháp bị thất bại, Việt Minh đã phải phát động công cuộc kháng chiến trên toàn quốc vào ngày 19-12-1946. Và cũng vì không thể điều đình được với Việt Minh, người Pháp đã giúp sức thiết lập một chính phủ quốc gia và ký kết với chính phủ này một Hiệp định và một thỏa hiệp. Đó là Hiệp định Hạ long và thỏa hiệp Elysée. Trong hiệp định Hạ long ngày 5-6-1948, chính phủ Pháp thừa nhận nền độc lập của Việt Nam nhưng Việt Nam phải ở trong khối Liên hiệp Pháp. Trong thỏa hiệp Elysée ngày 8-3-1949, nước Pháp tuyên bố không cản trở việc xử Nam kỳ sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam, nhưng chủ quyền đối ngoại của Việt Nam phải dựa trên chính sách của Liên hiệp Pháp cũng như quân đội Liên hiệp - Pháp vẫn sẽ đóng quân tại Việt Nam trong suốt thời kỳ có chiến tranh.

\*\*\*\*\*

(16) Nguyễn ngọc Huy, Op. Cit., trang 132.



DOAN I : VIỆN GIÁM SÁT THIẾT LẬP NĂM 1949.-

Ngay sau khi được "độc lập trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp", chính quyền quốc gia đã thiết lập một cơ quan kiểm soát hành chính gọi là Viện Giám Sát do điều 12 Dự số 2 ngày 1-7-1949 tổ chức qui chế các công sở. Tiếp theo đó, sắc lệnh số 52-QT ngày 18-10-1949 ấn định tổ chức, nhiệm vụ và sự điều hành của Viện Giám Sát như sau :

A.- TỔ CHỨC VIỆN GIÁM SÁT NĂM 1949.-

Về tổ chức, Viện Giám Sát gồm một số vị Giám sát do Quốc Trưởng bổ nhiệm bằng sắc lệnh sau khi Hội đồng Tổng Trưởng thảo luận. Các vị Giám sát được tuyển chọn trong các nhân sĩ được quốc dân trọng vọng vì đức tính và kinh nghiệm trong các việc công.

B.- QUYỀN HẠN :

Về quyền hạn, theo điều 5 sắc lệnh 52-QT ngày 18-10-1949, các vị Giám Sát có quyền :

- thanh tra tổng quát để kiểm soát sự điều hành và quản đốc các công sở.
- điều tra riêng về hành động của công chức các công sở.
- trình Quốc Trưởng các khuyết điểm về sự điều hành các công sở và hành động của công chức xét có thể phương hại tới công ích và quyền lợi của quốc gia dân tộc.
- trình Quốc Trưởng mọi ý kiến và đề nghị cải thiện sự tổ chức, điều hành và phối trí các công sở để tăng gia hiệu lực và tiết kiệm công quỹ.

Các vị Giám sát được hưởng một phụ cấp riêng và ngoại trừ trường hợp quá tang phạm pháp, các vị Giám sát chỉ có thể bị bắt, giam giữ và truy tố ra trước Tòa Án sau khi Quốc Trưởng chuẩn cấp giấy phép. Quốc Trưởng cũng có thể ký sắc lệnh cách chức các vị này sau khi Hội đồng Tổng Trưởng thảo luận.

Tuy nhiên, các vị Giám sát chỉ được quyền điều tra về hành động của công chức sau khi nhận được chỉ thị của Quốc Trưởng.

### C.- ĐIỀU HÀNH.

Về phương diện điều hành, theo điều 6 Sắc lệnh số 52-QT ngày 18-10-1949, trước khi mở cuộc điều tra một công chức, Viện Giám Sát phải xin lệnh của Quốc Trưởng. Trước khi điều tra hay thanh tra, các vị Giám sát cũng cần liên lạc với các Tổng Trưởng, Bộ Trưởng và Thủ hiến sở quan để được cung cấp những tài liệu và mọi sự giúp đỡ cần thiết. Các vị Giám sát cũng có quyền mời bất cứ người nào để lấy lời khai và những người này bắt buộc phải cho biết tất cả tài liệu tin tức và phải giải thích các điều mà các vị Giám sát hỏi tới. Nếu không đến trình diện, các đương sự có thể bị truy tố theo luật lệ hiện hành trừng phạt các người làm chứng khuyết tịch, trừ trường hợp bất khả kháng. Sau khi kết thúc cuộc thanh tra hoặc điều tra, các vị Giám sát phải phúc trình Quốc Trưởng công tác đã thi hành cùng các ý kiến và đề nghị trừng phạt tùy trường hợp.

Tuy nhiên, theo điều 9 Sắc lệnh số 52-QT ngày 18-10-1949, các vị Giám sát không được tự mình trực tiếp quyết định gì cả. Các vị Giám sát họp Hội đồng dưới quyền chủ tọa của Quốc Trưởng khi được Quốc Trưởng triệu tập.

D.- NHẬN XÉT :

Căn cứ vào các văn kiện thiết lập, tổ chức và điều hành Viện Giám Sát nêu trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy thẩm quyền của Viện Giám sát bị giới hạn và lệ thuộc Quốc Trưởng. Trên thực tế, từ khi được thiết lập cho đến khi bị bãi bỏ vào năm 1952, Viện Giám Sát không có một hoạt động gì cụ thể do sự bất động của chính Quốc Trưởng Bảo Đại.

ĐOẠN II : NHA TỔNG THANH TRA HÀNH CHÍNH VÀ TÀI CHÍNH

THIẾT LẬP NĂM 1952.-

Để thay thế Viện Giám Sát, một Nha Tổng Thanh Tra Hành Chính và Tài Chính được thiết lập bên cạnh Thủ Tướng Chánh phủ do sắc lệnh số 87-CP ngày 2-10-1952 để thanh tra các sở hành chính thuộc các cơ quan công quyền và các tập thể công lập.

A.- TỔ CHỨC NHA TỔNG THANH TRA HÀNH CHÍNH VÀ TÀI CHÍNH NĂM 1952.-

Về tổ chức, Nha Tổng Thanh Tra Hành Chính và Tài chính được đặt dưới sự điều khiển của một Tổng Thanh Tra thuộc quyền trực tiếp của Thủ Tướng Chánh Phủ. Tổng Thanh Tra được bổ nhiệm bằng sắc lệnh của Quốc Trưởng chiếu theo đề nghị của Thủ Tướng.

B.- QUYỀN HẠN :

Về quyền hạn, các viên chức ngành thanh tra có quyền đòi các cơ quan xuất trình những tài liệu cần thiết để thi hành nhiệm vụ. Các viên chức ngành thanh tra cũng có thể tạm thời cho ngưng hoạt động của các kế toán viên nếu thấy có điều bất chánh nhưng phải báo tin cho vị chỉ huy của đương sự liên hệ cũng như báo tin cho Tổng Thanh Tra.

Các viên chức ngành thanh tra có thể bị cách chức cũng như có thể bị trừng phạt về hành chính và bị truy tố trước Tòa Án.

C.- DIỀU HÀNH :

Theo điều 9 Sắc lệnh số 87 - CP ngày 2-10-1952, Tổng Thanh Tra và các Chánh thanh tra thi hành nhiệm vụ theo sự vụ lệnh của Thủ Tướng chánh phủ định hoặc do sáng kiến của Thủ Tướng hoặc theo lời yêu cầu của Tổng Trưởng và Bộ Trưởng. Sự vụ lệnh chỉ định rõ đối tượng của nhiệm vụ.

Sau khi thi hành xong nhiệm vụ, viên chức được chỉ định phải đệ trình lên Tổng Trưởng sở quan tờ trình về cuộc kiểm soát để chuyển đến cáo tri nhân viên bị kiểm soát và để nhân viên này đệ trình tờ biện minh trong hạn 15 ngày. Tờ trình về cuộc kiểm soát cũng được gửi đến Tổng Thanh Tra để đệ trình Thủ Tướng.

D.- NHẬN XÉT :

Theo sắc lệnh số 87-CP ngày 2-10-1952, chúng ta không thấy có qui định cho Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh thẩm quyền kiểm soát các công - ty hợp doanh cũng như thẩm quyền điều tra các tư nhân liên hệ với công chức trong các hành vi tham nhũng. Mặt khác, sắc lệnh số 87-CP cũng không minh thị ban cấp cho các viên chức ngành thanh tra quyền đề nghị các biện pháp cải thiện sự tổ chức và điều hành các công sở hay đề nghị trừng phạt các công chức phạm lỗi. Các viên chức ngành thanh tra cũng không được hưởng những bảo đảm tối thiểu trong khi thi hành nhiệm vụ. Tất cả những khuyết điểm đó cho thấy thẩm quyền quá hạn hẹp của các viên chức trong Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh so với Viện Giám Sát năm 1949.

Ngoài ra, về phương diện điều hành, chúng ta dễ dàng nhận thấy Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh cũng như Viện Giám Sát năm 1949 chỉ có tính cách thụ động vì không có quyền tự động mở cuộc thanh tra hoặc điều tra. Do đó, trên thực tế trong suốt thời gian từ khi thành lập cho đến ngày 1-11-1963, Thủ Tướng Chánh Phủ cũng như Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm sau này chẳng mấy khi ký sự vụ lệnh công tác cho các vị Tổng Thanh Tra, Chánh Thanh Tra và Thanh Tra trong Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài chánh.

DOẠN III : NHA TỔNG THANH TRA HÀNH CHÁNH VÀ TÀI CHÁNH  
CẢI TỔ TỬ SAU CÁCH MẠNG 1-11-1963.-

Sau ngày cách mạng 1-11-1963, Thủ Tướng Chánh Phủ lâm thời Nguyễn ngọc Thơ đã cố gắng cải tổ ngành thanh tra bằng cách sáp nhập Nha Thanh Tra Tài Chánh thuộc Bộ Tài Chánh và Nha Thanh Tra Hành Chánh thuộc Bộ Nội Vụ vào Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài - Chánh trực thuộc Phủ Thủ Tướng do sắc lệnh số 21-TTP ngày 2-12-1963. Với Sắc lệnh này, thẩm quyền của Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh được nới rộng rất nhiều. Sau đó, sắc lệnh số 180-TTP ngày 27-4-1964 tổ chức đoàn thanh tra cũng trù liệu nhiều ưu đãi về mặt vật chất.

A.- TỔ CHỨC CỦA NHA TỔNG THANH TRA HÀNH CHÁNH và  
TÀI CHÁNH SAU NGÀY CÁCH MẠNG 1-11-1963.-

Về tổ chức, theo Sắc lệnh số 180-TTP ngày 27-4-1964, đoàn thanh tra trực thuộc Phủ Thủ Tướng và gồm có một Tổng Thanh Tra và một số thanh tra tối đa là 30 người. Tất cả đều được tuyển chọn trong số công chức hạng A có trên 10 năm công vụ và chỉ số lương bằng hoặc trên 690, đã từng giữ chức vụ điều khiển từ hàng Chánh sự vụ trở lên ít nhất hai năm và có danh tiếng tốt về cách phục vụ cũng như về đức hạnh.

B.- QUYỀN HẠN :

Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh này có thẩm quyền :

- Kiểm soát sự điều hành thường xuyên các công sở và các cộng đồng công lập của quốc gia.
- Đề nghị mọi biện pháp cần thiết hoàn bị và cải tổ các công sở hoặc cộng đồng công lập.
- Kiểm soát việc thi hành các ngân sách công và trường mục ngoại ngân sách.
- Kiểm soát các cơ quan công lập tự trị, các xí - nghiệp kinh tế hỗn hợp và các cơ quan tư nhân mà hoạt động liên hệ với quyền lợi của Ngân khố quốc gia.

C.- ĐIỀU HÀNH :

Nha Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh thi hành nhiệm vụ thanh tra thường xuyên mỗi tháng ít nhất một lần tại trung ương cũng như ở địa phương, ngoài những cuộc điều tra bất thần. Đoàn thanh tra thi hành nhiệm vụ trong khuôn khổ những sự vụ lệnh của Tổng Thanh Tra. Bản sao những sự vụ lệnh này phải đệ trình Chủ tịch Hội đồng quân nhân cách mạng (Quốc Trưởng), Thủ Tướng Chánh Phủ và các Tổng Trưởng Bộ Trưởng sở quan. Sau khi thi hành xong nhiệm vụ, Tổng Thanh Tra sẽ đệ phúc trình kết quả cùng với ý kiến và đề nghị lên Chủ tịch Hội đồng Quân nhân cách mạng và Thủ Tướng chánh phủ.

D.- NHẬN XÉT :

Nhà Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh kể từ sau ngày cách mạng 1-11-1963 đã được nới rộng thêm quyền và được tự do thi hành nhiệm vụ chứ không còn lệ thuộc vào sự vụ lệnh của Thủ Tướng Chánh Phủ như trước.

Tuy nhiên, những bảo đảm cần thiết cho các viên chức ngành thanh tra vẫn chưa được dự trù và con số tối đa là 30 thanh tra vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu công-vụ. Ngoài ra vì tình trạng xáo trộn Chính trị có tính - cách thường trực sau ngày cách mạng 1-11-1963, Nhà Tổng Thanh Tra Hành Chánh và Tài Chánh đã gần như là thụ - động cho đến khi bị giải tán vào năm 1966 và được thay thế bởi Giám Sát Viện trực thuộc Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (Thủ Tướng Chánh Phủ).

ĐOÀN IV : GIÁM SÁT VIỆN THIẾT LẬP NĂM 1966.-

Trước tình trạng tham nhũng mỗi ngày một thêm trầm trọng, Nội các Chiến tranh đã tiến một bước khá mạnh với sự thành lập một Giám sát viện trực thuộc Ủy ban Hành pháp Trung ương do sắc lệnh số 34 - SL/HP/VP ngày 8-3-1966.

A.- TỔ CHỨC GIÁM SÁT VIỆN NĂM 1966.-

Giám Sát Viện đặt dưới quyền chỉ huy của một Giám Sát Viện Trưởng có một Giám Sát Phó Viện Trưởng và một đoàn thanh tra phụ tá. Giám Sát Viện Trưởng (được xếp ngang hàng với một ủy viên tức Bộ Trưởng) và Giám sát Phó Viện Trưởng (được xếp ngang hàng với một Thứ Ủy tức Thứ Trưởng) đều được bổ nhiệm bằng sắc lệnh

của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương và có quyền tham dự Hội đồng nội các, Hội đồng Kinh tế Tài chính Quốc Gia và các Ủy ban liên bộ.

Đoàn thanh tra gồm có Tổng Thanh Tra, Chánh Thanh Tra và Phó Thanh tra được bổ nhiệm bằng nghị định của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương trong số nhân viên chánh ngạch hoặc ngoại ngạch hạng A thuộc các ngạch hành chánh tài chánh hoặc chuyên môn, có ít nhất hai năm giữ chức vụ điều khiển từ hàng Chánh sự vụ trở lên, có khả năng, danh tiếng tốt và hội đủ các đức tính liêm - khiết, cứng rắn và thiện chí phục vụ. Nhân viên đoàn thanh tra cũng được hưởng nhiều ưu đãi về vật chất.

#### B.- NHIỆM VỤ.-

Giám sát viện 1966 là cơ quan tối cao kiểm soát sự điều hành guồng máy quốc gia về các phương diện nội chánh, hành chánh, tài chánh, kinh tế và xã hội. Cơ quan này hành sử thẩm quyền trên toàn lãnh thổ quốc gia đối với tất cả các cơ quan công quyền, tập thể công lập, cơ quan tự trị, xí nghiệp quốc doanh, công ty hợp doanh và xí nghiệp tư mà sự hoạt động liên hệ đến quyền lợi của công nho.

Nhiệm vụ của Giám sát Viện cũng vì vậy mà rất nặng nề bao quát :

- nghiên cứu ảnh hưởng việc thực thi chủ trương của chính phủ và ghi nhận phản ảnh nhu cầu và thỉnh nguyện của nhân dân.
- kiểm soát việc thực hiện những chương trình cải cách, đề nghị biện pháp sửa đổi.
- Thanh tra thường xuyên các cơ quan công quyền và đề nghị biện pháp cải tiến.



- kiểm soát các khoản chi thu của các ngân sách quốc gia, tỉnh, xã và trường mục ngoại ngân sách.
- Kiểm soát việc sử dụng và phân phối tài nguyên quốc gia và ngân khoản ngoại viện.
- Tổ chức những cuộc nghiên cứu hoặc công cán trong hay ngoài nước có lợi cho nền hành chính.
- Bài trừ bất công xã hội, tệ đoan áp bức, lạm quyền, tham nhũng, lãng phí và hối lộ.
- Phối trí hoạt động của những hệ thống thanh tra tại các bộ, do đó có quyền điều động hệ thống thanh tra liên bộ mỗi khi cần đến.

C.- ĐIỀU HÀNH.-

Vì chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự điều hành Giám sát viện, Giám sát Viện Trưởng có quyền hoạch định đường lối và chương trình hoạt động của Giám sát Viện, sử dụng nhân viên Đoàn thanh tra, tổ chức và điều khiển những cuộc thanh tra và điều tra, kiểm điểm và khai thác kết quả thu hoạch được.

Do đó, quyền hạn của Giám sát Viện trưởng khá rộng rãi, kể cả quyền ngưng chức nhân viên phạm lỗi nặng để điều tra hay tạm câu lưu viên chức quá tọng phạm tội áp bức dân chúng, gian lận công ngân, nhận hối lộ. Trong hai trường hợp đặc biệt cho ngưng chức hay tạm câu lưu nói trên, Giám sát Viện trưởng phải trình ngay các sự kiện lên Chủ tịch Ủy ban Hành Pháp Trung Ương để thẩm tưỡng và một bản sao tờ trình sẽ gửi lên cho Bộ, Phủ hoặc Tổng Cục sở quan để cử người thay thế.

Giám sát viện Trưởng chỉ nhận mệnh lệnh của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương và chịu trách nhiệm trước vị này mà thôi.

D.- NHẬN XÉT :

Định chế Viện Giám Sát 1966 có ưu điểm là nhiệm vụ và quyền hạn cũng như quyền lợi được gia tăng.

Tuy nhiên, Viện Giám Sát cũng vướng phải nhiều khuyết điểm. Trước hết, về phương diện tổ chức, Giám sát Viện là một cơ quan trực thuộc chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương nên quyền tự do hành động của Giám sát Viện vẫn còn bị hạn chế. Thêm vào đó, Giám sát Viện thiết lập năm 1966 cũng không có những tổ chức địa phương làm tai mắt cho mình để những công cuộc điều tra tại địa phương được thêm phần hữu hiệu. Về phương diện điều hành, Giám Sát Viện 1966 được tổ chức theo quan niệm cá nhân chỉ huy, do đó sự thành công hay thất bại tùy thuộc một phần lớn ở vị chỉ huy ngành Giám sát là Giám sát Viện trưởng. Và sau cùng về phương diện nhân sự, tổng số nhân viên Đoàn Thanh Tra không quá 30 người và phần lớn đều là những người có Cử Nhân Luật mới được tuyển bổ nên chưa có những kiến thức đầy đủ về hành chánh, tài chánh, luật pháp và kỹ thuật điều tra cũng như chưa có những kinh nghiệm cần thiết.

TIẾT 11 : SỰ THÀNH LẬP GIÁM SÁT VIỆN

ĐỀ NGHỊ CỘNG HOÀ.-

Rút tĩa ưu khuyết điểm của các chế độ giám sát đã được áp dụng từ trước đến nay tại Trung Hoa và Việt Nam và trong ý hướng hữu hiệu hoá công cuộc bài trừ tham nhũng, Quốc Hội Lập Hiến trong khi soạn thảo Hiến Pháp đã chú trọng đặc biệt đến sự cải thiện chế độ giám sát mà chúng ta sẽ lần lượt xét đến tiến trình thành lập cũng như vị trí của định chế giám sát đó trong cơ cấu quốc gia.

MUC I : TIẾN TRÌNH THÀNH LẬP GIÁM SÁT VIỆN

ĐỀ NGHỊ CỘNG HOÀ.-

Công việc thiết lập một chế độ giám sát hiến định đã có một quá trình lịch sử đầy lý thú. Vì vậy chúng ta cũng cần xem xét quá trình đó để tìm hiểu ý chí của các nhà lập hiến và trước đó chúng ta cũng nên điểm lại tiến trình thành lập Quốc Hội Lập Hiến vào năm 1966.

ĐOẠN I : TIẾN TRÌNH THÀNH LẬP QUỐC HỘI LẬP HIẾN

VÀO NĂM 1966.-

Vào ngày 5-4-1966, Đại Hội đồng Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà quyết định triệu tập "Đại Hội nghị Chánh trị toàn quốc" để xét và việc xúc tiến thành lập Quốc Hội Lập Hiến tiếp theo sau những đòi hỏi của nhân dân ở một số đô thị trên toàn quốc. Và "Đại Hội nghị Chánh trị toàn quốc" đã được triệu tập vào các ngày 12, 13, 14-4-1966 gồm 115 đại biểu của một số đoàn thể chánh trị, tôn giáo, hội đồng dân cử, đoàn thể thanh niên, phụ nữ, đoàn thể chuyên nghiệp và thân hào nhân sĩ. Và theo đề nghị của "Đại Hội nghị Chánh trị toàn quốc", Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã ban hành sắc luật số 14/66 ngày 14-4-1966 thành lập Quốc Hội Lập Hiến.

Ngày 6-5-1966, Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương ban hành sắc lệnh số 75-SL/HC/PC triệu tập một Ủy ban có nhiệm vụ soạn thảo Dự án Sắc luật ấn định tổ chức và thể thức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Sau một tháng hoạt động, Ủy ban soạn thảo đệ trình lên Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia dự án Sắc luật ấn định tổ chức và thể thức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến.

Sau đó, vào ngày 19-6-1966, để kỷ niệm một năm chấp hành của Nội các chiến tranh và để thể hiện phần nào ý chí xây dựng dân chủ của Quân Lực Việt Nam Cộng-Hoà, Trung Tướng Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã ban hành các sắc luật số 21/66 và 22/66 ấn định tổ chức và thể thức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Và 117 dân biểu Quốc Hội Lập Hiến đã được dân chúng bầu ra vào ngày 11-9-1966.

Đến ngày 20-9-1966, Trung Tướng Thiệu ban hành sắc lệnh số 320/CT/LĐQG/SL triệu tập Quốc Hội Lập Hiến vào ngày thứ ba 27-9-1966. Và sau gần 6 tháng hoạt động, Quốc Hội Lập Hiến đã biểu quyết xong toàn bộ bản văn dự án Hiến Pháp gồm 9 chương, 117 điều vào ngày 18-3-1967.

Riêng định chế giám sát cũng đã là đối tượng của những cuộc thảo luận và biểu quyết đầy cam go và sôi nổi.

ĐOẠN II : TIỀN TRÌNH THÀNH LẬP MỘT CHẾ ĐỘ  
GIÁM SÁT HIẾN ĐỊNH.-

A.- ĐỀ NGHỊ GHI VÀO HIẾN PHÁP MỘT ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT  
NGANG HÀNG VỚI LẬP PHÁP, HÀNH PHÁP và TƯ PHÁP  
BỊ BÁC BỎ.-

Theo biên bản số 42/QLH/BB về phiên họp ngày 23-12-1966 của Quốc Hội Lập Hiến, Dân biểu La Thành Nghệ, Trưởng ban Định chế đặc biệt của Ủy ban thảo hiến và Dân biểu Nguyễn Văn Phát, thuyết trình viên, đồng đề nghị thiết lập trong Hiến Pháp một quyền thứ tư là quyền giám sát và đặt giám sát viện ngang hàng với cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp.

Sau những cuộc thảo luận đầy cam go và sôi nổi, Quốc hội Lập Hiến đã biểu quyết không chấp nhận thiết lập trong Hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hoà một quyền thứ tư là quyền giám sát đặt Giám sát viện ngang hàng với Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Trong cuộc biểu quyết vòng thứ nhất, đề nghị của Ủy ban thảo hiến chỉ được 57 phiếu thuận nên không hội đủ túc số do Nội quy Quốc hội Lập Hiến ấn định là 2/3 tổng số 117 dân biểu, tức là 78 phiếu. Trong cuộc biểu quyết vòng nhì, đề nghị của Ủy ban thảo hiến chỉ còn được 45 phiếu thuận nên cũng không hội đủ túc số hợp lệ là quá bán tổng số dân biểu, tức là 59 phiếu.

Phần lớn lý do được đưa ra để bác bỏ sự thiết lập một định chế giám sát ngang hàng với Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp là sự e ngại một định chế giám sát như vậy sẽ biến Giám sát viện thành một siêu chính phủ giữ độc quyền tham nhũng. Tuy nhiên, đa số dân biểu vẫn nhìn nhận sự hữu ích của một định chế giám sát.

**B.- KIẾN NGHỊ XIN THẢO LUẬN LẠI VẤN ĐỀ VÀ GHI VÀO  
HIẾN PHÁP MỘT ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT ĐƯỢC CHẤP NHẬN :**

Vì tầm quan trọng của vấn đề cho nên trong phiên họp ngày 29-12-1966 (biên bản số 47-QHLH), Quốc hội Lập Hiến đã thảo luận lại về định chế giám sát thể theo kiến nghị của 16 dân biểu. Trong phiên họp này, Quốc Hội Lập Hiến đã biểu quyết chấp nhận nguyên tắc thành lập Giám sát Viện trong Hiến pháp.

Tuy nhiên, Quốc Hội Lập Hiến không xác định vị trí của Giám sát Viện đối với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp và Quốc hội Lập Hiến không biểu quyết các câu hỏi sau đây do thuyết trình viên đặt ra ?

- Giám sát Viện có phải là một định chế đặc biệt với một vị trí biệt lập ?

- Giám sát viện có phải là một định chế đặc biệt dưới quyền kiểm soát của Quốc Hội ?
- Giám sát viện có phải là một định chế đặc biệt dưới quyền kiểm soát của Tư Pháp ?
- Giám sát viện có phải là một định chế đặc biệt dưới quyền kiểm soát của Hành pháp ?

Việc giải quyết các chi tiết vừa kể được Quốc Hội Lập Hiến giao cho Ủy ban thảo hiến. Còn về những nét chánh thì dù không chấp nhận thiết lập một quyền thứ tư là quyền giám sát trong Hiến pháp nhưng Quốc Hội Lập Hiến đã đồng ý về sự cần thiết phải thiết lập một định chế giám sát ngay trong Hiến Pháp, trừ một số dân biểu thuộc khối Đại chúng và nhất là khối Liên minh Dân chủ thân chánh quyền.

C.- TIẾN TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BIỂU QUYẾT NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LIÊN HỆ ĐẾN ĐỊNH CHẾ GIÁM SÁT.-

Theo dân biểu Phạm đình Hưng (17), lúc đó là Phó Chủ Tịch Ủy Ban thảo hiến tại Quốc Hội Lập Hiến, lúc đầu Ủy Ban thảo hiến đặt Giám sát viện và Đặc biệt Pháp viện trong chương "Lập Pháp". Nhưng sau đó Tiểu ban tu chính dự thảo Hiến pháp của Ủy ban thảo hiến do chính Dân biểu Phạm đình Hưng chủ tọa đã đem Giám sát viện và Đặc biệt pháp viện sang chương "Các định chế đặc biệt" vì nhận thấy rằng việc đặt Giám sát viện và Đặc biệt Pháp viện trực thuộc Lập pháp sẽ làm đảo lộn thế quân bình giữa Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp.

\*\*\*\*\*

(17) Phạm đình Hưng et al., Giám sát viện Đệ Nhị

Cộng Hoà, Saigon, 1970, trang 60.

Sau đó, liên tiếp trong hai ngày 1-3-1967 và 2-3-1967, Quốc Hội Lập Hiến đã thảo luận và biểu quyết các điều 88, 89, 90 và 91 Hiến pháp liên quan đến định chế Giám sát viện.

Chính những cuộc thảo luận và biểu quyết sẽ giúp chúng ta xác định vị trí của định chế Giám sát viện của nền Đệ Nhị Cộng Hoà.

DOẠN II : VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN TRONG  
CÁC CƠ CẤU QUỐC GIA.-

Để tìm hiểu vị trí của Giám sát viện đối với các cơ quan Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu những cuộc thảo luận và biểu quyết ở Quốc Hội Lập hiến cũng như chính bản văn Hiến Pháp liên hệ đến Giám sát viện.

A.- VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN CAN CỨ TRÊN NHỮNG CUỘC  
THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT Ở QUỐC HỘI LẬP HIẾN.-

Như đã trình bày ở trên, trong phiên họp ngày 23-12-1966, Quốc Hội Lập Hiến đã biểu quyết không chấp nhận thiết lập trong Hiến Pháp Đệ nhị Cộng hoà một quyền thứ tư là quyền giám sát ngang hàng với Lập pháp, Hành Pháp và Tư pháp. Phần lớn lý do được đưa ra là sự e ngại một định chế giám sát như vậy sẽ biến Giám sát Viện thành một siêu chính phủ và là một cơ quan giữ độc quyền tham nhũng.

Sau đó, trong phiên họp ngày 29-12-1966, Quốc Hội Lập Hiến đã biểu quyết chấp nhận nguyên tắc thành lập Giám sát viện trong Hiến Pháp nhưng không xác định vị trí của Giám sát viện đối với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp.

Vì vậy, vấn đề vị trí của Giám Sát Viện chỉ có thể xác định qua những cuộc thảo luận và biểu quyết về các điều 88, 89, 90 và 91 Hiến pháp trong hai ngày 1-3-1967 và 2-3-1967. Ngay trong các phiên họp này, cũng còn một thiếu sót dân biểu đặt đi đặt lại những vấn đề đã được chấp thuận hoặc bác bỏ trên nguyên tắc. Chẳng hạn như Dân biểu Ksor-Rot thuộc đơn vị Phú Bổn đã muốn nâng Giám sát viện lên hàng Đệ tứ quyền, một đề nghị đã bị Quốc hội Lập Hiến bác bỏ trước đây trong phiên họp ngày 23-12-1966. Và chẳng hạn như Dân biểu Nguyễn Văn Ngãi thuộc đơn vị Thừa Thiên, trưởng khối Đại chúng tại Quốc Hội Lập Hiến, vẫn còn chống đối sự thiết lập một định chế giám sát trong Hiến pháp dù rằng điều này đã được Quốc hội Lập Hiến biểu quyết chấp nhận trước đây trong phiên họp ngày 29-12-1966. Dân biểu Ngãi cho rằng :  
..... "Chúng ta đã công nhận tự do báo chí, có đối lập, có chính đảng và với phương thức bầu cử thường xuyên do Quốc Hội qui định trong Hiến Pháp này, chúng tôi thấy những biện pháp kỹ thuật đó đủ để thanh lọc những phần tử thối nát rồi. Tôi nghĩ rằng sự hiện diện của Giám sát Viện ở đây hoàn toàn không cần thiết. Bởi vậy, tôi xin lưu ý Quốc Hội nên duyệt xét lại cẩn thận vấn đề đó" (18).....

Nhìn chung, đa số dân biểu Quốc Hội Lập Hiến đã ủng hộ khuynh hướng của Ủy Ban thảo hiến, theo đó Giám sát viện tuy không phải là một đệ tứ quyền nhưng ít ra cũng phải có một cương vị độc lập đối với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp và phải có khá đủ quyền hạn để thi hành nhiệm vụ bài trừ tham nhũng.

\*\*\*\*\*

(18) Quốc hội Lập hiến, Biên bản phiên họp số

080-QHLH/BB ngày 2-3-1967, trang 9.



Sau đây là ý kiến của một vài dân biểu thuộc  
khuyh hướng vừa kể :

1)- Ý kiến của Dân biểu Võ Hữu Thu thuộc  
đơn vị Huế (19) :

..... "Viện Giám sát không thể trở thành một siêu  
chánh phủ hay trở thành bù nhìn bất lực. Nếu chúng ta  
để quyền hạn và trách nhiệm không tương xứng, hoặc cả  
hai không có mức độ đồng đều, đương nhiên quốc gia sẽ  
thoái bộ, các cơ cấu sẽ đến độ chia rẽ và tiêu cực.  
Quyền nhiều thì sẽ lộng hành, không quyền sẽ trở thành  
bù nhìn".....

2)- Ý kiến của Dân biểu Nguyễn minh Đăng thuộc  
đơn vị Long Khánh (20) :

..... "Chúng tôi mong quý vị chấp nhận có Giám sát  
viện nhưng Ủy ban thảo hiến cũng như Tiểu ban tu chính  
nên xếp đặt lại thế nào để cho Giám sát viện có thực  
quyền và sẽ thi hành hữu hiệu, chớ không phải chúng ta  
chỉ bôi son phấn trong bản Hiến pháp, nghĩa là để cho  
nhân dân hiểu rằng có Giám sát viện mà không có thực  
quyền, chúng tôi không đồng ý vấn đề đó".....

3)- Và nhất là ý kiến của Dân biểu Phạm đình Hưng  
thuộc đơn vị Bình Dương và là thuyết trình  
viên của Ủy ban Thảo hiến (21) :

..... "Chúng tôi đã trình bày nhiều lần rằng Giám  
sát viện cần phải có một vị trí biệt lập với các cơ

\*\*\*\*\*

(19) Ibid., trang 14.

(20) Ibid., trang 21.

(21) Ibid., trang 10.

quan công quyền thì mới có hy vọng hoạt động được hữu hiệu về thi hành đúng đắn nhiệm vụ của mình. Giám sát viện không thể trực thuộc một cơ quan công quyền nào cả. Giám sát viện được đặt vào chương VI này và được coi là một định chế đặc biệt cũng như Đặc biệt Pháp - viện và thành phần gồm có đại diện của ba cơ quan công quyền. Với vị trí như vậy, chúng ta mới hy vọng Giám sát viện sẽ làm tròn nhiệm vụ của mình".....

Như vậy, căn cứ vào ý kiến đã được phát biểu trong những cuộc thảo luận và biểu quyết tại Quốc Hội Lập Hiến về những điều khoản liên hệ đến định chế giám sát, chúng ta cũng thấy được ý định của các nhà lập hiến muốn ban cấp cho định chế giám sát một vị trí độc lập với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp và một quyền hạn khá đủ để thi hành nhiệm vụ bài trừ tham nhũng.

#### B.- VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN CĂN CỨ TRÊN CHÍNH BẢN VĂN HIẾN PHÁP.-

Theo bố cục của Hiến Pháp, Giám sát viện được đặt trong Chương VI (các định chế đặc biệt), kế tiếp theo chương III (Lập pháp), chương IV (Hành pháp) và chương V (Tư pháp). Bố cục đó đã nói lên ý muốn của các nhà lập hiến đặt định Giám sát viện vào cương vị một định chế đặc biệt và có tính cách độc lập đối với Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp.

Vị trí độc lập của Giám sát viện còn được xác nhận bởi các điều khoản của Hiến Pháp ngày 1-4-1967 liên hệ đến định chế giám sát.

#### 1)- Điều 88 Hiến Pháp với thẩm quyền rộng lớn của Giám sát viện.-

Theo điều 88 Hiến pháp, Giám sát viện có thêm quyền :

- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia.
- Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.
- Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân biểu, Nghị sĩ, Chủ tịch Tối cao Pháp viện.
- Riêng đối với Chủ tịch Giám sát viện và các Giám sát viện, việc kiểm kê tài sản do Tối cao Pháp viện đảm trách.

Với thẩm quyền rộng lớn chi phối tất cả các cơ quan công quyền và tất cả các nhân viên từ thấp đến cao, Giám sát viện đã có một vị trí độc lập đối với các cơ quan Hành pháp - Lập pháp và Tư pháp.

Tuy nhiên, theo ý chúng tôi, một thẩm quyền rộng lớn như vậy vẫn không thể biến Giám sát viện thành một chánh phủ tối cao vì lẽ mọi thẩm quyền rốt cuộc cũng chỉ là "đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Toà Án có thẩm quyền" theo như điều 89 của Hiến pháp ngày 1-4-1967. Điều đó cho thấy dù Quốc Hội Lập Hiến có ý ban cấp một vị trí độc lập cho Giám sát viện nhưng các dân biểu Quốc Hội Lập Hiến vẫn tìm cách giới hạn Giám sát viện chớ không để cho định chế giám sát hiến định này có một vai trò lấn át các cơ quan khác. Hơn thế nữa, chính điều 89 Hiến pháp nêu trên sẽ gây khó khăn cho những hoạt động của Giám sát viện sau này và là một trong những khó khăn căn bản mà chúng ta sẽ xét đến trong Phần II.

2)- Điều 91 Hiến pháp với ngân sách tự trị và quyền lập qui được dành cho Giám sát Viện.-

Theo điều 91 Hiến pháp, Giám sát viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát.

Như vậy, với quyền tự trị về ngân sách, Giám sát viện được tự do thiết lập ngân sách của mình trong giới hạn trợ cấp của Ngân sách Quốc gia và thi hành ngân sách này dưới sự kiểm soát nội bộ của chính mình. Và với quyền lập qui được ủy nhiệm, chủ tịch Giám sát viện có thể ban hành các văn kiện lập qui để tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát và những văn kiện này có hiệu lực đối kháng với tất cả các cơ quan công quyền cũng như công dân Việt Nam (22).

Chính Ủy ban Tư pháp và Định chế của Thượng nghị viện cũng đã phân tích quyền lập qui của Giám sát viện là quyền lập qui biệt lập và hiến định (pouvoir réglementaire autonome et constitutionnel), do đó không thể bị hạn chế và Giám sát viện có quyền ban hành sắc lệnh thường, nghị định, quyết định, thông tư và chỉ thị (23).

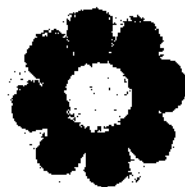
\*\*\*\*\*

(22) Phạm Đình Hưng et al., Op. Cit., trang 70.

(23) Thượng nghị viện, Ủy ban Tư pháp Định Chế, chuyên phiếu số 577/TNV ngày 30-1-1969.

Với ngân sách tự trị và quyền lập qui nêu trên, Giám sát viện đã không còn bị hạn chế hoạt động như các định chế giám sát trước đây và mọi công việc thanh tra, điều tra, kiểm kê tài sản và thẩm tra kế toán cũng được tiến hành nhanh chóng. Và chính vì có ngân sách tự trị và quyền lập qui biệt lập và hiến định mà Giám sát viện có được một vị trí độc lập.

Tóm lại, căn cứ vào ý định của các nhà lập hiến qua những cuộc thảo luận và biểu quyết tại Quốc Hội Lập Hiến cũng như căn cứ vào bản văn Hiến Pháp, chúng ta thấy rằng dù Giám sát viện không được công nhận là một đệ tứ quyền ngang hàng với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp nhưng Giám sát viện đã được ban cấp một vị trí độc lập với các cơ quan công quyền vừa kể.



## CHƯƠNG THỨ HAI

### TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

#### GIÁM SÁT VIỆN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

\*\*\*\*\*

Chế độ giám sát Đệ Nhị Cộng Hoà thoát thai từ các điều 88, 89, 90 và 91 của Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng ngày 1-4-1967 ấn định thẩm quyền, nhiệm vụ, tổ chức đại cương về thủ tục điều hành và ngân sách của Giám sát viện. Riêng điều 91 đoạn chót có qui định rằng : "Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Giám sát viện".

Thực thi Hiến Pháp, Quốc Hội Lập Pháp sau đó đã biểu quyết luật số 009/68 được Tổng Thống ban hành ngày 23-10-1968 ấn định về tổ chức và điều hành Giám sát viện. Luật này gồm tất cả 5 chương, 42 điều nói về thẩm quyền và nhiệm vụ, tổ chức, điều hành, qui chế Giám sát viện và các điều khoản tổng quát và chuyển tiếp.

Sau đó, Giám sát Viện đã sử dụng quyền lập qui để tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát dự liệu ở điều 91 Hiến Pháp. Khởi đầu là Bản Nội Quy được Hội đồng Giám sát viện chung quyết ngày 18-11-1968 và tu chính ngày 18-2-1969. Nội Quy gồm tất cả 7 chương và 83 điều khoản ấn định danh hiệu - thành phần - nhiệm vụ - trụ sở, cơ cấu tổ chức, thủ tục điều hành, trật

tự kỷ luật, liên lạc giữa Giám sát viện và các cơ quan công quyền và các điều khoản tổng quát - Tiếp theo Nội Quy là Sắc lệnh số 1/GSV/SL ngày 18-1-1969 sửa đổi bởi sắc lệnh số 01-GSV/SL ngày 21-1-1970 gồm có 25 điều ấn định tổ chức các cơ sở nội bộ Giám sát viện như Văn phòng Chủ tịch, Khối Quản trị, Khối Thanh tra và điều tra, khối thẩm tra kế toán và kiểm kê tài sản, các Toà Đặc Ủy Giám sát địa phương và Đoàn chuyên viên. Kế đó là Sắc lệnh số 2-GSV/SL ngày 18-1-1969 sửa đổi bởi Sắc lệnh số 6-GSV/SL ngày 2-6-1969 thiết lập ngạch thanh tra Giám sát viện với 9 chương, 30 điều ấn định nhiệm vụ, đẳng cấp lương bổng, tuyển bổ, thăng trật, kỷ luật, thôi việc và những điều khoản chuyển tiếp cho các vị thanh tra Giám sát viện. Thêm vào đó là Sắc lệnh số 08-GSV/SL ngày 2-9-1969 ấn định chức chương Tổng cuộc Trưởng và tổ chức Tổng cuộc kiểm soát kế toán và kiểm kê tài sản gồm 3 chương, 21 điều ấn định chức chương, tổ chức và các điều khoản linh tinh. Và sau cùng là Sắc lệnh 02-GSV/SL ngày 22-6-1970 ấn định thủ tục kiểm tra kế toán.

Tất cả các văn kiện nêu trên là nguồn gốc pháp lý của chế độ giám sát Đệ nhị Cộng hoà Việt Nam. Chúng tôi sẽ căn cứ vào các văn kiện căn bản đó để trình bày và nhận xét về tổ chức và điều hành Giám sát viện dưới các khía cạnh thẩm quyền và nhiệm vụ, thành phần Giám sát viện và qui chế Giám sát viện, cơ cấu tổ chức và thủ tục điều hành.

TIẾT I : TRÌNH BÀY VÀ NHẬN XÉT VỀ THẨM QUYỀN  
VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

MỤC I : THẨM QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

Theo điều 88 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hoà ngày 1-4-1967, Giám sát Viện có thẩm quyền và nhiệm vụ :

- 1 - Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tông phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia.
- 2 - Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.
- 3 - Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền, kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân Biểu, Nghị sĩ, Chủ tịch Tối cao Pháp viện.

Thêm vào đó, điều 88 Hiến pháp còn trao phó cho Giám sát viện thêm hai quyền hạn :

- 4 - Giám sát viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa Án có thẩm quyền.
- 5 - Giám sát viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

Ngoài ra, luật số 009/68 ngày 23-10-68 về tổ chức và điều hành Giám sát viện còn trao phó thêm



cho Giám sát viện một thẩm quyền và nhiệm vụ theo điều 1 khoản 5 :

- 6 - Đề nghị các biện pháp cải thiện lề lối làm việc của các cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh nhằm ngăn ngừa tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc những hành vi phương hại đến quyền lợi quốc gia.

MỤC II : NHẬN XÉT VỀ THẨM QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ  
CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

ĐOẠN I : ƯU ĐIỂM

Với những thẩm quyền nêu trên, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy là Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hoà có thể kiểm soát tất cả các cơ quan công quyền, dù là Hành pháp, Lập pháp hay Tư pháp. Trong khi đó, Viện Giám sát của Trung Hoa Dân Quốc mà chúng ta đã mô phỏng một phần nào và là một định chế được xem là quyền thứ năm ngang hàng với các quyền Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp và Khảo thí, cũng chỉ "có quyền kiểm soát tất cả các cơ quan chánh quyền, trừ Viện Lập pháp" (24). Như vậy, Giám sát viện Đệ nhị Cộng Hoà Việt Nam có một thẩm quyền rất rộng, ít ra là trên lý thuyết. Tuy nhiên, như chúng tôi đã có dịp nhận xét khi tìm hiểu về vị trí của Giám sát viện căn cứ trên chính bản văn Hiến Pháp, một thẩm quyền rộng lớn như vậy vẫn không thể biến Giám sát viện thành một chánh phủ tối cao vì lẽ mọi thẩm quyền rốt cuộc cũng chỉ là "đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa Án có thẩm quyền" theo như điều 89 của Hiến pháp ngày 1-4-1967.

\*\*\*\*\*

(24) Nguyễn ngọc Huy, "Chế độ Giám sát ở Trung Quốc", Đông Nai văn tập, Tập I, tháng 11 năm 1965, trang 44.

Ngoài ra, quyền công bố kết quả cuộc điều tra theo như điều 89 khoản 2 Hiến Pháp cũng có thể xem là một lợi khí giúp cho Giám sát viện minh bạch hoá những công việc của mình trước công luận cũng như giúp cho Giám sát viện tạo áp lực với Hành pháp một khi những quyết nghị của Hội đồng Giám sát viện không được Hành pháp thi hành.

DOAN II : KHUYẾT ĐIỂM.-

Điều 88 khoản 1 Hiến pháp và điều 1 khoản 1 Luật số 9/68 qui định Giám sát viện có thẩm quyền và nhiệm vụ "thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia".

Thẩm quyền vừa kể đã không được giải thích một cách minh bạch. Trước hết, hành vi gọi là "phương hại đến quyền lợi quốc gia", vừa có tính cách quá rộng rãi vừa mơ hồ có thể tạo nên một tình trạng bất an toàn về pháp lý cho công dân. Mặt khác, thẩm quyền của Giám sát viện đối với tư nhân cũng không được xác định một cách rõ ràng. Nếu chúng ta giải thích một cách chặt chẽ điều khoản nói trên, Giám sát viện chỉ có thẩm quyền thụ lý đối với tư nhân trong trường hợp tư nhân là đồng phạm hay tòng phạm với nhân viên các cơ quan công quyền về mọi hành vi kẻ trù như tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế v.v... Nhưng trong những hành vi kẻ trù như đầu cơ (spéculation) hoặc hối mại quyền thế (trafic d'influence), tư nhân không phải là đồng phạm hay tòng phạm mà là chính phạm. Thực vậy, trong những hành vi phạm pháp đó, tư nhân không thể là đồng phạm vì lẽ nhân viên công quyền không tham dự vào hành vi chính yếu để có thể bị xem là đồng phạm. Và tư nhân

càng không thể là tòng phạm vì lẽ ở đây tư nhân là tác giả của hành vi chánh yếu khả trừng chớ không phải chỉ dự vào bằng cách chỉ bảo, chuẩn bị, giúp đỡ ... để có thể được xem là tòng phạm. Như vậy, trong những hành vi phạm pháp như đầu cơ, hối mại quyền thế, tư nhân mới là chính phạm, còn nhân viên công quyền chỉ có thể là tòng phạm mà thôi.

Đây là một sơ sót của các nhà lập hiến và lập pháp và chúng ta cần phải hiểu rằng Giám sát viện vẫn có quyền thụ lý dù tư nhân là chính phạm, đồng phạm hay tòng phạm với một nhân viên công quyền trong các hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế, v.v...

TIẾT 11 : TRÌNH BÀY VÀ NHẬN XÉT VỀ THÀNH PHẦN GIÁM SÁT VIÊN VÀ QUI CHẾ GIÁM SÁT VIÊN.

MỤC I : THÀNH PHẦN GIÁM SÁT VIÊN VÀ QUI CHẾ GIÁM SÁT VIÊN.

ĐOẠN I : THÀNH PHẦN GIÁM SÁT VIÊN.

Vì Giám sát viện có thẩm quyền kiểm soát cả ba cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp và để giữ thế quân bình giữa ba cơ quan đó, điều 90 khoản 1 Hiến Pháp ngày 1-4-1967 và điều 3 luật số 009/68 ngày 23-10-1968 qui định rằng Quốc hội, Tổng Thống và Tối cao Pháp viện được quyền chỉ định một phần ba trong tổng số 18 Giám sát viên, tức mỗi cơ quan vừa kể được quyền chỉ định 6 vị. Quốc Hội, Tổng Thống và Tối Cao Pháp Viện được hoàn toàn tự do trong việc tuyển chọn và không nhất thiết phải chọn lựa Giám sát viên trong hàng ngũ nhân viên của mình, ngoại trừ những điều kiện phải hội đủ theo như điều 3 Luật số 9/68 để có thể được chỉ định

làm Giám sát viên như có quốc tịch Việt Nam nguyên thủy hay đã hồi tịch ít nhất mười năm, đủ 30 tuổi, không bị án đại hình hay tiểu hình ngoại trừ các tội phạm sơ xuất hay bất cần, cư ngụ liên tục tại Việt Nam ít nhất 5 năm và ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch.

Điều 5 Luật số 9/68 qui định "Nhiệm kỳ của Giám sát viên là 4 năm. Các Giám sát viên có thể được tái bổ nhiệm và có quyền từ chức". Theo điều 6 luật số 9/68 nhiệm kỳ của Giám sát viên cũng có thể bị chấm dứt vì một trong những lý do sau đây :

- Mệnh một, thất tung
- Từ chức
- Bị truất quyền vì can tội phản quốc và các trọng tội khác như đã dự liệu nơi điều 87 Hiến Pháp.
- Bất lực về tinh thần hay thể chất do Hội Đồng Giám sát viện quyết định với đa số 3/4 tổng số Giám sát viên, căn cứ trên phúc trình của một Hội đồng giám định Y khoa gồm 5 y sĩ chuyên môn do y sĩ đoàn đề cử.
- Bị một trong ba thành phần chỉ định liên hệ giải nhiệm vì lý do bất lực trong công vụ hoặc liên can trực tiếp hay gián tiếp với các hành vi tham nhũng dưới bất kỳ hình thức nào.

Mười tám vị Giám sát trong nhiệm kỳ đầu tiên đã long trọng tuyên thệ nhậm chức trước lưỡng viện Quốc Hội có sự hiện diện của Tổng Thống và Chủ tịch Tối cao Pháp viện vào ngày 30-10-1968. Nhiệm kỳ này sẽ chấm dứt vào ngày 30-10-1972 sắp tới.

ĐOẠN II : QUI CHẾ GIÁM SÁT VIÊN.-

Vì tính cách cao quý của chức vụ Giám sát, Giám sát viên được hưởng một chế độ phụ cấp rộng rãi tương đương với dân biểu Hạ nghị viện để có thể đạt hết tâm trí, khả năng, nghị lực và thời giờ vào việc thi hành sứ mạng. Theo điều 38 luật số 9/68, "Giám sát viên không thể kiêm nhiệm một chức vụ công hay tư nào khác, dù có thù lao hay không, ngoại trừ việc giảng huấn tại các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật. Giám sát viên và người hôn phối không thể tham dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với các cơ quan công quyền và hợp doanh".

Và để giúp các vị Giám sát duy trì tinh thần vô tư, cương trực và độc lập trong suốt nhiệm kỳ, luật số 9/68 đã ban cấp cho các vị Giám sát một số bảo đảm :

- 1)- Không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một Giám sát viên vì những sự phát biểu và biểu quyết tại Hội đồng Giám sát viên, nếu không có sự chấp thuận của hai phần ba tổng số dân biểu, nghị sĩ. Trong trường hợp quá tang phạm pháp, việc truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử sẽ được đình chỉ nếu có sự yêu cầu của quá bán tổng số dân biểu, nghị sĩ. (Điều 34 Luật số 9/68).
- 2)- Các Giám sát viên có quyền và nhiệm vụ bảo mật về xuất xứ các tài liệu trình bày trước Hội đồng Giám sát viên. Tuy nhiên các Giám sát viên có nghĩa vụ trưng bày bằng cứ tài liệu trước các cơ quan thẩm quyền để làm sáng tỏ nội vụ. (Điều 36 Luật số 9/68).
- 3)- Chỉ Hội đồng Giám sát viên mới có quyền hệ cấp đối với các Giám sát viên. (Điều 37 Luật số 9/68).

- 4) - Mãn nhiệm kỳ, Giám sát viên nguyên là công chức, đương nhiên hồi ngạch cũ nếu có đơn xin và thời gian phục vụ tại Giám sát viện được tính thâm niên trong ngạch của các đương sự. (Điều 39 ~~Luật~~ số 9/68).

MỤC II : NHẬN XÉT VỀ THÀNH PHẦN GIÁM SÁT VIỆN  
VÀ QUI CHẾ GIÁM SÁT VIỆN.-

ĐOẠN I : NHẬN XÉT VỀ THÀNH PHẦN GIÁM SÁT VIỆN.-

Trước hết, thể thức chỉ định các vị Giám sát đã phản ảnh ý định của các nhà lập hiến và lập pháp muốn tạo lập thế quân bình và sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp với số đại diện đồng đều của ba cơ quan này trong thành phần cấu tạo Hội đồng Giám sát viện. Về vấn đề này, Nghị sĩ Trương tiến Đạt, nguyên Tổng thư ký Quốc Hội Lập Hiến, đã khẳng định là có "sự lệ thuộc của Giám sát viện đối với ba cơ quan do ở vấn đề tuyển chọn nhân viên giám sát" (25). Theo thiên ý, sự lệ thuộc của Giám sát viện, nếu có, cũng không phải bắt nguồn từ thể thức chỉ định này vì lẽ sau khi được chỉ định, các vị Giám sát chỉ thuộc quyền hệ cấp của Hội đồng Giám sát viện theo như điều 37 luật số 9/68 ngày 23-10-1968.

Tuy nhiên, trong hiện trạng Việt Nam, chúng tôi nghĩ rằng cách thể chỉ định này có thể làm nản lòng những người có thiên chí cũng như sẽ không tạo được thế quân bình và hợp tác giữa ba thành phần hành pháp, lập-

\*\*\*\*\*

(25) Trương tiến Đạt, Hiến pháp chú thích,  
Saigon 1967, trang 328.

pháp và tư pháp như sự mong muốn của các nhà lập hiến và lập pháp. Thực vậy, một mặt về phía thành phần do Tổng Thống chỉ định, có thể vì uy tín của mình Tổng - Thống sẽ phải chọn những người được tiếng là trong sạch nhưng dù sao Tổng Thống cũng chỉ có thể chọn lựa trong số vài người thân tín hoặc được giới thiệu mà thôi. Về phía thành phần do Tối Cao Pháp Viện chỉ định, những ứng cử viên Giám sát chắc chắn được chọn lọc kỹ hơn vì là một đoàn thể tương đối chặt chẽ nhưng dù sao tình trạng phe phái vẫn có thể xảy ra. Riêng về phía thành phần do Quốc Hội chỉ định vốn đã sẵn phân hoá nên tình trạng tranh dành còn gay cấn gấp bội và theo lời Ông Giám sát Võ Văn Ba vốn là Dân biểu, hai trong số ba dân biểu ứng cử Giám sát đã phải rút tên để nhường cho ông trong cuộc chạy đua vào Giám sát viện trước "làn sóng xâm lăng" của những người không phải là dân biểu đã ứng cử vào chức vụ Giám sát trước Quốc hội (26). Tất cả những sự tranh dành đó có thể làm nản lòng những người có thiện chí. Mặt khác, cách thể chỉ định này cũng không tạo được thế quân bình và hợp tác giữa ba thành phần Hành pháp, lập pháp và tư pháp vì lẽ Tổng Thống, Quốc Hội và Tối cao Pháp viện không bị bó buộc phải chọn lựa Giám sát viên trong hàng ngũ nhân viên của mình. Phân tích thành phần các Giám sát viên trong nhiệm kỳ đầu tiên 1968 - 1972, chúng ta sẽ thấy Quốc Hội chỉ chọn có một Giám sát viên trong hàng ngũ nhân viên của mình (Ô. Võ Văn Ba), Tối Cao Pháp Viện chọn được 5 Giám sát viên trong số các thẩm phán ứng cử (các ông Phạm đình Hưng, Trần tác Lâm, Nguyễn Văn Lượng, Phan Huy Thạch và Việp Văn Tý) và Tổng Thống chọn được 4 Giám sát viên trong số các nhân viên của Hành Pháp (các ông Cao Xuân Thiệu, Ngô Xuân Tích, Trần Văn Thới và Nguyễn Quang Sanh).

\*\*\*\*\*

(26) Võ Văn Ba, Đặc Ủy Giám Sát Khu IV, Phòng vấn

(Saigon : 8 tháng 5 năm 1972)

Ngoài ra, nhiệm kỳ 4 năm của Giám sát viên quá ngắn, theo đó tính cách hữu hiệu của công vụ có thể bị giảm sút cũng như tinh thần vô tư và độc lập cũng có thể bị ảnh hưởng một phần nào. Chưa kể nhiệm kỳ nêu trên còn trùng hợp với nhiệm kỳ Tổng Thống và Hạ nghị viện. Theo thiên ý, chính những điều đó đã ít nhiều khiến cho Giám sát viên phải lệ thuộc vào các cơ quan công quyền khác, đặc biệt là Hành pháp và Lập pháp. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong Phần II khi đề nghị những biện pháp nhằm xây dựng một chế độ giám sát hữu hiệu.

ĐOẠN II : NHẬN XÉT VỀ QUI CHẾ GIÁM SÁT VIÊN :

Về qui chế Giám sát viên, Luật số 9/68 đã hạn chế quyền đặc miễn tài phán của các vị Giám sát và bắt các vị này phải lệ thuộc Quốc Hội thay vì ban cho họ các bảo đảm mà điều 37 Hiến pháp ngày 1-4-1967 đã dành cho các dân biểu và Nghị sĩ cũng như các bảo đảm mà điều 59 Luật số 7/68 ngày 3-9-1968 đã dành cho các thẩm phán tối cao Pháp viện. Một mặt, các điều khoản vừa kể đã qui định ngoài trường hợp quả tang phạm pháp thì không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử dân biểu, nghị sĩ và thẩm phán Tối cao Pháp viện vì những sự phát biểu và biểu quyết của họ trong suốt thời gian pháp nhiệm. Và mặt khác, mọi sự truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử dân biểu, nghị sĩ và thẩm phán Tối cao Pháp viện chỉ có thể thực hiện nếu có sự chấp thuận của 3/4 tổng số dân biểu nghị sĩ (đối với dân biểu nghị sĩ) và 2/3 tổng số thẩm phán Tối cao Pháp viện (đối với thẩm phán Tối cao Pháp viện). Chưa kể trong trường hợp quả tang phạm pháp, mọi sự truy tố tạm nã bắt giam hay xét xử dân biểu, nghị sĩ và thẩm phán Tối cao pháp viện cũng phải được đình chỉ nếu có sự yêu cầu của Viện sở quan. Trong khi đó, đối với các vị Giám sát, Viện sở quan lại không có một quyền hạn gì trong vấn đề này mà



phải lệ thuộc vào Quốc hội qua sự minh định của điều 34 Luật số 9/68 như đã trình bày ở Đoạn trên.

Điều này cho thấy là Quốc Hội có ý giới hạn quyền hành của Giám sát viện, có lẽ một phần do "mặc cảm uất ức" (complexe de frustration) vì Giám sát viện đã tước đoạt chút ít quyền kiểm soát nền Hành chính mà các nhà lập pháp vốn vẫn muốn độc quyền trên phương diện đó.

### TIẾT III : TRÌNH BÀY VÀ NHẬN XÉT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

Về phương diện tổ chức tổng quát, Giám sát viện gồm có các cơ cấu sau đây theo như điều 8 Luật số 9/68 :

- 1)- Hội đồng Giám sát viện.
- 2)- Văn phòng Giám sát viện và các cơ quan trực thuộc.
- 3)- Các Ban chuyên biệt trung ương.
- 4)- Các khu Giám sát địa phương.

Tổ chức tổng quát vừa kể theo luật số 9/68 đã được chi tiết hoá bởi sắc lệnh số 1/GSV/SL ngày 18/1/1969 ấn định tổ chức các cơ sở nội bộ Giám sát viện như sau :

- 1)- Văn phòng chủ tịch.
- 2)- Khối Quản trị.
- 3)- Khối Thanh tra và Điều tra.
- 4)- Khối Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản.
- 5)- Các Toà Đặc Ủy Giám sát địa phương.
- 6)- Một đoàn chuyên viên.

MỤC I : TRÌNH BÀY VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

DOAN I : CƠ CẤU TỔ CHỨC TỔNG QUÁT THEO LUẬT SỐ 9/68 :

A.- HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT VIỆN :

Quyền chỉ đạo Giám sát viện thuộc một Hội đồng gồm toàn thể 18 vị Giám sát gọi là Hội đồng Giám sát viện. Mọi quyết định quan trọng của Giám sát viện đều phải được thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng này. Theo điều 9 Luật số 9/68, Hội đồng Giám sát viện có nhiệm vụ :

- 1 - Quản trị ngành Giám sát.
- 2 - Soạn thảo nội quy và tổ chức nội bộ viện.
- 3 - Thiết định kế hoạch và chương trình hoạt động.
- 4 - Biểu quyết ngân sách tự trị của Viện.
- 5 - Quyết định về trường hợp bất lực tinh thần hay thể chất của các Giám sát viên định nơi điều 6.
- 6 - Cứu xét và quyết định về việc đề nghị các biện pháp chế tài đối với các viên chức phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự phạm lỗi.
- 7 - Quyết định việc công bố kết quả cuộc điều tra. Tuy nhiên, nếu có sự yêu cầu của người bị điều tra, Giám sát viện phải công bố kết quả.

B.- VĂN PHÒNG GIÁM SÁT VIỆN.-

Theo điều 12 luật số 9/68, Văn phòng Giám sát viện do Hội đồng Giám sát viện bầu ra trong một cuộc bầu phiếu kín, gồm có :

- Chủ tịch
- Một Phó Chủ tịch
- Các Trưởng ban chuyên biệt
- Một Tổng Thư ký được xếp ngang hàng như một trưởng ban.

Theo điều 13 Luật số 9/68, Văn phòng Giám sát viện có nhiệm vụ :

- Chấp hành các quyết nghị của Hội đồng
- Quản trị Giám sát viện
- Thu thập dân ý, tổ chức các phòng dân ý tại Trung ương và địa phương.
- Chủ tịch Giám sát viện là chuẩn chi viên ngân sách tự trị của viện và được ủy nhiệm hành sử quyền lập qui của viện.
- Theo điều 19 khoản 6 của Bản Nội Quy, Tổng Thư ký giữ nhiệm vụ thanh toán viên ngân sách tự trị của viện.

Và theo điều 13 của Bản Nội Quy, nhiệm kỳ của Văn phòng là 12 tháng và có thể tái tục.

#### C.- CÁC BAN CHUYÊN BIỆT TRUNG ƯƠNG :

Theo điều 14 Luật số 9/68, các Ban Chuyên biệt trung ương của Giám sát viện gồm có Ban Điều tra cùng với Ban Thẩm tra Kế toán và Kiểm kê tài sản.

##### 1)- Ban Điều tra và Kiểm tra :

Theo điều 15 Luật số 9/68, Ủy ban Điều tra và Kiểm tra có nhiệm vụ :

- Mở các cuộc điều tra về các hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia của các nhân viên công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm.

- Mở các cuộc điều tra để tìm hiểu sự thật về mọi sự khiếu nại hợp lệ của người dân.
- Đề nghị truy tố hay áp dụng biện pháp kỷ luật đối với nhân viên công quyền phạm lỗi.
- Đề nghị biện pháp cải thiện lề lối làm việc của các cơ quan công quyền và hợp doanh.

Theo điều 20 của Bản Nội Quy, Ủy ban Điều tra và Kiểm tra gồm một chủ tịch và 5 Ủy viên đều là các vị Giám sát và nhiệm kỳ của các Ủy viên chấm dứt cùng một lượt với nhiệm kỳ của Chủ tịch Ủy ban. Cũng theo điều 20 vừa kể, Ủy ban Điều tra và kiểm tra được ban cấp thêm một số nhiệm vụ và quyền hạn :

- Thiết lập chương trình thanh sát hỗn hợp thường xuyên hàng năm do Giám sát viện phối trí và phân định công tác cho các hệ thống thanh tra hành chánh, tài chánh và chuyên môn của các cơ quan công quyền, các cơ quan công lập tự trị, các xí nghiệp quốc doanh và công ty hợp doanh.
- Thỏa hiệp với văn phòng khi quyết định xếp hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền một đơn thư, nhưng sau đó phải phúc trình cho Hội đồng Viện biết trong phiên họp định kỳ gần nhất.

2)- Ban thẩm tra kế toán và kiểm kê tài sản.-

Theo điều 16 Luật số 9/68, Ủy ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản gọi tắt là Ban kiểm kê Giám sát viện có nhiệm vụ :

- Kiểm kê tài sản của các nhân viên công quyền từ Tổng Thống trở xuống và các đại diện dân cử.

- Hậu kiểm thường xuyên các hồ sơ chi thu của những cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh.
- Tiền kiểm bắt đầu và tại chỗ tất cả các nghiệp vụ tài chính và kế toán của những cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh.
- Cứu xét những đơn khiếu tố liên quan đến việc thi hành ngân sách.
- Kiểm soát bảng tổng kết toán của Quốc gia và bảng kết toán của các tập thể địa phương trong mỗi tài khoá và đề nghị Hội đồng Giám sát thanh quyết toán ngân sách hoặc kết khiếm nhân viên có trách nhiệm.

Theo điều 21 của Bản Nội Quy, Ủy ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản gồm một Chủ tịch và 4 Ủy viên đều là các vị Giám sát và nhiệm kỳ của các Ủy viên chấm dứt cùng một lượt với nhiệm kỳ của Chủ tịch Ủy ban. Cũng theo điều 21 vừa kể, Ủy ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản được ban cấp thêm một số nhiệm vụ và quyền hạn :

- Nghiên cứu kế hoạch kiểm kê tài sản và đề nghị các biện pháp chế tài thích nghi đối với những phần tử man khai.
- Thỏa hiệp với Văn phòng khi quyết định xếp hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền một đơn thừa, nhưng sau đó phải phúc trình cho Hội đồng Viện biết trong phiên họp định kỳ gần nhất.
- Chủ tịch Ủy ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản giữ nhiệm vụ kiểm soát viên của ngân sách tự trị của Viện.

D.- CÁC KHU GIÁM SÁT ĐỊA PHƯƠNG.-

Điều 17 Luật số 9/68 qui định : "Ở các địa phương, Giám sát viện có thể thiết lập nhiều khu Giám sát. Mỗi khu bao gồm một số tỉnh và thị xã đặt dưới quyền của một Giám sát viên mệnh danh là Đặc Ủy Giám sát. Các Đặc Ủy Giám Sát do Hội Đồng Viện chỉ định".

Chi tiết hoá điều 17 Luật số 9/68 nói trên, Nội Quy Giám sát viện trong điều 25 đã qui định Việt Nam Cộng Hoà được chia thành 4 khu Giám sát địa phương :

- Khu Giám sát I bao gồm các thị xã Huế, Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Trị và Thừa Thiên.
- Khu Giám Sát II gồm các thị xã Đà Lạt, Cam Ranh và các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Darlac, Khánh Hoà, Kontum, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Pleiku, Phú Bổn, Phú Yên, Quảng Đức và Tuyên Đức.
- Khu Giám sát III gồm thị xã Vũng Tàu và các tỉnh Biên Hoà, Bình Dương, Bình Long, Bình Tuy, Hậu Nghĩa, Long An, Long Khánh, Phước Long, Phước Tuy, Tây Ninh và Gia Định.
- Khu Giám sát IV gồm các tỉnh An Giang, An Xuyên, Ba Xuyên, Bạc Liêu, Châu Đốc, Chương Thiện, Định Tường, Gò Công, Kiến Hoà, Kiến Giang, Kiến Phong, Kiến Tường, Phong Dinh, Vĩnh Long, Vĩnh Bình và Sa Đéc.

Đặc Ủy Giám sát do Hội đồng Viện bầu, nhiệm kỳ là một năm và có thể tái tục. Theo điều 26 của Bản Nội Quy, Đặc Ủy Giám sát có nhiệm vụ :

- Kiểm soát nhân viên các cơ quan công quyền phục vụ trong phạm vi khu Giám sát liên hệ về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia.
- Sưu tầm, tập trung tin tức và đề nghị mở các cuộc điều tra về các hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế và phương hại tới quyền lợi Quốc gia của các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm.
- Tổ chức các phòng dân ý tại các địa phương với sự cộng tác của các đại diện dân cử để thu thập dân ý.
- Đề nghị mở các cuộc thanh tra, điều tra và kiểm soát kế toán.
- Phối hợp với các vị Giám sát đồng viện để mở các cuộc thanh tra, điều tra và kiểm soát kế toán.
- Phối trí và phân định công tác của những hệ thống thanh tra của các cơ quan công quyền trong các cuộc thanh tra hỗn hợp.

ĐOẠN II : CƠ CẤU TỔ CHỨC CHI TIẾT VỀ CÁC CƠ SỞ NỘI BỘ  
CỦA GIÁM SÁT VIỆN THEO SẮC LỆNH SỐ 1/69 :

Tổ chức tổng quát của Giám sát viện theo luật số 9/68 được chi tiết hoá bởi sắc lệnh số 1/GSV/SL ngày 18-1-1969 sửa đổi bởi sắc lệnh số 01-GSV/SL ngày 21-1-1970 ấn định tổ chức các cơ sở nội bộ Giám sát viện như sau :

A.- VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH gồm có :

- 1)- Văn phòng chính danh, do một chánh văn phòng điều khiển, có một bí thư, ba công cán Ủy viên và hai Tham chánh văn phòng phụ tá.
- 2)- Phòng Báo chí, do một tham chánh văn phòng điều khiển.

B.- KHOẢNG QUẢN TRỊ, trực thuộc hệ thống chỉ huy của Tổng Thư Ký, do một Tổng Quản trị sự vụ điều khiển và gồm có các cơ quan sau đây :

- 1)- Sở Hành Chánh và Nhân viên có ba phòng :
  - Phòng Hành chánh
  - Phòng Quản trị nhân viên
  - Phòng tuyển mộ và tu nghiệp.
- 2)- Sở Ngân sách kế toán và vật liệu có ba phòng :
  - Phòng Ngân sách và ước chi
  - Phòng kế toán
  - Phòng vật liệu.
- 3)- Sở Pháp chế và sưu tầm tài liệu có hai phòng :
  - Phòng Pháp chế
  - Phòng văn khố và thư viện.
- 4)- Phòng công văn
- 5)- Bệnh xá
- 6)- Phòng xã hội
- 7)- Phòng An Ninh.



C.- KHỐI THANH TRA VÀ ĐIỀU TRA, trực thuộc hệ thống chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban Điều tra và Kiểm tra, do một Tổng Thanh tra, Trưởng đoàn Thanh tra Giám sát viện điều khiển và gồm có các cơ quan :

- 1)- Phòng văn thư
- 2)- Thanh tra đoàn
- 3)- Sở thanh tra sự vụ
- 4)- Sở nghiên cứu và dân ý

D.- KHỐI THẨM TRA KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ TÀI SẢN, trực thuộc hệ thống chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản và gồm có các cơ quan sau :

- 1)- Phòng văn thư.
- 2)- Phòng kiểm soát tài chính nội bộ.
- 3)- Tổng cuộc kiểm soát kế toán và kiểm kê tài sản do một Tổng cuộc Trưởng điều khiển, xếp ngang hàng với Tổng Thanh Tra và gồm có :

- Nha kiểm soát kế toán ngân sách quốc gia với 2 sở quân phí và Dân phí.

- Nha kiểm soát kế toán ngân sách địa phương, tự trị và các ngân sách khác với 2 sở : sở ngân sách địa phương và sở các ngân sách khác.

- Sở kiểm kê tài sản có hai phòng : Phòng tài liệu và Phòng kiểm tra.

E.- CÁC TOÀ ĐẶC ỦY GIÁM SÁT ĐỊA PHƯƠNG :

Toà Đặc ủy Giám sát tại mỗi khu đặt dưới quyền điều khiển của một Đặc Ủy Giám sát được một hay nhiều thanh tra phụ tá gồm ba phòng do một chánh sự vụ điều khiển :

- Phòng Hành Chánh
- Phòng Dân Ý
- Phòng Thanh tra và Điều tra.

F.- MỘT ĐOÀN CHUYÊN VIÊN, có nhiệm vụ phụ tá vị Giám sát trong việc hành sử nhiệm vụ Giám sát.

Tổ chức cơ cấu nội bộ Giám sát viện mô tả ở trên được sắp xếp theo sơ đồ đính hậu.

..... Sơ đồ .....



MỤC II : NHẬN XÉT VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA GIÁM SÁT VIỆN :

ĐOẠN I : ƯU ĐIỂM :

Trước hết, về tổ chức Hội đồng Giám sát viện, nguyên tắc "tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách" có thể góp phần ngăn ngừa sự lạm dụng quyền hành của các vị Giám sát và điều đó cũng thể hiện phần nào tính cách dân chủ trong sinh hoạt Giám sát viện. Tuy nhiên, nguyên tắc tập thể chỉ huy dễ phát sinh tình trạng "nhiều người nhiều ý" khiến cho mọi chế tài trở thành bất tương xứng với tội phạm và đó cũng là điều mà chúng ta sẽ có dịp xét đến trong Phần II khi bàn về vai trò của Giám sát viện trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

Kế đó, khi ấn định nhiệm kỳ của các nhân viên văn phòng Giám sát viện và các Trưởng ban chuyên biệt trung ương là một năm, Quốc Hội đã có ý hướng muốn cho Giám sát viện có thể áp dụng nguyên tắc luân chuyển các Giám sát viên nhằm bảo đảm sự vô tư của các vị này.

Sau cùng, việc thiết lập các khu giám sát địa phương cũng là một ưu điểm so với các định chế giám sát trước đây. Nhờ sự thiết lập các khu giám sát đó, các công cuộc điều tra ở địa phương sẽ thêm phần hữu hiệu vì có tại mắt tại chỗ.

ĐOẠN II : KHUYẾT ĐIỂM :

Về tổ chức văn phòng viện, sự đặt định hai ban chuyên biệt trung ương vào trong văn phòng viện không được hợp lý vì lẽ công việc của văn phòng Viện và của các ban chuyên biệt hoàn toàn khác nhau.

Ngoài ra, việc đặt định nhiệm vụ kiểm kê tài sản vào Ban Thẩm tra kế toán cũng không được hợp lý. Một phần vì công việc kiểm kê tài sản là một công việc có tính cách thường xuyên và tổng quát cũng như không có liên hệ gì đến công việc thẩm tra kế toán. Và phần khác công việc thẩm tra kế toán vốn đã quá bề bộn, cho nên việc gồng gánh thêm nhiệm vụ kiểm kê tài sản có thể đặt Ban Thẩm tra kế toán và Kiểm kê tài sản trước những khó khăn quá đáng.

TIẾT IV : TRÌNH BÀY VÀ NHẬN XÉT VỀ NHỮNG THỦ TỤC  
ĐIỀU HÀNH CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

Trong tiết này, chúng ta sẽ lần lượt xét qua các thủ tục thanh tra và điều tra, thủ tục thẩm tra kế toán cũng như thủ tục phán xét các phúc trình thanh tra, điều tra và thẩm tra kế toán.

MỤC I : CÁC THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA GIÁM SÁT VIỆN

ĐOẠN I : THỦ TỤC THANH TRA VÀ ĐIỀU TRA :

Thủ tục này được ấn định từ điều 38 đến điều 48 Nội Quy Giám sát viện. Theo điều 20 luật số 9/68 và điều 38 Nội Quy, Giám sát viện có quyền tự động và bất thần mở những cuộc thanh tra, điều tra và kiểm soát kế toán. Theo điều 40 Nội Quy, Văn phòng Viện sẽ cho mở cuộc điều tra hoặc thanh tra theo đề nghị của một hay nhiều vị Giám sát.

Sau đó, Chủ tịch viện, chiếu điều 39 Nội Quy, cử ít nhất hai vị Giám sát thuộc thành phần khác nhau thực hiện cuộc điều tra. Trong trường hợp đương can là thân thuộc hay thích thuộc đến bậc thứ ba của một vị Giám sát được chỉ định điều tra thì vị Giám sát này phải xin hồi tỵ (récusation). Theo điều 46 Nội Quy, nếu xét thấy nội vụ không quan trọng, các vị Giám sát được chỉ định có thể Ủy nhiệm cho các thanh tra Giám sát viện thi hành công tác thanh tra hoặc điều tra nhưng các vị Giám sát phải đích thân thi hành nhiệm vụ trong những trường hợp sau đây :

- thanh tra và kiểm soát các cơ quan dân chính từ cấp Tỉnh; Tổng Nha và các cơ quan quân sự từ cấp trung đoàn trở lên.
- điều tra các viên chức từ cấp Tỉnh trưởng, Tổng Giám Đốc và các sĩ quan từ cấp Tá trở lên.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, các vị Giám sát, ngoài tư cách tư pháp cảnh lại cao cấp, còn được hành sử một số quyền hạn cần thiết cho công cuộc thanh tra và điều tra ấn định trong các điều 22, 23, 24 Luật số 9/68 như :

- quyền lấy lời khai các đương can, tông phạm, đồng phạm và nhân chứng.
- quyền yêu cầu vị chỉ huy cơ quan bị điều tra, thanh tra hay kiểm soát kể toán yểm trợ trong công tác.
- quyền triệu dụng giám định viên, chuyên viên và nhân viên công lực.
- quyền yêu cầu Biện lý Cuộc sở tại ra lệnh dẫn giải các người bị điều tra và chứng nhân không chịu đến trình diện sau khi nhận được giấy mời.

- quyền thanh sát mọi cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh.
- quyền kiểm soát mọi ngân khoản trường mục.
- quyền đòi xuất trình mọi sổ sách, hồ sơ thường và mật liên hệ đến đối tượng điều tra hoặc thanh tra.
- quyền tạm ngưng chức các viên chức bị điều tra để dễ tìm hiểu sự thật; tuy nhiên quyết định tạm ngưng chức cần phải hội đủ đa số quá bán các Giám sát viên điều tra đồng ý chấp thuận.
- quyền yêu cầu Biện lý cuộc sở tại tạm thời câu lưu người phạm pháp trong khi chờ đợi truy tố đương sự trước Tòa Án có thẩm quyền trong trường hợp có sự phạm pháp quá tang hoặc có những bằng chứng hiển nhiên; tuy nhiên quyết định yêu cầu tạm câu lưu phải được sự chấp thuận của tất cả các Giám sát viên điều tra.

Các vị thanh tra được ủy nhiệm theo điều 46 Nội Quy cũng có các quyền hạn này, ngoại trừ quyền tạm câu lưu và tạm ngưng chức. Ngay cả trong trường hợp các Giám sát viên sử dụng quyền tạm câu lưu và tạm ngưng chức, Luật số 9/68 cũng qui định lệnh tạm ngưng chức của các Giám sát viên điều tra hoặc lệnh tạm câu lưu của Biện lý cuộc sở tại phải được thông báo cho vị chỉ huy cơ quan liên hệ cũng như trong thời hạn 24 giờ phải phúc trình nội vụ lên văn phòng Giám sát viện. Hội đồng Giám sát viện sẽ phúc quyết lệnh tạm ngưng chức hoặc lệnh tạm câu lưu của các Giám sát viên điều tra trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lệnh tạm ngưng chức hoặc lệnh tạm câu lưu được thi hành.

Về sự thẩm vấn đương can, theo điều 44 Nội Quy, Luật sự nhiệm cách cho người bị điều tra có quyền dự kiến cuộc thẩm vấn của các vị Giám sát trong sự tôn trọng chức vụ Giám sát. Ngoài ra, theo điều 45 Nội Quy,

trước khi ký tên vào biên bản các đương can và nhân chứng nghe đọc lại biên bản và có quyền yêu cầu bổ túc biên bản theo lời khai của mình. Biên bản này có giá trị cho đến khi bị kiện theo thủ tục đăng cáo giả mạo (inscription de faux).

Sau khi kết thúc cuộc điều tra hay thanh tra, theo điều 26 luật số 9/68 và điều 47 Nội Quy, các vị Giám sát phụ trách phải lập phúc trình lên văn phòng viện trong thời hạn 3 ngày tròn để tường trình tỉ mỉ nội vụ và đề nghị các biện pháp chế tài thích nghi. Chậm nhất là 7 ngày sau khi nhận được phúc trình nói trên, Chủ tịch Giám sát viện phải triệu tập Hội đồng để nghe thuyết trình, thảo luận và biểu quyết các biện pháp áp dụng. Thêm vào đó, theo điều 48 Nội Quy, bốn mươi tám giờ trước khi khai mạc Hội đồng viện, văn phòng Viện phải cung cấp các phúc trình điều tra quan trọng cho các vị Giám sát cũng như phải báo thị cho luật sư của các đương can để vị này đích thân đến tham khảo hồ sơ tại trụ sở Giám sát viện, ngoại trừ tờ phúc trình. Tuy nhiên, điều khoản này vừa được tu chính nhưng chưa công bố, theo đó luật sư của đương can có thể tham khảo luôn cả tờ phúc trình.

## ĐOẠN II : THỦ TỤC THẨM TRA KẾ TOÁN :

Tổng Cuộc kiểm soát kế toán và kiểm kê tài sản được chính thức thành lập do sắc lệnh số 8/GSV/SL ngày 2-9-1969. Đáng lý ra Tổng cuộc kiểm soát kế toán phải trực thuộc cơ quan lập pháp như điều 18 Sắc luật 019-SLu ngày 3-9-1966 qui định tân thể chế tài chánh và kế toán cho Việt Nam Cộng Hoà. Nhưng Hiến pháp ngày 1-4-1967 và Luật số 9/68 đã giao quyền thẩm tra kế toán cho Giám sát viện nên Tổng cuộc kiểm soát được đặt trực thuộc Giám sát viện.



Thủ tục kiểm tra kế toán được ấn định trong Sắc lệnh 02/GSV/SL ngày 22-6-1970 sau nhiều lần thảo luận và sửa đổi. Thủ tục hoạt động của Tổng cuộc kiểm soát kế toán cũng được Giám sát viện qui định tại Nghị định số 34/GSV/NĐ ngày 22-6-1970. Nghị định vừa kể dự liệu hai thủ tục :

- Thủ tục hậu kiểm thường xuyên các hồ sơ chi thu. Thủ tục này đưa tới sự giải nhiệm (décharge) hoặc kết khiếm (débet) những viên chức có tham gia trong việc thu xuất công ngân và công sản. Nếu những viên chức này làm tròn phận sự mình, không vi phạm thể lệ tài chánh hay không lạm dụng của công thì Giám sát viện sẽ không trừng phạt và riêng đối với kế toán viên, Giám sát viện sẽ ra một quyết định giải nhiệm, theo đó nhiệm vụ của vị này được xem là dứt khoát không còn bị ràng buộc bởi một trách nhiệm nào trong công việc mình đã phụ trách. Trong trường hợp ngược lại, những viên chức này sẽ bị Giám sát viện trừng phạt tùy theo lỗi lầm của họ và Giám sát viện có thể ra quyết định kết khiếm bắt buộc họ phải bồi hoàn số tiền thâm lạm vì vi phạm luật lệ thu chi.
  
- Thủ tục cứu xét các bảng tường trình quản lý và các bảng kết toán ngân sách. Thủ tục này đưa đến sự kết khiếm các viên chức phạm lỗi (nếu có) và thanh quyết ngân sách (règlement), theo đó giám sát viện tuyên bố dứt khoát kết quả vĩnh viễn về sự thi hành ngân sách.

Tuy nhiên, dù theo thủ tục nào, sự kiểm soát cũng qua ba giai đoạn trước khi đề nghị giải nhiệm, kết khiếm hoặc thanh quyết được đưa ra Hội đồng Giám sát viện để thảo luận và ban hành. Trong giai đoạn đầu, hồ sơ kế toán được xét tại cấp Sở của Tổng cuộc kiểm soát bởi một đoàn kiểm tra viên nhằm kiểm soát tính cách hợp pháp cũng như tính cách hữu hiệu và thích nghi của các số thu chi.

Tờ trình của các kiểm tra viên ghi rõ các nhận xét về các khoản vi lệ, nếu có, của các hồ sơ kế toán và sẽ được các Thẩm tra viên tại cấp Nha xét lại. Các Thẩm tra viên kế toán sẽ cứu xét lại một cách rộng rãi, tỉ mỉ hơn các khoản hợp lệ và vi lệ của các hồ sơ kế toán do cấp Sở chuyển lên. Trong trường hợp đồng ý với các kiểm tra viên, các Thẩm tra viên sẽ giải thích và cho ý kiến về mức độ vi lệ cũng như đề nghị các chế tài thích nghi. Trường hợp không đồng ý với các kiểm tra viên, các Thẩm tra viên sẽ ghi quan điểm của mình và nêu lý do trong một tờ phản phúc trình. Tờ trình của các kiểm tra viên cũng như tờ phản phúc trình của các Thẩm tra viên đều được chuyển lên cấp Tổng cuộc. Nơi đây, một Ủy ban hỗn hợp do Tổng cuộc trưởng chủ tọa gồm đại diện các Bộ, đại diện Tổng Nha Ngân sách và đại diện Bộ sở quan sẽ xét lại các phúc trình kể trên. Các viên chức có hành vi kế toán bị chỉ trích có thể biện minh trước Ủy ban này. Sau cùng, đề nghị của Ủy ban hỗn hợp sẽ được đệ trình chủ tịch Ủy ban Thẩm tra kế toán và kiểm kê tài sản để vị này đưa ngay ra Hội đồng viện hoặc đề cử hai vị Giám sát của Ủy ban Thẩm tra kế toán xem xét lại trước khi đưa ra Hội đồng. Tại Hội đồng viện, các đương sự phạm lỗi trong nghiệp vụ kế toán và ngân sách cũng được biện minh.

ĐOẠN III : THỦ TỤC PHẢN XÉT CÁC PHÚC TRÌNH THANH TRA,  
ĐIỀU TRA, THẨM TRA KẾ TOÁN TRƯỚC HỘI ĐỒNG  
GIÁM SÁT VIỆN :

Trước khi bàn về những thủ tục phản xét chính danh, chúng ta thử xét xem Hội đồng Giám sát viện điều hành như thế nào qua những thủ tục có tính cách tổng quát. Theo điều 10 Luật số 9/68, Hội đồng Giám sát viện họp khoảng đại ít nhất mỗi tháng một kỳ, dưới sự chủ -

tọa và theo sự triệu tập của Chủ tịch Giám sát viện. Trong trường hợp cần thiết hoặc nếu có một phần ba tổng số Giám sát viên yêu cầu, Chủ tịch Giám sát viện sẽ triệu tập những phiên họp bất thường. Ngoài ra, điều 11 Luật số 9/68 qui định rằng Hội đồng quyết định theo đa số quá bán số Giám sát viên hiện diện. Tuy nhiên, quyết định của Hội đồng Giám sát viện chỉ có giá trị nếu hội đủ một phần ba tổng số Giám sát viên. Trong trường hợp hai số phiếu bằng nhau, phiếu của Chủ tịch Giám sát viện có tính cách quyết định. Về thể thức hội họp, điều 32 Nội Quy ấn định Hội đồng viện họp kín, ngoại trừ trường hợp 2/3 tổng số giám sát quyết định họp công khai. Và theo điều 33 Nội Quy, nội dung các cuộc thảo luận trong Hội đồng Viện phải được giữ mật. Điều 34 của bản Nội Quy cũng ấn định thời gian phát biểu ý kiến dành cho mỗi vị Giám sát không quá 5 phút. Tuy nhiên, nếu thời gian và hoàn cảnh cho phép, Chủ tọa có thể cho phép nói thêm tối đa 3 phút để làm sáng tỏ vấn đề. Trái lại, phúc trình của thuyết trình viên không bị hạn chế thời gian và hơn nữa trong khi thảo luận, bất cứ lúc nào thuyết trình viên cũng có thể xin phép Chủ tọa được phát biểu ý kiến để trả lời và giải thích. Về thể thức biểu quyết, điều 35 Nội Quy có dự liệu biểu quyết bằng cách giơ tay trong những vấn đề thông thường và bỏ phiếu kín trong những vấn đề mật và quan trọng.

Đến đây, chúng ta có thể xét đến những thủ tục phán xét chính danh về các phúc trình thanh tra, điều tra, thăm tra kế toán đưa đến những biện pháp chế tài và những thủ tục tái xét những biện pháp chế tài đó. Theo điều 49 của Bản Nội Quy, trong mỗi kỳ họp, Hội đồng Viện sẽ phán xét các phúc trình thanh tra, điều tra và thăm tra kế toán theo thứ tự ghi trong nghị trình. Theo điều 50 của Bản Nội Quy, sau khi tuyên bố khai mạc kỳ họp Hội đồng viện, Chủ tọa cho tuyên đọc nghị trình kỳ họp để hội đồng viện lần lượt phán xét từng phúc trình

thanh tra, điều tra và thẩm tra kế toán theo thủ tục như sau :

- Chủ tọa trao lời cho một vị Giám sát hoặc một Thanh tra được ủy nhiệm thuyết trình kết quả cuộc thanh tra, điều tra hoặc thẩm tra kế toán và đề nghị các biện pháp thích nghi.
- Tiếp đó, đương can và luật sư của y nếu có sẽ được mời vào phòng họp để biện hộ. Các vị Giám sát lần lượt thẩm vấn đương can nếu thấy cần.
- Trước khi Hội đồng viện bắt đầu thảo luận, chủ tọa cho mời đương can, luật sư của đương sự và vị thanh tra thuyết trình viên ra khỏi phòng họp. Hội đồng viện biểu quyết kín về các đề nghị nguyên thủy hay đã tu chỉnh của thuyết trình viên.
- Sau khi cuộc kiểm phiếu hoàn tất, đương can và luật sư được mời vào nghe thông báo quyết nghị của Hội đồng viện.

Thi hành quyết định của Hội đồng, theo điều 27 Luật số 9/68, Chủ tịch Giám sát viện sẽ tùy trường hợp, hoặc xếp hồ sơ nội vụ, hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền với đề nghị áp dụng các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với các nhân viên phạm lỗi hay đề nghị các biện pháp cải thiện tác phong của các nhân viên và lẽ lối làm việc của cơ quan bị thanh tra hoặc điều tra. Trong trường hợp chế tài về kỷ luật, cơ quan liên hệ không phải triệu tập Hội đồng kỷ luật. Tuy nhiên, cơ quan liên hệ vẫn có quyền thẩm xét đề nghị của Giám sát viện theo như điều 28 của Luật số 9/68 :

- Nếu không có sự bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật, cơ quan bị thanh tra, điều tra hay kiểm

soát kế toán phải thông báo sự áp dụng các đề nghị lên Giám sát viện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Giám sát viện.

- Nếu có sự bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật, cấp trung ương của cơ quan liên hệ có thể đề nghị với Giám sát viện một biện pháp chế tài khác. Hội đồng Giám sát viện sẽ chấp thuận hay bác bỏ đề nghị này trong thời hạn 7 ngày tròn. Quyết định chấp thuận hay bác bỏ của Hội đồng Giám sát viện có hiệu lực cưỡng hành.

Theo điều 77 của Bản Nội Quy, Chủ tịch Giám sát viện sẽ chuyển hồ sơ nội vụ đến các giới chức kể sau cùng với các đề nghị thích nghi trong trường hợp chế tài về kỷ luật :

- Tổng thống : đối với nhân viên Hành pháp cấp Tổng, Bộ, Thủ Trưởng, Thẩm phán công tố, Tỉnh Trưởng và sĩ quan cấp Tướng.
- Chủ tịch Thượng nghị viện : đối với nghị sĩ và nhân viên trực thuộc Thượng nghị Viện.
- Chủ tịch Hạ nghị viện : đối với dân biểu và nhân viên trực thuộc Hạ nghị viện.
- Chủ tịch tối cao Pháp viện : đối với thẩm phán xử án và nhân viên trực thuộc.
- Thủ Tướng Chánh phủ : đối với các đại diện dân cử cấp Tỉnh và xã và nhân viên Hành pháp - từ cấp Tổng Giám đốc, Quận trưởng và sĩ quan cấp Tá trở xuống.

Ngoài ra, trong trường hợp Hội đồng quyết định chế tài về hình sự đối với người phạm pháp, theo điều 29

Luật số 9/68, Chủ tịch Giám sát viện sẽ chuyển giao hồ sơ đến công tố viện của Tòa Án có thẩm quyền để yêu cầu truy tố đương sự. Công tố viện bắt buộc phải truy tố người phạm pháp trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ khi có lời yêu cầu của Chủ tịch Giám sát viện.

MỤC II : NHẬN XÉT VỀ NHỮNG THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA  
GIÁM SÁT VIỆN. -

ĐOẠN I : NHẬN XÉT VỀ THỦ TỤC THANH TRA VÀ ĐIỀU TRA :

A.- ƯU ĐIỂM :

Từ lúc khởi đầu phát động cuộc điều tra cho đến khi khai mạc Hội đồng viện để phán xét, chúng ta dễ dàng nhận thấy là đương can có đủ những bảo đảm mà Luật số 9/68 và Nội Quy Giám sát viện đã dành cho. Chúng ta thấy là Chủ tịch Giám sát viện phải cử ít nhất hai vị Giám sát thuộc thành phần khác nhau thực hiện cuộc điều tra. Trong trường hợp đương can là thân thuộc hay thích thuộc đến bậc thứ ba của một vị Giám sát được chỉ định điều tra thì vị Giám sát này phải xin hồi tự. Ngay cả trong trường hợp các Giám sát viên sử dụng quyền tạm ngưng chức hay tạm câu lưu một viên chức, Hội đồng viện bắt buộc phải phúc quyết lệnh tạm ngưng chức hoặc lệnh tạm câu lưu đó. Đương can cũng được tham vấn theo một thủ tục dân chủ, theo đó Luật sư nhiệm cách của đương can có quyền dự kiến cũng như chính đương can cũng có quyền yêu cầu bổ túc biên bản theo lời khai của mình. Và trước khi khai mạc Hội đồng viện, luật sư của đương can cũng được phép tham khảo hồ sơ, kể cả tờ phúc trình theo như bản Nội Quy vừa được tu chính nhưng chưa công bố.

B.- KHUYẾT ĐIỂM :

Việc luật sư đương can được phép tham khảo tờ phúc trình điều tra đã thể hiện một thủ tục dân chủ cao độ. Tuy nhiên, trong hiện trạng Việt Nam, đương can thường là những người có quyền thế và một khi đương can đã được biết về tờ phúc trình, trong đó ghi chép tỉ mỉ từ tên họ người đứng đơn tố cáo cho đến lời khai của các nhân chứng, chúng tôi e rằng những người đứng ra tố cáo cũng như những người làm chứng chống lại đương can có thể sẽ phải gặp nhiều khó khăn đe dọa đến an ninh bản thân của họ.

Ngoài ra, điều 24 của Luật số 9/68 khi qui định cho các Giám sát viên điều tra có quyền yêu cầu Biện lý cuộc sở tại tạm câu lưu người phạm pháp đã không minh định rõ là Biện lý cuộc có bó buộc phải thi hành lời yêu cầu của các vị Giám sát hay không.

ĐOẠN II : NHẬN XÉT VỀ THỦ TỤC THẨM TRA KẾ TOÁN :

A.- ƯU ĐIỂM :

Như nhận định của Giám sát Trần văn Phò, nguyên Chủ tịch Ủy ban Thẩm tra kế toán và kiểm kê tài sản (nhiệm kỳ 1968 - 1969, 1969 - 1970), thủ tục thẩm tra kế toán ở Việt Nam có ưu điểm trong cách thẩm tra cũng như trong thành phần phán xét (27).

Trước hết, trong cách thẩm tra, Giám sát viên có nhiệm vụ và quyền hạn xét sự hợp pháp lẫn sự hữu hiệu của những động tác, xét kế toán viên lẫn chuẩn viên cũng như xét trong thời gian và không gian. Thực vậy, Giám -

\*\*\*\*\*

(27) Phạm Đình Hưng et al., Op. Cit., trang 103-108.

sát viện xét không những sự hợp pháp của những động tác thu chi mà còn xét sự hữu hiệu và công ích của những động tác đó; trong khi đó ở Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chẳng hạn, người ta chỉ trừu liệu một sự kiểm soát về mặt hợp pháp mà thôi. Ngoài ra, Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hoà vừa xét những kế toán viên (comptable) phụ trách thu xuất công ngân, gìn giữ công quỹ hoặc đăng ký các nghiệp vụ về ngân sách (sổ sách, kế toán) và các nghiệp vụ về sản nghiệp quốc gia hay gìn giữ những công sản này và mặt khác còn xét cả những chuẩn viên hay hành chánh viên (administrateur) là những viên chức có quyền quyết định về việc thu chi. Ngay ở Pháp, Thẩm kế viện (Cour des comptes) cũng chỉ phán xét các nhiệm kỳ quản lý của các kế toán viên mà thôi và chỉ nhận xét hành vi của các chuẩn viên qua các chứng từ của kế toán viên. Và ngay cả "Toà kỷ luật về ngân sách" (Cour de discipline budgétaire) được thiết lập vào năm 1948 ở Pháp để phán xét các vị Bộ Trưởng nhưng Toà này chỉ phạt về những lỗi lầm về thể lệ ngân sách mà thôi chứ không có thẩm quyền phán xử những khuyết điểm về việc quản trị vì các Bộ trưởng chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc Hội. Thêm vào đó, xét về mặt thời gian thì Giám sát viện có thể thanh tra cũng như điều tra bất cứ lúc nào chứ không phải chỉ đơn thuần hậu kiểm và về không gian thì Giám sát viện có đặt các Toà Đặc ủy tại bốn khu cũng như việc kiểm soát không phải chỉ căn cứ vào chứng từ mà có thể thực hiện thường xuyên tại chỗ. Trong khi đó, tại Pháp và Đức, Viện thẩm kế chỉ hậu kiểm mà thôi và tại Anh - Mỹ cũng không có tiền kiểm, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt.

Kế đó, về thành phần phán xét, mỗi vụ kiểm soát tài chánh đều do Tổng cuộc kiểm soát xét trước ở cấp Sở, Cấp Nha và cấp Tổng cuộc, sau đó mới đến hai ông Giám sát thuộc thành phần khác nhau xét trình lên Ủy ban Thẩm tra kế toán. Việc phán xét tập thể qua nhiều giai đoạn như vậy cho thấy là sự phán xét các hồ sơ thu chi không độc đoán và rất công minh.



Chưa nói đến việc thành lập Ủy ban Thẩm tra kế toán trong định chế giám sát Đệ Nhị Cộng Hoà rất hợp thời để có thể giải nhiệm, kết kiêm và thanh quyết các hồ sơ thu chi bao gồm hơn 20 tài khoá từ năm 1948 đến nay mà từ khi độc lập đến giờ vẫn không có một cơ quan nào thẩm xét. Và sự thành lập Ủy ban Thẩm tra kế toán cũng rất đúng lúc để đảm trách nhiệm vụ mà tên thể chế tài chánh đã qui định qua Sắc luật 19 ngày 3-9-1966 và Sắc lệnh số 170 ngày 13-2-1968 nhằm bãi trừ những sự lạm dụng của công và đặt nặng việc hậu kiểm. Cũng như vị trí độc lập của Giám sát viện nói chung và Ủy ban Thẩm tra kế toán nói riêng có thể xem là một ưu điểm so với những viện thẩm kế của các quốc gia theo xã hội chủ nghĩa đều nằm trong Hành Pháp.

B.- KHUYẾT ĐIỂM :

Trong thủ tục thẩm tra kế toán, khuyết điểm không phải nằm trong chính những thủ tục đó mà trong thành phần nhân sự. Tổng cuộc kiểm soát hiện nay chỉ có khoảng hơn 10 chuyên viên trong khi nhu cầu đòi hỏi phải hơn một trăm. Trong khi đó, cơ quan thẩm kế viện của Pháp có hơn 200 chuyên viên và Tổng cuộc kế toán của Hoa Kỳ (General Accounting office) có trên 4000 chuyên viên.

ĐOẠN III : NHẬN XÉT VỀ THỦ TỤC PHÁN XÉT CÁC PHỨC TRÌNH  
THANH TRA, ĐIỀU TRA VÀ THẨM TRA KẾ TOÁN  
TRƯỚC HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT VIỆN.-

A.- ƯU ĐIỂM :

Theo điều 50 của Bản Nội Quy, khi thuyết trình viên thuyết trình về kết quả cuộc điều tra hoặc kiểm tra kế toán và đề nghị các biện pháp thích nghi cũng như khi Hội đồng viện thảo luận và biểu quyết, đương can và luật sư của đương can phải ra khỏi phòng họp. Điều này phù

hợp với các điều 32 và 33 của Bản Nội Quy ấn định những thủ tục điều hành có tính cách tổng quát của Hội đồng Giám sát viện, theo đó Hội đồng viện sẽ họp kín và nội dung các cuộc thảo luận trong Hội đồng viện phải được giữ mật. Tất cả những điều khoản vừa kể chỉ nhằm bảo vệ danh dự của đương can, bảo vệ an ninh cá nhân của các người đứng ra tố cáo cũng như của chính các vị Giám sát. Chúng tôi thiết nghĩ những điều đó sẽ giúp cho Hội đồng viện dễ dàng làm việc. Tuy nhiên, những điều này đã làm phát sinh nhiều chỉ trích cho rằng nếu luật sư của đương can không được nghe thuyết trình về kết quả cuộc điều tra có giá trị tương tự như một bản cáo trạng thì làm sao bênh vực cho thân chủ của mình? Để trả lời vấn nạn đó, chúng tôi xin ghi lại nơi đây ý kiến của Giám sát Phạm đình Hưng (28). Theo Giám sát Phạm đình Hưng, muốn biết các điều khoản nói trên có hợp lý hay không, chúng ta cần phải phân tích xem bản chất pháp lý của những biện pháp chế tài của Hội đồng Giám sát viện là gì, Hội đồng là một cơ quan tài phán hay chỉ là một loại Hội đồng kỷ luật được tăng cường quyền hành và cuối cùng Giám sát viện có cần phải đọc bản cáo trạng cho đương can và luật sư của đương can nghe không? Về điểm đầu tiên, chúng ta thấy Giám sát viện có liên hệ đến hai loại chế tài: Chế tài kỷ luật và chế tài hình sự. Đối với chế tài hình sự, Giám sát viện phải chuyển giao hồ sơ đến công tố viện của Tòa án có thẩm quyền để truy tố đương sự. Còn đối với chế tài kỷ luật, một khi giám sát viện chế tài thì Hội đồng kỷ luật của cơ quan liên hệ khỏi phải triệu tập nữa. Điều này chứng tỏ rằng những biện pháp chế tài của Giám sát viện không phải là những quyết định tài phán có tính cách hình sự. Và Giám sát viện cũng không có thẩm quyền về hình sự mà chỉ có thẩm quyền về kỷ luật. Chúng ta cũng có thể quả quyết rằng Giám sát viện chẳng qua chỉ là một loại Hội đồng kỷ luật được tăng cường quyền hạn. Mặt khác, theo thủ tục điều hành Hội đồng kỷ luật của các cơ quan hành chánh,

\*\*\*\*\*

(28) Phạm đình Hưng, Giám sát, Phòng văn (Saigon : 8 tháng 5 năm 1972).

Hội đồng này họp kín và giữ bí mật nội dung các cuộc thảo luận. Về điểm không đọc bản cáo trạng cho đương can và luật sư của đương can nghe, như đã trình bày Giám sát viện không phải và không có thẩm quyền của một Tòa Án Hình. Do đó, những thủ tục trước một Tòa án Hình không thể áp dụng trước hội đồng Giám sát viện. Và lại, ngay cả trước Tòa Án Hình, đương can chỉ được nghe bản cáo trạng nếu phiên tòa đó là một phiên tòa đại hình. Còn trước phiên tòa tiểu hình, lục sự cũng không bao giờ đọc bản cáo trạng cho đương can nghe và ông chánh thẩm tòa tiểu hình chỉ căn cứ vào biên bản điều tra của cảnh sát để xét xử. Ngoài ra, phúc trình của một Giám sát điều tra cũng không có bản chất của một bản cáo trạng.

Ưu điểm thứ hai trong thủ tục phán xét các phúc trình nằm trong điều 28 của Luật số 9/68, theo đó nếu có sự bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật, cấp trung ương của cơ quan liên hệ có thể đề nghị một biện pháp chế tài khác lên Hội đồng Giám sát viện và quyết định chấp thuận hay bác bỏ của Hội đồng Giám sát viện lần này sẽ có hiệu lực cưỡng hành. Như đã trình bày ở trên, Giám sát viện là một loại Hội đồng kỷ luật được tăng cường quyền hạn. Những chế tài về kỷ luật tự bản chất của nó cũng không có tính cách nặng nề. Đã vậy, nếu Giám sát viện chỉ có quyền đơn thuần đề nghị - dù là trong thủ tục tái xét - thì hoá ra Giám sát viện cũng chẳng hơn gì một Hội đồng kỷ luật thông thường của cơ quan hành chánh, có thể kém hơn nữa là đảng khác ! Cho nên, điều 28 của Luật số 9/68 đã ban cấp cho Giám sát viện một ít thực quyền và điều này có thể xem là một ưu điểm. Tuy nhiên, điều 28 của luật số 9/68 vừa nói hoàn toàn vi hiến và chúng tôi sẽ đặt lại vấn đề này khi bàn về những khó khăn của Giám sát viện trong phần II.

B.- KHUYẾT ĐIỂM :

Điều 28 của Luật số 9/68 đã bỏ quên không nói đến thời hạn theo đó Hành pháp có thể yêu cầu Giám sát viện tái xét trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến giữa Giám sát viện và Hành pháp về mức độ chế tài kỷ luật. Sự thiếu sót này vô tình đã chấp nhận cho Hành pháp có quyền "ngâm tằm" một đề nghị chế tài của Giám sát viện trong một thời gian nào đó rồi mới xin tái xét.

Luật số 9/68 cũng đã bỏ quên không nói đến việc thượng tố các quyết định chế tài của Hội đồng Giám sát viện lên Tối cao Pháp viện và vì vậy cũng đã không dự liệu trong trường hợp một quyết định của Hội đồng Giám sát viện bị tiêu phá thì nội vụ sẽ được di giao cho cơ quan nào xét xử lại. Theo ý kiến của Giám sát Phạm đình Hưng(29), nếu căn cứ trên tiêu chuẩn thực chất, Hội đồng Giám sát viện có tính chất một cơ quan tài phán hành chính nên các quyết định chế tài về hành chính của Hội đồng Giám sát viện phải được xem như những bản án chung thẩm của một cơ quan tài phán và có thể bị thượng tố trước Tối cao Pháp viện để xin tiêu phá (pourvoir en cassation) vì lý do vi luật, vô thẩm quyền hoặc hà tì về hình thức. Cũng theo Giám sát Phạm đình Hưng, trong trường hợp tiêu phá một quyết định của Hội đồng viện, Tối cao Pháp viện có thể di giao nội vụ cho Giám sát viện xét xử lại theo giải pháp của Tối cao Pháp viện vì lẽ không có một qui tắc tổng quát nào về thủ tục ngăn cấm cơ quan tài phán đã xét xử một vụ kiện tái xử vụ kiện sau khi phúc quyết nguyên thủy bị tiêu phá.



\*\*\*\*\*

(29) Phạm Đình Hưng et al., Op. Cit., trang 139.

# **PHẦN THỨ HAI**

---

**VAI TRÒ  
CỦA GIÁM SÁT VIÊN  
TRONG CÔNG CUỘC  
BÀI TRỪ THAM NHŨNG**



## PHẦN THỨ HAI

### GIÁM SÁT VIỆN VÀ CÔNG CUỘC BÀI TRỮ THAM NHỮNG

\*\*\*\*\*

Trên đây chúng ta đã trình bày và nhận xét về các định chế giám sát ở Việt Nam, đặc biệt là định chế Giám sát của nền Đệ nhị Cộng Hòa. Tất cả những ưu khuyết điểm đã được trình bày trong Phần I đều được nhận xét dưới khía cạnh tính và lý thuyết của vấn đề.

Trong Phần II, chúng ta sẽ mô tả định chế giám sát của nền Đệ nhị Cộng Hòa dưới khía cạnh động và thực tế, theo đó chúng ta sẽ tìm hiểu những thành tích của Giám sát viện xét về mặt tổng quát cũng như trong vài trường hợp điển hình cũng như chúng ta sẽ cố gắng nhận định một cách khách quan về những khó khăn căn bản của Giám sát viện để từ đó đề nghị những biện pháp xây dựng một chế độ giám sát hữu hiệu. Tất cả những điều đó sẽ lần lượt được trình bày trong 2 chương :

- Chương I : Những thành tích của Giám sát Viện
- Chương II : Nhận xét và Đề nghị.

## CHƯƠNG THỨ NHẤT :

### NHỮNG THÀNH TÍCH CỦA GIÁM SÁT VIỆN

\*\*\*\*\*

Ở đây, chúng tôi xin phép lướt qua về những thành tích của Giám sát viện trong địa hạt thẩm tra kế toán. Vì lẽ trong địa hạt này, công việc hậu kiểm các hồ sơ chi thu liên hệ đến các cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan công lập tự trị và công ty hợp doanh thường chỉ đưa đến kết quả thanh quyết ngân sách và giải nhiệm các viên chức hơn là kết kiểm họ. Và cũng trong địa hạt này, chúng tôi ít thấy những sự việc gì có tính cách sôi nổi. Có thể nói trung bình mỗi ngày, Giám sát viện hậu kiểm được gần 1000 hồ sơ thu chi. Và theo ông Chủ tịch Giám sát viện Ngô Xuân Tích thì trong thời gian từ 1-11-1971 đến 15-11-1971, Giám sát viện đã hậu kiểm được 100.812 hồ sơ (30).

Vì những lý do đã trình bày ở trên, chúng tôi xin phép chỉ phân tích những thành quả của Giám sát viện xét về mặt điều tra, tức là những công việc của Ủy ban Điều tra và Kiểm tra Giám sát viện. Trước hết, chúng ta sẽ kiểm điểm những thành quả tổng quát của Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hoà từ ngày thành lập cho đến nay (tháng 10 năm 1968 đến tháng 5 năm 1972). Và sau đó, chúng ta sẽ

\*\*\*\*\*

(30) Ngô Xuân Tích, "Bản minh xác của Giám sát viện về việc chống tham nhũng", Chính Luận, số báo đề ngày 21-12-1971, trang 2.

lựa chọn vài trường hợp điển hình để thử quan sát diễn tiến của một cuộc điều tra kể từ khi phát động cho đến khi một quyết nghị chế tài được thi hành.

TIẾT I : NHỮNG THÀNH QUẢ TỔNG QUÁT CỦA GIÁM SÁT VIỆN  
ĐỀ NHI CÔNG HÒA.-

Căn cứ trên những tài liệu chính thức của Ủy ban điều tra và kiểm tra Giám sát viện, chúng ta sẽ lần lượt kiểm điểm những thành tích hoạt động của Giám sát viện trực tiếp điều tra và những thành tích hoạt động của Giám sát viện bao gồm cả những sự vụ có sự phối hợp với các cơ quan khác.

MỤC I : NHỮNG THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM SÁT VIỆN  
TRỰC TIẾP ĐIỀU TRA :

Trong thời gian từ 23-10-1968 đến 12-5-1971, thành tích hoạt động do Giám sát viện trực tiếp điều tra ghi nhận được là 207 hồ sơ đã có quyết định với 233 viên chức bị chế tài và 121 hồ sơ còn hiện hành.

ĐOẠN I : CÁC HỒ SƠ ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH :

Có 207 hồ sơ đã được quyết định chia ra như sau :

- Xếp, đình cứu .....	86 hồ sơ
- Miễn trách .....	5 hồ sơ
- Chuyển bộ sở quan giải quyết .....	5 hồ sơ
- Khuyến cáo Hành pháp .....	16 hồ sơ
- Trừng phạt .....	93 hồ sơ.



ĐOẠN II : PHÂN LOẠI CÁC VIÊN CHỨC BỊ GIÁM SÁT VIÊN

ĐỀ NGHỊ TRỪNG PHẠT :

Trong thời gian nêu trên, đã có 233 viên chức bị chế tài gồm 161 viên chức hành chính và cảnh sát cùng với 72 quân nhân chia ra như sau :

A.- CÁC VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ CẢNH SÁT BỊ CHẾ TÀI :

- Cấp Tổng Trưởng, Ủy viên Tài chính 3 người bị chế tài
- Cấp Tổng Thanh tra, Tổng cuộc trưởng,  
Tổng Giám đốc, Đồng lý văn phòng ... 4 người bị chế tài
- Cấp Giám đốc, Phó Giám đốc ..... 12 người bị chế tài
- Cấp tỉnh trưởng ..... 3 người bị chế tài
- Cấp Phó Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng ... 8 người bị chế tài
- Cấp Quận Trưởng ..... 3 người bị chế tài
- Cấp Công cán Ủy viên,  
chánh sự vụ và tương đương ..... 5 người bị chế tài
- Cấp Phó Quận Trưởng ..... 2 người bị chế tài
- Cấp Trưởng Ty và tương đương ..... 68 người bị chế tài
- Cấp trưởng phòng và tương đương ... 4 người bị chế tài
- Cấp nhân viên, Cảnh sát viên ..... 49 người bị chế tài.

B.- CÁC QUÂN NHÂN BỊ CHẾ TÀI :

- Cấp Tướng ..... 1 người bị chế tài
- Cấp Tá ..... 38 người bị chế tài
- Cấp Úy ..... 25 người bị chế tài
- Cấp Hạ sĩ quan và Binh sĩ ..... 8 người bị chế tài.

ĐOẠN III : CÁC HỒ SƠ CÒN HIỆN HÀNH :

Có 121 hồ sơ còn hiện hành chia ra như sau :

- Đề nghị điều tra ..... 3 hồ sơ
- Chuyên trình đề nghị điều tra của  
các Tòa Đặc Ủy Giám sát ..... 0 hồ sơ
- Hồ sơ điều tra đã có phúc trình ..... 24 hồ sơ
- Hồ sơ điều tra chưa có phúc trình ..... 94 hồ sơ

MỤC II : THÀNH TÍCH CỦA GIÁM SÁT VIỆN BAO GỒM CẢ  
NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ PHỐI HỢP VỚI CÁC  
CƠ QUAN KHÁC :

Trong thời gian kể từ 23-10-1968 đến tháng 5 năm 1972, thành tích của Giám sát viện nếu bao gồm cả những hoạt động có sự phối hợp với các cơ quan khác được ghi nhận là 1369 hồ sơ đã giải quyết với 618 viên chức bị chế tài và 850 hồ sơ còn hiện hành.

Trong số 618 viên chức bị chế tài trong thời gian nêu trên, người ta ghi nhận được 376 viên chức hành chánh và cảnh sát cùng với 242 quân nhân chia ra như sau :

A.- CÁC VIÊN CHỨC HÀNH CHÁNH VÀ CẢNH SÁT BỊ CHẾ TÀI :

- Cấp Tổng Trưởng, Ủy viên Tài chánh 3 người bị chế tài
- Cấp Tổng Thanh Tra, Tổng cuộc  
trưởng, Tổng Giám Đốc, Đống Lý  
Văn phòng ..... 4 người bị chế tài
- Cấp Giám Đốc, Phó Giám Đốc ..... 16 người bị chế tài
- Cấp Tỉnh Trưởng ..... 3 người bị chế tài
- Cấp Phó Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng ..... 11 người bị chế tài

- Cấp Quận Trưởng, Phó quận trưởng 9 người bị chế tài
- Cấp Công cán Ủy viên, Chánh sự vụ và tương đương ..... 6 người bị chế tài
- Cấp Trưởng Ty và tương đương ..... 115 người bị chế tài
- Cấp Chủ sự, Hiệu trưởng và tương đương ..... 47 người bị chế tài
- Cấp Nhận viên, Cảnh sát viên ..... 162 người bị chế tài

**B.- CÁC QUÂN NHÂN BỊ CHẾ TÀI :**

- Cấp Tướng ..... 1 người bị chế tài
- Cấp Tá ..... 109 người bị chế tài
- Cấp Úy ..... 103 người bị chế tài
- Cấp Hạ sĩ quan và Binh sĩ ..... 29 người bị chế tài

**TIẾT II : KHẢO SÁT HAI TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH.-**

Đến đây, chúng ta sẽ chọn hai trường hợp điển hình để thử quan sát diễn tiến của một công cuộc điều tra kể từ khi phát động cho đến khi một quyết nghị chế tài được ban hành : vụ Thiếu Tá Trần Thụy Ly, nguyên Trưởng Ty Cảnh sát Biên Hoà và vụ Đại Tá Mã sanh Nhơn, nguyên Tỉnh Trưởng Hậu Nghĩa.

Sở dĩ chúng ta lựa chọn vụ Thiếu Tá Trần Thụy Ly để quan sát vì đa số các hồ sơ thụ lý và các quyết nghị chế tài của Giám sát viện thường liên hệ đến cấp Trưởng Ty và những hành vi bất chánh trong vụ này cũng là những hành vi rất thường xảy ra trong hiện trạng nước ta.

Riêng vụ Mã sanh Nhơn thì đây là một trường hợp đã từng gây sội nổi trong dư luận cách đây hai năm và là một trường hợp điển hình liên hệ đến một nhân viên cao cấp theo đó mọi chế tài, nếu có, đều bất tương xứng với tội phạm như đa số những trường hợp khác liên hệ đến những nhân viên cao cấp khác mà chúng tôi đã có dịp tham khảo hồ sơ. Trường hợp Mã sanh Nhơn cũng cho thấy nhiều khía cạnh khác như thái độ của dân chúng như thế nào, báo chí Việt Nam đáng tin cậy tới mức độ nào, Hành Pháp phản ứng ra làm sao v.v.... Theo thiên ý, trường hợp Mã sanh Nhơn tự nó có thể là một đề tài cho một công cuộc khảo sát riêng biệt.

MỤC I : VỤ TRẦN THUY LY HAY LÀ VỤ ĐIỀU TRA TẠI BIÊN HOÀ

LIÊN QUAN ĐẾN TY CẢNH SÁT, QUÂN ĐOÀN 3 VÀ

QUÂN ĐỨC TU.-

ĐOẠN I : NỘI DUNG SỰ VỤ :

Do phiếu số 60-BNV/KTT-VP/M ngày 1-6-1968, Bộ Nội Vụ chuyển đến Viện Giám sát cũ đơn đề ngày 22-4-1968 của ông TRẦN TRUNG TÂM, "một người dân Biên Hoà", ký tên "tố cáo lên chính quyền trung ương những bất công của chính quyền địa phương" gồm có những điểm "an bản, bớt xén của dân và của lính", "xử dụng nghĩa quân bậy bạ không đúng chỗ và tổ chức nghĩa quân ma", cũng như "thái độ tiêu cực của Thiếu Tá Thọ", Quận Trưởng Đức Tu. Đơn này được Linh Mục Tổng Giám Đốc Công Giáo tiến hành kiêm Caritas địa phận Xuân Lộc chuyển với ý kiến : "Tất cả những bằng chứng do người dân Đức Tu Biên Hoà nêu trên là đích xác".

Do phiếu số 79-P.Th.T/VPĐB/1/M ngày 13-6-1968, Phủ Thủ Tướng sao cho Viện Giám sát cũ công văn số 245-BTTN ngày 10-6-1968 của Ông Chủ tịch Ủy ban Bài

trừ tham nhũng Hạ nghị viện và đơn đề ngày 1-6-1968 của ông Trần sơn Hảo, "một người dân Biên Hoà ngụ tại xã Bùi Tiếng", ký tên tố cáo, ngoài các điểm nêu trên, còn một số điểm mới liên quan đến "ông Cò Ly", Trưởng Ty Cảnh sát Quốc gia Biên Hoà và "Quân Đoàn III kiêm Vùng III chiến thuật".

Thành phần Ủy ban Điều tra Liên Bộ gồm có :

- Ông Nguyễn thế Đại, Chánh thanh tra  
Giám sát viện cũ ..... Chủ tịch
- Ông Huỳnh đình Trọng, thanh tra đại diện  
Bộ Nội Vụ ..... Hội viên
- Ông Dương gia Lãm, Thanh tra đại diện  
Bộ Y Tế, xã hội và cứu trợ ..... Hội viên
- Thiếu Tá Nguyễn xuân Trường, Kiểm tra  
viên đại diện Bộ Xây Dựng Nông Thôn ..... Hội viên
- Thiếu Tá Đào văn Nguyên, Chánh Sở Thanh  
tra Địa phương quân và Nghiã quân ..... Hội viên
- Thiếu Tá Nguyễn trần Huệ, thuộc Tổng  
thanh tra Quân Lực, đại diện Bộ Quốc  
Phòng ..... Hội viên
- Ông Nguyễn Phúc, Chánh sở Cảnh sát Tư pháp,  
đại diện Tổng Nha cảnh sát Quốc Gia ..... Hội viên

Sau này, khi đã có sự thành lập Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hoà (kể từ 30-10-1968) thì trên danh nghĩa, nội vụ được giao cho hai Giám sát Trần đại Khâm và Việp văn Tý phụ trách với sự phụ tá của chánh thanh tra Nguyễn thế Đại (31).

\*\*\*\*\*

(31) Phúc trình điều tra số 149-GSV/PT/M ngày 30/4/1969.

ĐOẠN II : KẾT QUẢ CUỘC ĐIỀU TRA.-

Tổng số các vụ điều tra liên quan đến Ty Cảnh sát Biên Hoà, Quân đoàn III và Quận Đức Tu là 31 vụ, phân chia như sau :

- Ty Cảnh Sát Quốc Gia Biên Hoà ..... 5 vụ
- Quân Đoàn III ..... 2 vụ
- Quận Đức Tu ..... 24 vụ

A.- TY CẢNH SÁT QUỐC GIA BIÊN HOÀ :

Trong 5 vụ liên quan đến Ty Cảnh sát Biên Hoà, Ủy ban Điều tra qui định trách nhiệm cho Ty này về 4 vụ, còn 1 vụ không có bằng cứ xác đáng.

1)- Các vụ mà Ty Cảnh sát Biên Hoà phải chịu trách nhiệm :

- a.- Thâu tiền của các xe be, xe hàng, xe Lambretta.. tại các trạm kiểm soát tài nguyên :

Có 11 nhân chứng gồm chủ tịch nghiệp đoàn, chủ xe, lơ xe khai có mất tiền chuyển (mỗi chuyến từ vài trăm đến vài ngàn tùy đường xa gần) nhưng không nhớ tên và mặt người nhận tiền. Ủy ban Điều tra qui định ông Vũ đức Chuẩn, Trưởng phòng kiểm soát tài nguyên, phải chịu trách nhiệm về tình trạng này, mặc dầu đương sự khai "không biết gì" về việc các xe phải nộp tiền.

Ngoài ra, Thiếu Tá Trần Thụy Ly, Trưởng Ty Cảnh Sát, cũng phải chịu trách nhiệm tinh thần. Còn cấp dưới, vì có sự luân phiên thay đổi luôn, nên Ủy ban không thể xác định những ai nhận tiền, ai không.

b.- Đòi tiền các bar và động mại dâm :

Có 6 chủ bar và chủ động mại dâm khai mất tiền cho ông Ngô kim Xuyên, Trưởng ban Cảnh sát Hành động và các cảnh sát viên Nguyễn viết Thừa và Phan văn Chơn. Ba viên chức này chối, nhưng trong cuộc đối chất có 3 nhân chứng giữ nguyên lời khai, chỉ có một người phản cung và hai người không đến đối chất. Ủy ban qui định trách nhiệm cho ba viên chức nói trên.

Ngoài ra, Thiếu Tá Ly cũng phải chịu trách nhiệm tinh thần. Có một nhân chứng khai lúc ông Nguyễn viết Thừa đòi 100.000\$ thì nói là do Thiếu Tá Ly đòi nhưng Thiếu Tá Ly khai không biết gì về việc này.

c.- Bắt sòng bạc tại tiệm may Minh Tân :

Chủ tiệm may khai ông Vũ đức Chuẩn, Trưởng phòng kiểm soát tài nguyên, cùng một con bạc đến nhà y xúi giục y tổ chức đánh bạc. Rồi ông Chuẩn cho lệnh đến bắt và khi tịch thu tang vật xong mới có một nhân viên hữu thế đến lập biên bản hợp thức hoá. Biên bản ghi tang vật tịch thu là 112.690\$ nhưng các con bạc khai mất trên 500.000\$. Thay vì chuyển nội vụ sang Toà, Thiếu Tá Ly tự ý bỏ qua nội vụ, trả một phần tiền tịch thu cho một con bạc (người đã cùng đi với ông Chuẩn tổ chức đánh bạc), cho một báo viên một phần và phần còn lại bỏ vào quỹ cứu trợ.

Thiếu Tá Ly nhìn nhận mình "sai lầm". Ông Chuẩn thì phủ nhận. Ủy ban đề nghị chuyển nội vụ sang Toà.

d.- Mờ ám không lập biên bản khi bắt đồ lậu :

Ty Cảnh sát Biên Hoà bắt được một xe Toyota mang số giả, Thiếu Tá Ly không cho lập biên bản, tự ý sử dụng xe trong 5 tháng, đến khi có lệnh chuyển

đi nơi khác mới trình sự việc lên cấp trên. Ủy ban qui định trách nhiệm cho Thiếu Tá Ly đã lạm dụng trong khi hành sự.

2)- Vụ không có bằng cứ xác đáng :

Đó là vụ tố cáo Thiếu Tá Ly ăn tiền trong việc đề cử vào chức vụ Trưởng Chi Cảnh sát. Trong vụ này, không có Trưởng chi nào nhận là đã phải mất tiền để mua chức vụ.

B.- QUÂN ĐOÀN III :

Trong hai vụ liên quan đến Quân Đoàn III, Ủy ban Điều tra qui định trách nhiệm cho vài sĩ quan cao cấp về một vụ còn một vụ không thấy bằng cứ xác thực.

1)- Vụ qui định trách nhiệm (vụ sòng bạc Phúc Hải)

Trại Phúc Hải nằm trong yếu điểm Hùng Vương thuộc yếu khu Đồng Nai. Trong trại có tổ chức đánh bạc công khai và đánh lớn, các vị chỉ huy yếu khu và yếu điểm cũng nhận như vậy nhưng khai không bài trừ nổi vì thiếu phương tiện. Ủy ban nhận thấy lý do này không vững và các đương sự đã cố tình dung túng sòng bạc. Vì vậy, Ủy ban qui định trách nhiệm cho Trung Tá Trương thắng Chức, Chỉ huy trưởng Yếu khu và Thiếu Tá Nguyễn thiệu Chuyên, chỉ huy trưởng Yếu điểm. Ủy ban không thu thập được gì liên quan đến cấp bậc cao hơn nữa.

2)- Vụ không có bằng cứ xác thực (vụ dùng quân xe để chở hàng lậu).

Ủy Ban chỉ thu thập được lời khai có mua ít hàng lậu của Mỹ chở về Saigon để dùng, Ủy ban không lấy được lời khai nào về việc chở hàng lậu để buôn bán. Người bị tố cáo trong vụ này là Chuẩn Tướng Nguyễn Thành Hoàng nhưng Ủy ban không thu thập được một bằng chứng nào.



C.- QUẬN ĐỨC TU :

Trong 24 vụ liên quan đến Quận Đức Tu, Ủy ban qui định trách nhiệm cho Thiếu Tá Huỳnh Văn Thọ, Quận Trưởng, về 10 vụ còn 14 vụ không có bằng cố xác thực :

1)- Các vụ qui định trách nhiệm :

a.- Bớt xén xi măng, kẽm gai và tôn :

Thiếu Tá Thọ đã tự tiện sử dụng vật liệu của chương trình xây dựng nông thôn để thực hiện công tác khác hoặc lập lô cốt, sân vũ cầu ở quận lỵ. Thiếu Tá Thọ khai có trình Trung Tá Tỉnh Trưởng nhưng Trung Tá Tỉnh Trưởng phủ nhận. Ngoài ra, Thiếu Tá Thọ nhìn nhận có bớt xén dầu ăn và gạo bắp của nông dân để cho bần bè.

b.- Buôn lậu :

Không có bằng cố rằng Thiếu Tá Thọ tổ chức buôn lậu nhưng khi bắt được hàng lậu Thiếu Tá Thọ không lập biên bản mà đem giao hàng lại cho cố vấn Mỹ, Thiếu Tá Thọ khai có trình miêng với Trung Tá Tỉnh Trưởng nhưng Trung Tá Tỉnh Trưởng phủ nhận. Thiếu Tá Thọ cũng khiếm khuyết trong nhiệm vụ Quận Trưởng khi để cho tình trạng buôn lậu hoành hành trong Quận mình.

c.- Mở sòng bạc tại quận đường :

Có bốn nhân chứng khai Thiếu Tá Thọ có đánh bạc nhưng cũng không đánh lớn.

d.- Bán cây của Quốc Gia Lâm viện :

Trung Tâm Trảng Bom bị đốn trộm cây, thiệt hại 200 mẫu. Quản lý Trung Tâm ước lượng sự thiệt hại

của 20 mẫu cây lớn là 12 triệu, còn sự thiệt hại của 180 mẫu khác không ước lượng được. Người đốn trộm cây là đồng bào Hồ Nai và Trắng Bom. Thiếu Tá Thọ cố tổ chức bán cây hay không thì Ủy ban không thu thập được tài liệu vì người đứng đơn tố cáo và tự nhận là đã chứng kiến việc chia tiền không trình diện Ủy ban. Tuy nhiên, Ủy ban qui định trách nhiệm cho Thiếu Tá Thọ, Quận Trưởng, và Đại Úy Trần xuân Hương, chỉ huy trưởng Yếu điểm Trắng Bom, đã không làm tròn phận sự bảo toàn tài nguyên quốc gia.

e.- Chiếm đất và bắt lính xây nhà tư :

Thiếu Tá Thọ được xã Tam Hiệp cho mượn một công thổ cạnh trường Tiểu học nhưng đã chiếm thêm 67 thước vuông để làm thêm một căn nhà bất hợp lệ. Thiếu Tá Thọ khai "đang xin điều chỉnh" nhưng Ty Hành Chánh tỉnh không hề nhận được hồ sơ nào về việc này. Ngoài ra, Thiếu Tá Thọ có dùng nghĩa quân để xây nhà.

f.- Tổ chức nghĩa quân ma :

Một số thanh niên giàu có được tuyển làm nghĩa quân tại quận lỵ Đức Tu và thường tỏ ra bê trễ công vụ cũng như ít khi có mặt. Tuy không có bằng cố là các nghĩa quân này phải hỏi lộ cho Thiếu Tá Thọ nhưng nhiều cấp chỉ huy trực tiếp của họ xác nhận họ được ưu đãi. Tất cả có 6 nghĩa quân bị xác nhận là bê trễ công vụ.

g.- Sử dụng nghĩa quân không đúng chỗ :

Thay vì dùng nghĩa quân để giữ an ninh và yểm trợ công tác xây dựng nông thôn, Thiếu Tá Thọ đã cho một số nghĩa quân làm việc văn phòng. Thiếu Tá Thọ khai có thỏa hiệp của Trung Tá Tỉnh Trưởng nhưng vị này

phủ nhận. Ngoài ra, theo lời khai của hai nghĩa quân, họ đã phải canh gác khi Thiếu Tá Thọ "nhậu nhẹt về đánh bạc".

h.- Ăn chặn quân trang và thực phẩm của nghĩa quân.

Về quân trang và thực phẩm của nghĩa quân, Thiếu Tá Thọ nhận có lấy vài cái mũng "để thưởng cho nghĩa quân có công" và có lấy dầu ăn "để cho bạn bè".

i.- Ăn tiền và lấy cây của kỹ sư Đào :

Ông Nguyễn hữu Đào có một đồn điền ở Bàu Cá, khai có biếu cây cho Thiếu Tá Thọ và Bà Đào có biếu "vài chục ngàn" cho Bà Thọ. Thiếu Tá Thọ nhận có được biếu "10 hay 20 cây quít" còn về tiền thì phủ nhận. Vì Bà Đào xuất ngoại nên Ủy ban không tổ chức đối chất được.

j.- Tịch thu ván ép lậu :

Theo nhận chứng, Thiếu Tá Thọ có tịch thu được 6 bành ván ép (mỗi bành có 100 tấm và mỗi bành trị giá 100.000\$). Thiếu Tá Thọ khai là chỉ tịch thu được có một bành và để sử dụng cho Trung Tâm hành quân. Thực ra, Thiếu Tá Thọ chỉ sử dụng có 10 tấm cho Trung Tâm hành quân mà thôi.

2)- Các vụ không có bằng cứ xác thực :

a.- Ăn chặn tiền của quân nhân Mỹ góp : Cố vấn Mỹ đã về nước nên không xác nhận được có góp đưa Thiếu Tá Thọ 83.000\$ để ủy lạo nghĩa quân hay không.

b.- Bắt bia lậu tại Hồ Nai : Tài liệu tố cáo nói Thiếu Tá Thọ bắt được 900 kết bia nhưng cuộc điều tra cho thấy chỉ có 100 kết, phần lớn

giao cho quân cảnh Mỹ, một phần chia cho nhân viên để uống.

- c.- Hùn miệng với các nhóm buôn lậu : không có lời khai nào xác nhận Thiếu Tá Thọ được chia lời 25% của các nhóm buôn lậu.
- d.- Hùn miệng với các bar và tiệm buôn : cũng không có lời khai nào xác nhận.
- e.- Tổ chức kiểm soát tài nguyên : Chỉ có nhân chứng về Ty Cảnh Sát Biên Hoà lấy tiền, không có bằng chứng nào cho thấy là Quận Trưởng Đức Tu cũng lấy tiền các xe chạy qua.
- f.- Đòi tiền nhà thầu Huỳnh Xuân : Nhà thầu này khai không hề mất tiền cho Thiếu Tá Thọ để khai thác hầm đá.
- g.- Tổ chức gái điếm : Cố vấn Mỹ tự kiểm gái lấy, không có bằng chứng nào cho thấy là Thiếu Tá Thọ tổ chức đưa gái cho họ.
- h.- Lèm tiền thanh niên trốn quân dịch và gái điếm : không có nhân chứng xác nhận.
- i.- Ăn tiền để tuyển lính : Tài liệu tố cáo nói có một người tên Từ Thuận ở đại đội 451 chạy 80.000\$ nhưng Ủy ban không tìm được ai tên Từ Thuận. Chỉ có một người tên Trần Thuận nhưng anh này lại đăng lính ở đại đội khác và khai không phải lo lót gì.
- j.- Ăn tiền của các bar lậu : Về Ty Cảnh Sát ăn tiền của các bar thì có và đã trình bày ở Phần đoạn A còn về quận trưởng Đức Tu thì không có bằng chứng.

- k.- Bán xi măng và tôn : Có tài xế khai chở xi măng và tôn nhưng là để ủy lạo đồng bào, không phải để bán.
- l.- Thái độ tiêu cực : Tài liệu tố cáo nói Thiếu Tá Thọ chỉ mãi đánh bạc và buôn lậu, không lưu ý khi Việt Cộng tấn công vào dịp Tết Mậu Thân. Nhưng Trung Tá Tỉnh trưởng khai Thiếu Tá Thọ là "Sĩ quan tốt, có tinh thần phục vụ".
- m.- Một giáo viên bắt hảo được nhập ngạch : Vụ này do ông Trưởng Ty Tiểu học đề nghị cho nhập ngạch căn cứ vào công vụ.
- n.- Sĩ quan không công trạng được ân thưởng huy chương : Trung Úy Nguyễn thành Danh chỉ mới được Chi khu đề nghị ân thưởng lên Tiểu Khu nhưng chưa có quyết định gì.

DOAN III : ĐỀ NGHỊ CỦA ỦY BAN ĐIỀU TRA.-

A.- ĐỐI VỚI TY CẢNH SÁT QUỐC GIA BIÊN HOÀ.-

- 1)- Thiếu Tá Trần Thụy Ly, nguyên Trưởng ty:
- Phạt nặng về quân kỷ
  - Truy tố ra Tòa Án về tội trộm có giá trị.
- 2)- Ông Vũ đức Chuẩn, Thẩm sát viên hạng 3 :
- chuyển vì lý do kỷ luật
  - giáng một trật.
- 3)- Ông Ngô kim Xuyên, Phó Thẩm sát viên tập sự :
- khiển trách ghi hồ sơ.

4)- Ông Phan Văn Chơn, cảnh sát viên phụ động đồng  
hoá công nhật :

- thuyên chuyển vì lý do kỷ luật
- khiển trách ghi hồ sơ.

5)- Ông Nguyễn Việt Thừa, Cảnh sát viên phụ động  
đồng hoá công nhật :

- thuyên chuyển vì lý do kỷ luật
- khiển trách ghi hồ sơ.

**B.- ĐỐI VỚI QUÂN ĐOÀN 3 :**

1)- Trung Tá Trương thảng Chúc :

- phạt quân kỷ
- thuyên chuyển đi nơi khác.

2)- Thiếu Tá Nguyễn thiệu Chuyên :

- phạt quân kỷ
- thuyên chuyển đi nơi khác.

**C.- ĐỐI VỚI QUÂN ĐỨC TU :**

1)- Thiếu Tá Huỳnh Văn Thọ, nguyên Quận Trưởng :

- phạt nặng về quân kỷ
- thuyên chuyển đi đơn vị chiến đấu

2)- Đại Úy Trần Xuân Hưởng, thuộc chi khu Đức Tu :

- Khiển trách ghi hồ sơ.

3)- Sáu nghiã quân mà các cấp chỉ huy xác nhận đã  
bê trễ công vụ : (Trần Văn Đạo, Nguyễn Minh Đồng,  
Huỳnh Văn Quang, Ngô Văn Minh, Nguyễn Trung Thi  
và Nguyễn Ngọc Bôi).

- thuyên chuyển vì lý do kỷ luật.

DOAN IV : CHẾ TÀI GIÁM SÁT VIỆN.-

Trong các phiên họp ngày 8 và 9 tháng 4 năm 1969, Hội đồng Giám sát viện đã nhóm họp để nghe thuyết trình, thảo luận và phân xét về vụ điều tra Biên Hoà liên quan đến Ty Cảnh sát, Quân đoàn III và Quận Đức Tu. Quyết nghị số 11/GSV/VP/QN ngày 9-4-1969 của Hội đồng Giám sát viện về nội dung cũng đề nghị lên Hành Pháp áp dụng những biện pháp chế tài tương tự đối với các đương cen như những đề nghị của Ủy ban Điều tra, trừ một vài sửa đổi nhỏ.

A.- ĐỐI VỚI TY CẢNH SÁT BIÊN HOÀ :

- 1)- Thiếu Tá Trần thụy Ly cũng bị chế tài như những đề nghị của Ủy ban Điều tra :
  - Phạt tối đa về quân kỷ
  - Tự hậu cấm chỉ không cho giữ chức vụ chỉ huy
  - Truy tố ra Toà Án Quân Sự về tội sang đoạt.
  
- 2)- Ông Vũ đức Chuẩn bị thêm khoản truy tố ra Toà Án ngoài những đề nghị của Ủy ban Điều tra :
  - Giáng một trật
  - Tự hậu cấm chỉ không cho giữ chức vụ chỉ huy
  - Truy tố ra Toà Án Quân sự về tội sang đoạt.
  
- 3)- Các ông Ngô kim Xuyên, Phan văn Chơn và Nguyễn viết Thừa :
  - khiến trách ghi hồ sơ và thuyên chuyển ra Quảng Trị.
  - (Như vậy, riêng ông Ngô kim Xuyên còn bị thêm khoản thuyên chuyển mà Ủy ban Điều tra không đề nghị).

B.- ĐỐI VỚI QUÂN ĐOÀN III :

Trung Tá Trương thắng Chúc và Thiếu Tá Nguyễn  
thiệu Chuyên cũng bị chế tài như đề nghị của Ủy ban  
Điều tra :

- phạt quân kỷ và chuyển đi nơi khác.

C.- ĐỐI VỚI QUÂN ĐỨC TU :

1)- Thiếu Tá Huỳnh văn Thọ cũng bị chế tài như đề  
nghị của Ủy ban Điều tra :

- phạt nặng về quân kỷ
- tự hậu cầm giữ chức vụ chỉ huy hành chánh
- chuyển đương sự vì lý do kỷ luật
- thâu hồi những đất mà đương sự đã chiếm bất  
hợp pháp
- lưu ý Bộ Quốc Phòng về việc xử dụng nghiã  
quân

2)- Đại Ủy Trần xuân Hương cũng bị chế tài như đề  
nghị của Ủy ban Điều tra :

- khiển trách ghi hồ sơ.

3)- Riêng sáu nghiã quân được Hội đồng miễn trách  
(trong khi Ủy ban Điều tra đề nghị chuyển).

ĐOẠN V : THÁI ĐỘ CỦA HÀNH PHÁP.-

Nhìn chung thì trong vụ này, Hành Pháp đã triệt  
để thi hành những đề nghị chế tài của Giám sát viện,  
trừ một vài khoản nhỏ mà Hành pháp đã tự ý chước giảm :



A.- ĐỐI VỚI TY CẢNH SÁT BIÊN HOÀ :

- 1)- Thiếu Tá Trần Thụy Ly bị Bộ Tổng Tham Mưu chế tài như đề nghị của Giám sát viện :

(Quyết định số 6824/TTM/TQT/CP/QK1/K ngày  
25-5-1969)

- 50 ngày trọng cấm về các hình phạt khác như  
Giám sát viện đã đề nghị.

- 2)- Ông Vũ đức Chuẩn được Bộ Nội Vụ chức miễn khoản  
"tự hậu không cho giữ chức vụ chỉ huy" :

(Nghị định số 98-BNV/TCSQG/NĐ ngày 27-3-1970).

- 3)- Ông Ngô kim Xuyên được Tổng Nha Cảnh sát chức  
miễn khoản "thuyên chuyển ra Quảng Trị" :

(Quyết định số 238-TCSQG/NHNV/2/QĐ ngày 31-7-1969).

- 4)- Các ông Phan văn Chơn và Nguyễn viết Thừa bị Tổng  
Nha Cảnh sát chế tài như Giám sát viện đã đề nghị :

(Quyết định số 291-TCSQG/QTNV/23/QĐ ngày 23-6-1969).

B.- ĐỐI VỚI QUÂN ĐOÀN III :

- 1)- Trung Tá Trương thắng Chúc bị Bộ Tổng Tham Mưu  
chế tài như đề nghị của Giám sát viện :

(Quyết định số 6822/TTM/TQT/CP/QK2/K ngày 25-5-  
1969 phạt 30 ngày trọng cấm).

- 2)- Thiếu Tá Nguyễn thiệu Chuyên bị Bộ Tổng Tham Mưu  
chế tài như đề nghị của Giám sát viện :

(Quyết định số 6825/TTM/TQT/CP/QK1/K ngày 25-5-  
1969 phạt 30 ngày trọng cấm).

C.- ĐỐI VỚI QUẬN ĐỨC TU :

1)- Thiếu Tá Huỳnh văn Thọ bị Bộ Tổng Tham Mưu chế tài như Giám sát viện đề nghị :

(Quyết định số 6823/TTM/TQT/CP/QK1/K ngày 25-5-1969)

- 50 ngày trọng cấm và các hình phạt khác như Giám sát viện đề nghị.

2)- Đại Úy Trần xuân Hương bị Bộ Tổng Tham Mưu chế tài như Giám sát viện đề nghị :

(Quyết định số 6826/TTM/TQT/CP/QK2/K ngày 25-5-1969 phạt khiển trách ghi hồ sơ).

Như vậy, trong vụ này, Hành Pháp đã tự ý chước giảm một số hình phạt, có lẽ một phần vì Hành pháp đã căn cứ trên điều 89 Hiến pháp, theo đó thẩm quyền của Giám sát viện chỉ là thẩm quyền "đề nghị". Mặt khác, có lẽ vì quan niệm đây là một sự chước giảm nhỏ nhặt và cũng không liên hệ đến những đương can quan trọng, cho nên Hành pháp cũng tự ý chước giảm chứ không sử dụng thủ tục qui định trong điều 28 của Luật số 9/68, theo đó trong trường hợp bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật cấp Trung ương liên hệ sẽ đề nghị một biện pháp chế tài khác để Hội đồng Giám sát viện tái xét.

MỤC II : VỤ MÃ SANH NHƠN VÀ MỘT SỐ SĨ QUAN TỈNH HẬU  
NGHĨA BỊ TỔ CÁO CÓ HÀNH VI BẤT CHẴNH.-

ĐOẠN I : NỘI DUNG SỰ VỤ :

Theo các đơn của dân chúng quận Trảng Bàng (tỉnh Hậu Nghĩa) qua chuyển thư số 100/TNV/UBNDV ngày 21-6-1968 của ông chủ tịch Ủy ban Nội vụ Thượng nghị viện, theo một đơn nặc danh không ghi ngày tháng và

theo đơn tố cáo đề ngày 3-7-1968 của ông Trịnh hiếu Nam ở ấp Lộc Thành xã Gia lộc Quận Trảng Bàng, Trung Tá Mã sanh Nhơn và Đại Ủy Đặng đức Châu cùng một số sĩ quan khác đã bị tố cáo có những hành vi bất chính.

Trung Tá Mã sanh Nhơn, nguyên Tỉnh trưởng Hậu nghĩa, đã bị tố cáo về những hành vi bất chính như sau :

- Gọi cô giáo các ấp tân sinh và nữ công chức vào tư dinh cưỡng hiếp.
- Đánh đập sĩ quan hạ sĩ quan thuộc quyền, chửi bới công chức gây bất mãn.
- Ăn hối lộ nhà thầu một triệu đồng về vụ đổ đá con lộ Hóc Môn - Đức Hoà.
- Thâu tiền các thương gia, lập quỹ ủy lạo chiến trường bất hợp pháp.
- Có hành vi mờ ám trong việc lạc quyền xây cất trường Nguyễn công Trứ ở Hậu Nghĩa.
- Bán cây gỗ ở đình Trảng Bàng để tiêu riêng.
- Nhận hối lộ đưa người vào các chức vụ dân cử, trung tâm trường dân ý để trốn quân dịch.
- Dùng quân xe chở vật liệu về bán cho nhà thầu.

Đại Ủy Đặng đức Châu, nguyên Quận Trưởng Trảng Bàng, bị tố cáo về những hành vi bất chính như sau :

- Dung túng che chở những thanh niên Việt gốc Hoa trong hạn tuổi quân dịch khỏi động viên để ăn tiền.

- Chủ mưu để cố vấn Mỹ ở chi khu bán thủ tiêu một hồi chánh viên tên Bùi Văn Gạch tự Công Thành bí danh Ba Đen.
- Tổ chức em út bán người để giựt tiền.
- Phá hủy công ốc.
- An hối lộ của một nữ cán bộ tiếp liệu Việt Cộng mang theo 50 chai Pénicilline.
- Lấy quỹ học đường trường tiểu học Trưng Bàng để tiêu riêng.
- Thông đồng với Trung Tá Mã Sanh Nhơn hạ cây cổ thụ quận để bán lấy tiền.

Nội vụ được giao cho hai vị Giám sát phụ trách điều tra là Giám sát Trần Văn Thới và Giám sát Đào Thanh Quế với sự phụ tá của Thanh Tra Lê Hữu. Vụ Trung Tá Mã Sanh Nhơn (Trung Tá Nhơn lên Đại Tá trước khi Hội đồng Giám sát viện nhóm họp để phán xét) đã từng gây sôi nổi trong dư luận cách đây hai năm và thư tịch riêng cho vụ này cũng hết sức là dồi dào. Ngoài 5 tập tài liệu tham khảo (gồm biên bản hỏi cung, lời khai nhận chứng) và các phúc trình điều tra của Thanh tra Lê Hữu cũng như của Toà Đặc Ủy Giám sát khu 3 đã lên đến hơn một ngàn trang giấy lớn, chúng tôi còn tham khảo thêm 22 bài viết trên 2 tờ nhật báo Ánh Sáng và Hoà Bình cùng với 20 văn thư liên hệ đến nội vụ, trong đó có cả những mật văn trao đổi giữa các Phủ - Bộ - Viện cũng như tờ trình của chính Đại Tá Mã Sanh Nhơn trước khi Hội đồng Viện phán xét.

Tất cả những hành vi bị chỉ trích của Trung Tá Nhơn, Đại Ủy Châu và vài sĩ quan khác đều được Thanh tra Lê Hữu phúc trình đầy đủ với sự đồng ý của các vị

Giám sát phụ trách điều tra là các ông Trần Văn Thới và Đào Thanh Quế (32). Tuy nhiên, vì đây là một công cuộc khảo sát có tính cách tổng quát nên chúng tôi xét thấy không tiện đi sâu. Hơn nữa, dù có nhiều nhân chứng xác nhận, một số những hành vi bị chỉ trích của Trung Tá Nhơn như lợi dụng quyền thế cưỡng hiếp nữ công chức, bắt nhân viên thuộc quyền đi kiếm gái, đánh đập mắng chửi nhân viên thuộc quyền hoặc của Đại Ủy Châu như thủ tiêu hồi chánh viên v.v... vẫn không phải là những hành vi thâm lạm tiền bạc và do đó chúng tôi xin phép được lướt qua.

Vì vậy, chúng tôi chỉ xin trình bày sơ lược sáu vụ căn cứ trên tờ phúc trình của Tòa Đặc Ủy Giám sát khu III (thay vì theo phúc trình của Thanh tra Lê Hữu) (33) :

- Lấy quỹ học đường trường tiểu học Trảng Bàng để tiêu riêng.
- Hạ cây cổ thụ quận Trảng Bàng để lấy tiền tiêu riêng.
- Ăn hối lộ nhà thầu một triệu đồng về vụ đổ đá con lộ Hóc Môn - Đức Hoà.
- Thâu tiền các thương gia lập quỹ ủy lạo chiến trường bất hợp pháp.
- Có hành vi mờ ám trong việc lạc quyền xây cất trường trung học Nguyễn công Trứ ở Hậu Nghĩa.
- Lập hồ sơ ma điều chỉnh các công tác xây dựng nông thôn ở Quận Đức Hoà.

\*\*\*\*\*

(32) Phúc trình điều tra số 49-GSV/PT/M ngày 28-11-1969 của Thanh tra Lê Hữu.

(33) Phúc trình điều tra số 45-GSV/ĐU3/PT ngày 2-9-1970 của Tòa Đặc ủy Giám sát khu III.

DOAN II : KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ 6 VỤ NÊU TRÊN :

A.- LẤY QUỸ HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẮNG BÀNG ĐỂ TIÊU RIÊNG.-

Để sửa chữa trường tiểu học Trảng Bàng bị pháo kích hư hại, thay vì dùng ngân khoản riêng của Trường, Trung Tá Nhơn lại chỉ thị miệng cho Đại Úy Châu bảo ông Hiệu trưởng Đỗ Văn Vấn xuất tiền trong quỹ học đường gần 12.000\$ dù đương sự biết là trái nguyên tắc, nói là để trả thù lao cho lính đến lợp trường. Việc trả tiền này không có giấy tờ chứng minh. Ngoài ra, còn cho xe GMC chở gỗ và ngói của Trường đổ xuống đem về bán lại cho tư nhân.

Mặc dù Trung Tá Nhơn cho rằng không nhớ có chỉ thị hay không nhưng sau cùng đương sự nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm.

B.- HẠ CÂY CỔ THỤ QUẬN TRẮNG BÀNG ĐỂ LẤY TIỀN TIÊU RIÊNG.-

Cây cổ thụ là kỷ vật của làng nước, cũ đã hơn 200 năm. Dân chúng Trảng Bàng buồn phiền Trung Tá Nhơn và Đại Úy Châu, không những dùng súng bắn vào cây, còn cho hạ đem bán đấu giá 25.000\$. Kỳ thật, người mua đem ra bán lại được 200.000\$ rồi đem chia cho Trung Tá Nhơn và Đại Úy Châu, theo lời khai của ông Đỗ Văn Vấn.

Về vụ này, Trung Tá Nhơn và Đại Úy Châu đã đổ lỗi cho nhau. Các vị Giám sát đã qui trách cho cả hai đương sự đã làm "một hành động có tính cách thất nhân tâm và lạm dụng".

G. - AN HỐI LỘ NHÀ THẦU MỘT TRIỆU ĐỒNG VỀ VỤ ĐỔ ĐÁ  
CON LỘ HỌC MÔN - ĐỨC HOÀ. -

Theo lời khai của các ông Lê Hoan, Phó tỉnh trưởng và ông Vũ an Ninh, nguyên Trưởng Ty Kinh Tế Tài chánh, các biên bản tiếp nhận đá do các nhà thầu cung cấp đều bị Trưởng ban thường vụ xây dựng nông thôn là Đại Úy Trịnh quang Ngọc lấy thẻ Trung Tá Nhơn hăm dọa và cưỡng bách các hội viên trong Ủy ban tiếp nhận đá ký vào; nhiều khi Trung Tá Nhơn ký trước rồi đưa họ ký sau. Việc đổ đá của các nhà thầu nhiều khi không đúng số lượng ni tắc nhưng được ghi vào biên bản là phẩm chất có thể nhận được và đủ số lượng rồi hối thúc bắt các hội viên ký. Các hội viên này đã không kịp xem lại nội dung, do đó họ không hiểu biết gì mà chỉ là bù nhìn cho Trung Tá Nhơn và Đại Úy Ngọc tha hồ dùng uy quyền thao túng.

Theo lời khai của các nhà thầu Hà văn Long, Nguyễn văn Vàng, Nguyễn văn Giáo và Đinh ngọc Chi, các nhà thầu nào cung cấp thiếu nếu muốn được phạt nhẹ 1% hoặc 2% thì phải lo lót cho Tỉnh 15% theo lời đòi hỏi của Đại Úy Ngọc và ông Nguyễn huy Cường, nguyên Trưởng Ty Công Chánh, để chia lại cho Trung Tá Nhơn và các đương sự. Nếu không lo lót, các nhà thầu sẽ bị làm khó dễ trong việc thanh toán hoặc bị đe dọa trả thù (trường hợp nhà thầu Hà văn Long). Các lời khai này được chứng minh bởi hành động của Đại Úy Ngọc đã chạy theo xin các thanh tra bên Bộ Xây Dựng để hạ thấp tỉ lệ phạt cho các nhà thầu và chính ông Cường cũng xác nhận điều đó. Ông Cường là Trưởng Ty Công Chánh có nhiều thẩm quyền trong việc xét định phẩm chất và số lượng vật liệu cung cấp nên không thể nói rằng không biết gì đến tiền trả nước. Còn Trung Tá Nhơn, tuy không có bằng chứng cụ thể đương sự trực tiếp đòi tiền nhưng đã có hành động làm khó dễ nhà thầu nào không chịu lót hoặc bỏ qua không xét xử những hành vi đe dọa trả thù các nhà thầu.

Trong việc thanh toán cho các nhà thầu, Trung Tá Nhơn đã có hành động mờ ám bằng cách đưa Ban Kế Toán Xây dựng nông thôn từ Ty Tài Chánh qua Hội đồng xây dựng trong thời gian thanh toán tiền để đặt họ dưới quyền kiểm soát của Đại Úy Ngọc là người thân tín của Trung Tá Nhơn. Ông Ninh, trưởng ty tài chánh, chỉ ngồi để làm bù nhìn, không biết gì về việc thanh toán. Ông Lê Hoan, Phó Tỉnh Trưởng Hành Chánh, cũng không hay biết việc thanh toán và chỉ ký vào sổ chuẩn chi sau khi đã thanh toán rồi. Số tiền thanh toán đã con lộ Hóc Môn - Đức Hoà làm hai đợt trên 18 triệu đồng trong hai tài khoá 1968 và 1969 theo Trung Tá Nhơn đều áp dụng đúng thủ tục tài chánh nhưng kỳ thật các biên bản tiếp nhận cũng như hồ sơ thanh toán đều do bộ ba là Trung Tá Nhơn, Đại Úy Ngọc và Ông Cường tự ý thiết lập, sửa đổi rồi cường bách đe dọa các nhân viên dưới quyền ký vào.

Cũng vì vậy mà các Giám sát điều tra đã cho rằng "lời tố cáo ăn hối lộ một triệu đồng không phải là vô căn cứ".

D.- THẬU TIỀN CÁC THƯƠNG GIA LẬP QUỸ ỦY LẠO CHIẾN  
TRƯỜNG BẤT HỢP PHÁP.-

Việc lập quỹ xã hội ở địa phương bị bãi bỏ do Nghị định của Phủ Chủ Tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương và Bộ nội vụ cũng có chỉ thị cấm triệt để việc lập quỹ xã hội một cách bất hợp pháp để dùng vào việc tiếp tân, ủy lạo binh sĩ, v.v... Trung Tá Nhơn đã có đọc chỉ thị này và phê trên đó "thi hành" nhưng mặt khác ra lệnh cho ông Trần Văn Tư, Tân Trưởng Ty Kinh tế Tài chánh, tiếp tục thâu nhận tiền đóng góp của các thương gia. Để che dấu hành động phi pháp này, đương sự đã chỉ thị làm một cuốn sổ để các thương gia tự tay ghi số tiền ủng hộ rồi ký tên, thay vì cấp biên lai như trước kia.



Về sau, khi đương sự không còn làm tỉnh trưởng Hậu nghĩa nữa (24-3-1969), đương sự đem hết các số tiền về nhà.

Khi ông Thanh tra Lê Hữu buộc đương sự xuất trình sổ sách chứng minh, 5 ngày sau đương sự mới cho người đem đến. Các số tiền ghi trong sổ sách cũng không được rõ ràng và số tiền thu được cũng sai biệt với số tiền ghi trong sổ. Chẳng hạn như Trung Tá Chiêu, Trưởng khu thương mại Củ Chi có nộp 40.000\$ nhưng trong bản kê khai ghi thu có 10.000\$.

Do đó, về vấn đề này, các Giám sát điều tra qui trách nhiệm cho Trung Tá Nhơn đã "hành động bất chấp lệnh thượng cấp, lập quỹ xã hội thu tiền bất hợp pháp, cổ tạo nhiều sơ xuất trong việc thu xuất để dễ bề thêm lạm".

E.- CÓ HÀNH VI MỜ ÁM TRONG VIỆC LẠC QUYÊN XÂY CÁT  
TRƯỜNG TRUNG HỌC NGUYỄN CÔNG TRỨ :

Trung Tá Nhơn còn tự động mở cuộc lạc quyên, mặc dù có sự ngăn cản của ông Trần Văn Tư, Tân Trưởng Ty Kinh tế Tài chánh, để thu tiền của tư nhân xây cất trường trung học Nguyễn công Trứ. Đương sự nhìn nhận hành động này sai phép, nhưng vì tha thiết với sự học hành của con em nên đã công khai khuyến khích việc lạc quyên.

Cụ Trần Văn Hồ, Chủ tịch Hội đồng Tỉnh cho biết có cuộc lạc quyên, tiền dồn về Tỉnh, Trung Tá Nhơn cho ít mà lấy xài thì nhiều. Các số tiền thu chi không có ghi vào sổ sách mà chỉ được ghi vào hai bảng kê phần thu và chi kèm theo các biên nhận. Số tiền thu kê khai gồm 500.000\$, chỉ còn lại trên 13.000\$ nói là giao cho ông Võ Văn Phương, phát ngân viên Toà Hành Chánh cất giữ.

Cũng vì việc lạm quyền trái phép và không có sổ sách, cho nên các Giám sát điều tra đã cho rằng "cuộc lạm quyền xây cất Trường là một hình thức do Trung Tá Nhơn tạo ra để có cơ hội những lạm số tiền thu được".

F.- LẬP HỒ SƠ MA ĐIỀU CHỈNH CÁC CÔNG TÁC XÂY DỰNG NÔNG THÔN Ở QUẬN ĐỨC HOÀ :

Ngân khoản dùng vào công tác xây dựng nông thôn ở Quận Đức Hoà lên đến 3 triệu rưỡi. Đại Úy Tạ trung Quân, Quận trưởng Đức Hoà, đã ngụy tạo hồ sơ để chi tiêu hết số tiền to tát nói trên với sự a tòng của Trung Tá Nhơn.

Theo lời khai của các nhân chứng như ông Phó Tỉnh Lê Hoan và ông Trần Văn Phát, Phó quận trưởng Đức Hoà thì Đại Úy Quân đã chỉ thị cho ông Trương Văn Minh, Trưởng ban tài chánh, tưởng tượng ra các số gạch ngói cát hay các vật liệu khác để làm hoá đơn điều chỉnh cho đủ số ngân khoản dự trù. Chính ông Minh cũng xác nhận việc này. Phiếu đặt hàng thì Trung Tá Tỉnh Trưởng Mã sanh Nhơn và Đại Úy Quận Trưởng Tạ trung Quân ký trước từ lâu, về sau nhân viên mới làm phiếu khảo giá. Do đó, các biên bản khảo giá và tiếp nhận đều giả tạo. Các thương gia Trương Văn Ý và Châu thị Yến đều xác nhận là không có cung cấp vật liệu mà phải ký vào để giúp Quận điều chỉnh. Các nhân viên dưới quyền Đại Úy Quân cũng bị ép lỵc ký vào các biên bản trên.

Còn việc thanh toán, Đại Úy Quân tự làm quản lý kế toán và phát tiền cho nhà thầu. Đại Úy Quân làm hành vi này có sự a tòng của Trung Tá Nhơn, bằng chứng là Trung Tá Nhơn đã giả vờ đưa ra đưa vào hồ sơ của Quận điều chỉnh về xây dựng nông thôn có vẻ như không chịu ký, nhưng sau đó Trung Tá Nhơn ở nhà ký hết tất cả hồ sơ nêu trên. Theo ông Lê Hoan, Trung Tá Nhơn chia

10% trong công tác này và có thấy vào dịp Tết, Đại Ủy Quân tạ ơn Trung Tá Nhơn một số lễ vật.

Về vụ này, các Giám sát điều tra cho rằng :  
"Trung Tá Nhơn đã cố tình che đậy hành vi mờ ám của Đại Ủy Quân Trưởng Đức Hoà, trong đó đương sự có thể dính liú vào".

DOAN III : ĐỀ NGHỊ CỦA THANH TRA LÊ HỮU VỚI SỰ ĐỒNG Ý  
CỦA CÁC GIÁM SÁT PHỤ TRÁCH ĐIỀU TRA.-

Thanh tra Lê Hữu, qua phúc trình điều tra số 49, đã đề nghị những biện pháp chế tài sau đây với sự đồng ý của hai vị Giám sát phụ trách điều tra là các ông Trần Văn Thới và Đào Thanh Quế :

A.- ĐỐI VỚI TRUNG TÁ MÃ SANH NHƠN, NGUYÊN TỈNH TRƯỞNG  
HẬU NGHĨA.-

1)- Sa thải khỏi quân lực Việt Nam Cộng Hoà.-

2)- Truy tố trước Toà Án về những hành vi :

- Lợi dụng quyền thế cưỡng hiếp nữ công chức
- thâu tiền bất hợp pháp
- lạm quyền bất hợp pháp
- bắt thuộc cấp ngụy tạo hồ sơ thâu nhận thanh niên trốn quân dịch vào Hội đồng nhân dân xã ấp và võ trang tuyên truyền.
- dùng quân xe chở vật liệu bán cho nhà thầu
- chịu trách nhiệm về số tiền mua gỗ thiếu của nhà thầu Châu thị Yến.

B.- ĐỐI VỚI ĐẠI ỦY ĐANG ĐỨC CHÂU, NGUYÊN QUẬN TRƯỞNG  
TRẢNG BÀNG :

- Giáng hai cấp và không cho giữ chức vụ chỉ huy.

C.- ĐỐI VỚI ĐẠI ÚY TẠ TRUNG QUÂN, QUẬN TRƯỞNG QUẬN ĐỨC HOÀ.-

- Cất chức Quận Trưởng và áp dụng quân kỷ về việc ngay tạo hồ sơ.

D.- ĐỐI VỚI ĐẠI ÚY TRINH QUANG NGỌC VÀ ÔNG NGUYỄN HUY CƯỜNG.-

- Khiển trách ghi hồ sơ lý lịch.

DOAN IV.: CHẾ TÀI CỦA GIÁM SÁT VIỆN.-

Trong các phiên họp ngày 12 và 17 tháng 9 năm 1970, Hội đồng Giám sát viện đã nhóm họp để nghe thuyết trình, thảo luận và phán xét về vụ Đại Tá Mã sanh Nhơn và một số sĩ quan thuộc tỉnh Hậu nghĩa bị tố cáo có những hành vi bất chính. Quyết nghị số 67/GSV/VP/QN ngày 24-9-1970 của Hội đồng Giám sát viện đã đề nghị lên Hành pháp áp dụng những biện pháp chế tài có tính cách nhẹ nhàng so với những đề nghị của các Giám sát phụ trách điều tra :

A.- ĐỐI VỚI ĐẠI TÁ MÃ SANH NHƠN :

- Phạt 30 ngày trọng cấm
- Tự hậu không cho giữ chức vụ chỉ huy hành chính vì thiếu tác phong đạo đức.

B.- ĐỐI VỚI ĐẠI ÚY ĐẶNG ĐỨC CHÂU :

- Phạt 30 ngày trọng cấm
- Tự hậu không cho giữ chức vụ chỉ huy hành chính vì phạm lỗi nặng về công vụ.

C.- ĐỐI VỚI ĐẠI ÚY TẠ TRUNG QUÂN :

- Khiến trách ghi hồ sơ lý lịch vì có hành vi thiếu minh bạch trong việc chứng minh công tác xây dựng nông thôn.
- Khuyến cáo Bộ xây dựng nông thôn kiểm soát lại các công tác xây dựng nông thôn tỉnh Hậu Nghĩa và nhất là Quận Đức Hoà.

D.- ĐỐI VỚI ĐẠI ÚY TRINH QUANG NGỌC :

- Cảnh cáo vì kém tác phong.

E.- ĐỐI VỚI ÔNG NGUYỄN HUY CƯỜNG :

- Khiến trách vì kém tác phong.

ĐOẠN V : THÁI ĐỘ CỦA HÀNH PHÁP.-

Trong vụ này, Hành Pháp đã triệt để thi hành những đề nghị chế tài của Hội đồng Giám sát viện vốn cũng có tính cách nhẹ nhàng so với những đề nghị của các Giám sát phụ trách điều tra. Tuy nhiên, trong khi quyết nghị chế tài của Hội đồng Giám sát viện chỉ nêu ra những lý do tương đối êm dịu thì các quyết định chế tài của Hành Pháp lại công bố rõ ràng và xác nhận hầu hết những hành vi bất chánh của các đương sự. Điều đó vô tình đã làm nổi bật tính cách bất tương xứng giữa các hành vi bị chỉ trích và mức độ chế tài. Chúng tôi xin ghi lại ở đây 4 quyết định của Hành Pháp với đầy đủ những lý do chế tài như sau :

A.- QUYẾT ĐỊNH SỐ 17802/TTM/TQT/NSV/QK2/QĐ  
NGÀY 17-12-1970 CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU :

- Phạt Đại Tá Mã sanh Nhơn thuộc Quân Khu IV 30 ngày trọng cấm; tự hậu không cho sĩ quan đương sự giữ chức vụ chỉ huy hành chánh vì thiếu tác phong đạo đức.
- Lý do : Trong thời gian giữ chức vụ Tỉnh Trưởng Hậu Nghĩa đã lợi dụng quyền thế cưỡng hiếp nữ công chức, vợ công chức cũng như bắt nhân viên thuộc quyền đi kiểm gái; đánh đập mắng chửi nhân viên thuộc quyền; chịu trách nhiệm trong ngân khoản 16.000.000\$ thanh toán cho nhà thầu đổ đá tại tỉnh lộ số 9 Hóc Môn - Đức Hoà cũng như mờ ám trong việc đề nhân viên thuộc quyền cưỡng ép lấy chữ ký của các hội viên trong Ban tiếp nhận.

B.- QUYẾT ĐỊNH SỐ 17803/TTM/TQT/NSV/QK2/QĐ NGÀY  
17-12-1970 CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU :

- Phạt Đại Úy Đặng Đức Châu thuộc tiểu khu Quảng Nam 30 ngày trọng cấm; tự hậu không giao cho sĩ quan đương sự giữ chức vụ chỉ huy về hành chánh vì phạm lỗi nặng về công vụ.
- Lý do : Trong thời gian giữ chức vụ Quận trưởng Trảng Bàng đã che chở thanh niên trong hạng tuổi quân dịch để an tiền, chủ mưu để cố vấn Mỹ ở chi khu Trảng Bàng bán thủ tiêu hồi chánh viên Bùi văn Gạch, tổ chức để thuộc cấp bán người, giết tiền và phá hủy công ốc bất hợp pháp.

C.- QUYẾT ĐỊNH SỐ 3136/TTM/TQT/NSV/QK2/QĐ  
NGÀY 8-3-1971 CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU :

- Phạt Thiếu Tá Tạ trung Quân, Quận Trưởng kiêm chi khu trưởng Trị Tâm Bình Dương (nguyên Quận Trưởng kiêm Chi khu trưởng Đức Hoà - Hậu Nghĩa), 30 ngày trọng cấm.

- Lý do : chịu trách nhiệm trong ngân khoản 3.500.000\$ vì thiếu minh bạch trong việc chứng minh công tác xây dựng nông thôn Quận Đức Hoà.

D.- QUYẾT ĐỊNH SỐ 3114/TTM/TQT/NSV/QK2/QĐ  
NGÀY 8-3-1971 CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU :

- Phạt Đại Úy Trịnh quang Ngọc, Trưởng ban thường vụ Hội đồng xây dựng nông thôn tỉnh Hậu Nghĩa, 30 ngày trọng cấm; chuyển đương sự ra khỏi chức vụ hiện tại và đặt thuộc quyền xử dụng Quân đoàn III và quân khu III kể từ ngày 16-3-1971 để điều động đến một đơn vị tác chiến trực thuộc.
- Lý do : cưỡng ép lấy chữ ký các hội viên ban tiếp nhận công tác đổ đá con lộ Hóc Môn - Đức Hoà; có hành vi mờ ám trong việc tiếp nhận và thanh toán tiền cho nhà thầu cung cấp đá.

DOẠN VI : PHẢN ỨNG CỦA BÁO GIỚI VỀ VỤ MÃ SANH NHƠN.-

Về vụ này, phản ứng ồn ào nhất được thể hiện qua 22 bài báo trên 2 tờ Ánh Sáng và Hoà Bình, một đảng thì cố tình bênh vực Trung Tá Nhơn một cách quá đáng còn một đảng thì thù ghét quá nhiều xung quanh những hành vi bị chỉ trích của Trung Tá Nhơn.

Nhưng nhìn chung thì báo giới có vẻ chỉ đặc biệt chú trọng đến những hành vi mang tai tiếng xấu của Trung Tá Nhơn liên hệ đến nữ công chức và nữ cán bộ thuộc quyền. Và cũng từ cái nhìn đó, báo giới và dư luận nói chung đều không đồng ý về mức độ chế tài của Hội đồng Giám sát viện được xem là bất tương xứng với hành vi bị chỉ trích. Về tính cách nhẹ nhàng trong những chế tài của Hội đồng Giám sát viện liên quan đến

những nhân vật cao cấp nói chung và trong vụ Mã sanh Nhơn nói riêng, chúng tôi có tiếp xúc với Giám sát Phạm đình Hưng và ông Tổng Thanh Tra Nguyễn thế Đại. Theo Giám sát Phạm đình Hưng (34), một quyết định có tính cách tập thể với một Hội đồng gồm 18 người khó thể là một quyết định mạnh và dứt khoát, nhất là trong hiện trạng nước ta nhiều người nhiều ý kẻ buộc người mở cũng như không thiếu những vị Giám sát vốn hiền từ hoặc cầu an. Cũng về vấn đề này, ông Tổng Thanh Tra Nguyễn thế Đại có gợi ý là trong Hội Đồng Giám viện vốn có nhiều vị tâm tánh hiền hoà và một quyết nghị chế tài nặng hay nhẹ cũng có thể tùy thuộc một phần vào khả năng biện bác và tài thuyết phục của vị thuyết trình viên (35).

Ngoài những yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến mực độ chế tài của Giám sát viện, chúng tôi thiết nghĩ cũng nên đề cập tới yếu tố tâm lý là vấn đề thể diện. Các vị Giám sát có thể nghĩ rằng thà có một chế tài nhẹ nhàng mà được Hành pháp tuân theo còn hơn là một chế tài mạnh mà Hành pháp bỏ qua không xét đến khiến cho thể diện của các vị Giám sát có thể phần nào bị tổn thương, nhất là trong những vụ liên hệ đến những nhân viên cao cấp vốn thường là những người thân tín của các nhà lãnh đạo tối cao mà Hội đồng Giám sát viện không thể không e dè. Trong trường hợp Trung Tá Nhơn, khi được Giám sát viện mời đến trụ sở để lập biên bản hỏi cung, Trung Tá Nhơn đã "tâm tình úp mở" rằng ông ta vẫn thường được Tổng Thống nhắc nhở cũng như đã "đùa cợt một cách có ý nghĩa" rằng mỗi lần Giám sát viện triệu về là mỗi lần có dấu hiệu thăng cấp. Trong vụ này, Hành pháp đã chấp thuận nhanh chóng những đề nghị chế tài

\*\*\*\*\*

(34) Phạm đình Hưng, Giám sát, Phòng vấn

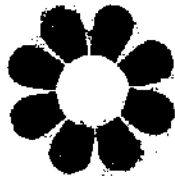
(Saigon : 8 tháng 5 năm 1972)

(35) Nguyễn thế Đại, Tổng Thanh Tra Giám sát Viện,

Phòng vấn, (Saigon : 23 tháng 8 năm 1971).



của Hội đồng Giám sát viện, một phần vì những chế tài đó xét ra cũng không có gì là nặng nề, một phần có lẽ vì những lời "tâm tình đưa cột" nêu trên của Trung Tá Nhơn và nhất là vì Trung Tá Nhơn đã có những hành vi xấu liên hệ đến nữ cán bộ và nữ công chức gây bất bình trong dân chúng cũng như trong lòng của các nhà lãnh đạo tối cao.



## CHƯƠNG THỨ HAI

### NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ

\*\*\*\*\*

Kiểm điểm những thành quả tổng quát căn cứ trên những thống kê chính thức đã được trình bày trong Chương I Tiết I, người ta thấy những thành quả đó dù sao cũng chỉ là những thành quả khiêm nhường. Đa số các viên chức và quân nhân bị chế tài chỉ ở cấp trung trở xuống và những chế tài này thực ra cũng chỉ có tính cách nhẹ nhàng so với những hành vi bị chỉ trích. Chưa kể những đề nghị chế tài khác đã không được Hành pháp thi hành. Vì vậy, Giám sát viện trong nhiệm kỳ đầu tiên (1968-1972) vẫn thường bị coi như bất lực qua dư luận và báo chí, theo đó Giám sát viện bị qui trách nhiệm vì đã tỏ ra không hữu hiệu trong việc đảm đương vai trò bài trừ tham nhũng.

Nhưng vấn đề thực ra không giản dị. Cũng vì vậy mà chúng ta cần phải nhận định kỹ càng về những khó khăn của Giám sát viện nhằm tìm hiểu tại sao Giám sát viện đã bất lực để từ đó chúng ta đề ra những biện pháp xây dựng có tác dụng đóng góp vào sự hữu hiệu của Giám sát viện cả về bề mặt lẫn chiều sâu.

#### TIẾT I : NHẬN ĐỊNH VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA GIÁM SÁT VIỆN :

Trong việc đảm đương vai trò hiến định là bài trừ tham nhũng, Giám sát viện đã gặp rất nhiều khó khăn. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra những khó khăn có tính cách căn bản liên hệ trực tiếp đến hoạt động của Giám-

sát viện, theo đó Giám sát viện đã thiếu sự hỗ trợ của những văn kiện chính thức nhằm mở rộng quyền hạn cho Giám sát viện, thiếu sự hỗ trợ của các cơ quan công quyền như Hành Pháp và lập pháp và thiếu cả sự hỗ trợ của công luận như báo chí và dân chúng.

MỤC I : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA NHỮNG VĂN KIỆN CHÍNH THỨC MỞ RỘNG QUYỀN HÀNH GIÁM SÁT :

ĐOẠN I : ĐIỀU 89 HIẾN PHÁP CHỈ BAN CẤP CHO GIÁM SÁT VIỆN "THÂM QUYỀN ĐỀ NGHỊ". -

Điều 89 Hiến pháp qui định rằng : "Giám sát Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa Án có thẩm quyền". Chính hành pháp đã dựa vào điều khoản này để tùy ý thi hành hay không thi hành những đề nghị chế tài của Hội đồng Giám sát viện.

Trông thấy được phần nào những khó khăn của Giám sát viện, các nhà lập pháp sau đó đã ban cấp cho Giám sát viện một ít thực quyền qua điều 28 đoạn 2 của Luật số 9/68, theo đó "Nếu có sự bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật, cấp Trung ương của cơ quan liên hệ có thể đề nghị với Giám sát viện một biện pháp chế tài khác. Hội đồng Giám sát viện sẽ chấp thuận hay bác bỏ đề nghị này trong thời hạn 7 ngày tròn. Quyết định chấp thuận hay bác bỏ của Hội đồng Giám sát viện có hiệu lực cưỡng hành". Ý nghĩa và tầm quan trọng của đoạn văn nằm ở bốn chữ "hiệu lực cưỡng hành", theo đó một quyết nghị của Giám sát viện sẽ có tính cách quyết định chứ không phải chỉ là một hành vi có tính cách chuẩn bị hoặc là một hành vi có tính cách một đề nghị.

Dù rằng điều 28 đoạn 2 vừa kể có ưu điểm là ban cấp cho Giám sát Viện một ít thực quyền để hoạt động nhưng tiếc thay điều khoản này hoàn toàn vi hiến và một số đương can — đặc biệt là Đại Tá Tiến, Cục Trưởng Cục Truyền Tin — đã yêu cầu Tối Cao Pháp Viện phán xét về tính cách bất hợp hiến của điều 28 nêu trên. Dù Tối cao Pháp Viện chưa phán xử về vấn đề này, chúng tôi cũng xin ghi lại ý kiến của cố Giáo sư Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Nguyễn Văn Bông, nguyên Cố Vấn Tối cao Pháp Viện mà chúng tôi đã có dịp được phỏng vấn (36). Theo như nhận định của Cố Giáo Sư Bông, nếu quyết định của Hội Đồng Giám sát viện có tính cách quyết định thì điều này hoàn toàn trái ngược với điều 27 của cùng một đạo luật và mặt khác điều này cũng hoàn toàn đi ngược lại nội dung cùng tinh thần của điều 89 Hiến Pháp.

Thực vậy, điều 27 của cùng một đạo luật qui định rằng Chủ tịch Giám sát viện, thi hành quyết định của Hội đồng, "chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền với đề nghị áp dụng các biện pháp chế tài về kỷ luật..."

Mặt khác, điều 28 đoạn 2 cũng hoàn toàn vi hiến vì đã đi ngược lại nội dung cùng tinh thần của điều 89 Hiến Pháp. Về phương diện nội dung, điều 89 Hiến Pháp qui định rằng : "Giám sát viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa Án có thẩm quyền". Như vậy, đó chỉ là thẩm quyền đề nghị với nhà chức trách hành chánh về biện pháp chế tài kỷ luật và thẩm quyền yêu cầu với công tố viện truy tố ra Tòa một nhân viên phạm lỗi. Về phương diện tinh thần, tính cách

\*\*\*\*\*

(36) Nguyễn Văn Bông, Cố Giáo sư Viện Trưởng HVQGHC và Cố Vấn Tối Cao Pháp Viện, Phỏng vấn

(Saigon : 24 tháng 8 năm 1971).

không quyết định của hành vi của Giám sát viện còn nổi bật nếu chúng ta nghe lại thuyết trình viên trình bày trong các phiên họp của Quốc Hội Lập Hiến. Thuyết trình viên Phạm đình Hưng, khi trả lời cho một đồng viện, đã khẳng định trong phiên họp ngày 1-3-1967 : "Theo quan niệm của chúng tôi, Giám sát viện là một cơ quan kiểm soát và điều tra chứ không phải là một cơ quan chế tài hay một cơ quan xử án. Vì vậy, Giám sát viện không có quyền chế tài cũng như không có quyền phán quyết (37). Và trong phiên họp ngày 2-3-1967, thuyết trình viên Phạm đình Hưng lên diễn đàn giải thích điều 88 (tức là điều 89 Hiến pháp hiện nay) đã khẳng định rõ ràng như sau : "Hôm nay ở điều 88, chúng tôi sẽ xin đề cập tới quyền hạn của Giám sát viện. Để có thể thi hành được các nhiệm vụ quá nặng nề và quá rộng rãi, Giám sát Viện cần phải có đầy đủ quyền hạn. Tuy nhiên, chúng ta cần phải làm thế nào cho Giám sát viện không có nhiều quyền quá đến nỗi biến thành siêu chánh phủ. Vì vậy, thế theo ý kiến của một số đồng bạn đồng viện đã phát biểu ngày hôm qua, chúng tôi đã tu chính lại điều 88 như sau : Giám sát viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với các nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa Án có thẩm quyền và trong trường hợp đề nghị trên không được chấp thuận, Giám sát viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra. Chúng tôi xin giải thích điều 88 mới này. Đề nghị của Giám sát viện sẽ căn cứ vào mức độ nặng nề hay nhẹ nhàng của sự phạm pháp của nhân viên các cơ quan công quyền. Nếu phạm lỗi nhẹ, Giám sát viện chỉ đề nghị những biện pháp chế tài về kỷ luật mà hậu quả nặng nhất là cách chức người nhân viên đó. Nếu phạm pháp quá nặng và có đầy đủ

\*\*\*\*\*

(37) Việt Nam Cộng Hòa, Công Báo, Ấn bản Quốc hội ngày 2-2-1968, trang 368-369.

bằng chứng, Giám sát viện sẽ yêu cầu toà án truy tố về tội hình đó. Tuy nhiên, đây chỉ là một đề nghị, có thể thượng cấp của nhân viên phạm lỗi lại binh vực thuộc viên của mình hoặc do một lệnh nào đó, Công tố viện không chịu truy tố nhân viên phạm pháp này mặc dầu có đầy đủ bằng chứng của sự phạm pháp và có đầy đủ yếu tố của tội phạm. Trong trường hợp đó, Giám sát viện sẽ công bố cuộc điều tra của mình để quốc dân phán đoán. Sự công bố đó có nhiều hình thức, hoặc gửi hồ sơ điều tra đến Quốc Hội hoặc gửi đến Tối Cao Pháp Viện hoặc gửi đăng báo hoặc tổ chức một cuộc họp báo để trình bày quan điểm của mình. Tôi thiết nghĩ điều 88 này sẽ cho Giám sát viện khá nhiều quyền hành. Tuy nhiên quyền này sẽ không biến Giám sát viện trở thành siêu chánh phủ và do đó, Giám sát viện không có quyền chi phối tất cả các cơ quan công quyền" (38).

Như vậy, với tất cả lý do và tài liệu vừa trình bày, chúng ta thấy rằng điều 28 đoạn 2 hoàn toàn vi hiến. Và rốt cuộc, mọi thẩm quyền của Giám sát viện chỉ còn là "thẩm quyền đề nghị". Và đó là một điều đáng tiếc và cũng là một trong những khó khăn căn bản của Giám sát viện khiến cho Giám sát viện mất nhiều uy tín.

ĐOẠN II : VẤN KIẾN CHÍNH THỨC CÂNG NGÀY CÂNG THU HẸP  
QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA GIÁM SÁT VIỆN :

Quyền hạn của Thanh tra Giám sát viện cũng không được đề cập tới trong Luật số 9/68 về tổ chức và điều hành Giám sát viện. Quyền hạn của Thanh tra chỉ được đề cập tới trong những văn kiện lập qui, đặc biệt là trong điều 46 của Nội Quy đã được trình bày trong Phần I theo

\*\*\*\*\*

(38) Ibid., trang 376.

đó các thanh tra vốn là phụ tá các vị Giám sát sẽ có đủ quyền hạn của các vị Giám sát (ngoại trừ quyền tạm câu lưu và tạm ngưng chức) khi được các vị Giám sát ủy nhiệm thi hành công tác thanh tra hoặc điều tra trong những vụ không mấy quan trọng hoặc chỉ liên hệ tới nhân viên công quyền từ bậc trung trở xuống. Và ngay cả trong Nội Quy cũng không đá động gì đến thành phần Thanh tra của Thanh tra đoàn mà từ trước đến giờ vẫn thường được giám sát viện ban hành công vụ lệnh cử đi điều tra sơ khởi. Vì vậy, các đương can cũng như Luật sư của họ — đặc biệt là Luật sư Nguyễn Văn Chức — thường dựa vào đó để chỉ trích tính cách vi luật của điều 46 Nội Quy nêu trên cũng như chỉ trích việc điều tra sơ khởi của các thanh tra đã vi phạm nội quy giám sát viện.

Trước áp lực của những lời chỉ trích đó, Ủy ban Điều tra và kiểm tra Giám sát viện đã ký Sự vụ văn thư số 175/GSV/UBĐT/TT2 ngày 14-10-1971 chấm dứt việc ban hành công vụ lệnh cử thanh tra đi điều tra sơ khởi và lưu ý các thanh tra là "chỉ nên tiến hành cuộc điều tra trong những giới hạn sau":

- Về nội dung, cho mời đương sự tới xác nhận sự tố cáo và bổ túc các chi tiết, lấy lời khai các nhân chứng tự nguyện giúp Giám sát viện; yêu cầu đương đơn và nhân chứng cung cấp tài liệu (nếu có); tuyệt đối không thăm vấn các bị cáo; sưu tầm tài liệu tại các cơ quan liên hệ bằng cách gửi văn thư xin bản sao hay mượn các văn kiện và hoàn lại sau khi tham khảo và tìm tin tức mật do cảm tình viên cấp.
- Về hình thức, không đặt văn phòng tại các cơ quan (kể cả ở các địa phương) mà chỉ mời những người cần khai thác tới trụ sở Giám sát viện. Trong trường hợp những người này ở tỉnh xa, có thể gửi công văn

kèm bảng câu hỏi để họ trả lời và yêu cầu gửi tài liệu chứng minh nếu có. Tuy nhiên, nếu có thể được, cho mời họ tới trụ sở Giám sát viện hoặc có thể nhờ cảnh sát địa phương lấy lời khai rồi chuyển về Giám sát viện.

Theo Thanh tra Lê đình Lãm thì Sự vụ văn thư số 175 nêu trên chỉ chi phối các Thanh tra của Thanh tra đoàn chứ không chi phối các Thanh tra phụ tá của các vị Giám sát (39). Tuy nhiên trên thực tế, theo sự tiết lộ của một số thanh tra muốn được dấu tên, Sự vụ văn thư nêu trên đã chi phối tất cả các thanh tra Giám sát viện và đã làm tê liệt phần nào hoạt động của Giám sát viện vì lẽ con số 18 giám sát viên vốn đã quá ít mà lại không được sự phụ giúp đắc lực của hàng ngũ Thanh tra như trước đây.

Về sự vụ văn thư số 175 nêu trên, chúng tôi cũng xin đóng góp một vài nhận xét :

— Về điểm cho mời đương đơn đến xác nhận sự tố cáo và bổ túc chi tiết, chúng tôi có cảm tưởng là Giám sát viện chỉ thụ lý những vụ kiện được tố cáo một cách minh danh chứ không chấp nhận một đơn nặc danh. Trên thực tế, số đơn minh danh tố cáo rất hiếm hoi vì có phần nguy hiểm cho những người tố cáo, nhất là ở những địa phương xa xôi hẻo lánh, trừ một số ít trường hợp bị trực tiếp ức hiếp một cách quá đáng. Về lại, trước đây Giám sát viện đã chấp nhận các loại đơn tố cáo nặc danh và như vậy sự vụ văn thư số 175 phải chăng đã trái với tinh thần làm việc của Giám sát viện ?

\*\*\*\*\*

(39) Lê đình Lãm, Quyền Chánh sở Thanh tra Sự vụ,  
Phòng văn (Saigon : 12-5-1972).



- Việc cấm không cho Thanh Tra được thăm vấn bị cáo cũng trái với sự qui định của điều 46 Nội Quy Giám sát viện trong khi điều khoản này chưa bị tuyên phán là bất hợp pháp. Thêm vào đó, trong những vụ tham nhũng trung bình mà Thanh tra được ủy nhiệm điều tra, nếu không cho họ có quyền thăm vấn thì làm sao họ có đủ bằng chứng để buộc tội ?
- Việc qui định các thanh tra sưu tầm tài liệu bằng cách gửi văn thư mượn cũng rất dễ bị sai lạc vì rất có thể tập đoàn tham nhũng sẽ trao những tài liệu mà họ đã có đủ thì giờ để ngụy tạo cũng như rất có thể các cơ quan liên hệ sẽ không cho mượn tài liệu mà chúng tôi sắp đề cập đến trong Mục II.
- Sau cùng, Sự vụ văn thư số 175 của Ủy ban Điều tra cấm Thanh tra đi điều tra tại chỗ mà chỉ được ngồi tại trụ sở Giám sát viện để điều tra thì theo thiên ý, điều này không được hợp lý. Việc gửi câu hỏi để đương can trả lời chắc khó thu thập được kết quả mỹ mãn vì đương sự có thể bóp méo sự thật hay có thể chuẩn bị sẵn sàng. Hơn nữa, lối làm việc này hoàn toàn trái với kỹ thuật điều tra. Về trong trường hợp đương can là một viên đều tỉnh ở địa phương, các thanh tra nhờ cảnh sát ở đó điều tra hộ thì cuộc điều tra như vậy sẽ khó giữ được tính cách vô tư vì làm sao một nhân viên cảnh sát dám điều tra và phúc trình một cách trung thực về hành vi của một ông Tỉnh Trưởng ?

MỤC II : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA HÀNH PHÁP VÀ  
LẬP PHÁP, -

Ngoài những khó khăn do sự thiếu hỗ trợ của những văn kiện chính thức nói rộng quyền hạn Giám sát viện, Giám sát viện còn gặp những khó khăn do sự thiếu hỗ trợ

của các cơ quan Hành pháp và Lập pháp. Và như Dân biểu Hoàng xuân Túu (hiện là Nghị sĩ Thượng nghị Viện) đã nhận định ngay trong thời kỳ lập hiến "Giám sát Viện trở thành đệ tứ quyền mà không thể đứng" (40).

DOAN I : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA HÀNH PHÁP :

Một phần vì quan niệm Giám sát Viện chỉ có quyền đề nghị và phân khác vì muốn che cho những người thân tín của mình, Hành pháp đã không thi hành quyết nghị chế tài của Hội đồng Giám sát Viện trong rất nhiều trường hợp. Điển hình là vụ quế Trà Bồng ở Quảng Ngãi liên hệ đến Tướng T., nguyên Tư lệnh Sư đoàn 2. Trong vụ này, lần đầu Giám sát viện đã đề nghị giải chức Tướng T. nhưng sau đó đã tái xét và chỉ giữ lại một đề nghị chế tài hết sức nhẹ nhàng mà cho đến nay vẫn không được Hành Pháp thi hành (41). Ở đây, chúng tôi không phê phán về nội vụ để tìm hiểu xem hành vi của Tướng T. có đáng bị Giám sát viện chế tài hay không, dù trong lần tái xét biện pháp chế tài được giữ lại chỉ còn có tính cách tượng trưng. Mà chúng tôi chỉ muốn được ghi nhận một điều là sự việc Hành pháp không thi hành một đề nghị của Giám sát viện chắc chắn sẽ làm cho uy tín của Giám sát viện phải giảm sút nếu không muốn nói là đổ vỡ.

\*\*\*\*\*

(40) Quốc hội Lập Hiến, Biên bản số 080-QHLH/BB ngày 2-3-1967, trang 16.

(41) Nguyễn thế Đại, Tổng thanh tra Giám sát viện, Phòng vấn (Saigon : 23-8-1971).

Gần đây hơn, thông tư số 1401-Th.T/PCI/M ngày 16-9-1970 của Thủ Thủ Tướng đã ra lệnh cho các cơ quan chỉ được xuất trình tài liệu cho Giám sát viện khi nào có phép của Thủ Tướng. Văn thư nói rõ là Giám sát viện phải đích thân đến tham khảo tài liệu tại cơ quan cũng như nói rõ là các vị trưởng cơ quan không được xuất trình tài liệu cho các vị thanh tra được ủy nhiệm. Lý do được nêu ra để biện minh cho việc ban hành thông tư vừa kể là nhằm tránh trở ngại cho sự điều hành liên tục của công vụ. Vài lý do khác được suy đoán là "nghe nói Thủ Tướng có thông tư đó là vì Giám sát viện từng được tài liệu mà không sử dụng đúng mức hay là xem không rõ nghĩa, lại bóp méo và phán quyết sai lệch" (42). Nhưng dù với lý do nào, chúng tôi cũng cùng một nhận định như ông Lê Văn Trang là thông tư nêu trên ít nhiều cũng làm tê liệt Giám sát viện vì lẽ trong các cuộc điều tra của cơ quan giám sát, bút chứng là bằng chứng quan trọng nhất (43).

DOAN II : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA LẬP PHÁP :

Thái độ thiếu thiện cảm của Lập pháp đối với Giám sát viện được thể hiện rõ rệt nhất trong những lần thảo luận về ngân sách quốc gia tại Quốc Hội. Theo Giám sát Phạm Đình Hưng thì "Từ ba năm nay các Dân biểu và Nghị sĩ thường lợi dụng cơ hội thảo luận ngân sách quốc gia để đả kích nặng nề Giám sát viện. Thậm chí có một Nghị sĩ đã tuyên bố rằng Giám sát viện là một tai họa của đất nước và một Dân biểu đã đề nghị giải tán Giám sát viện" (44). Trong lần thảo luận về ngân sách

\*\*\*\*\*

(42) Lê Thái và Ngô Ninh Thuận, "Một văn thư quái đản tại Giám sát viện", Chính Luận, 9-12-1971.

(43) Lê Văn Trang, Thanh tra Giám sát Viện, Phòng văn (Saigon : 27 tháng 4 năm 1972).

(44) Phạm Đình Hưng, "Có nên giải tán Giám sát viện hay không ?", Cấp Tiến, 6-12-1971.

Giám sát viện năm 1971, người ta đã ghi nhận phần dự chi của Giám sát viện hơn 187 triệu đồng bạc đã bị Hạ nghị viện cắt xén bớt 77 triệu (tức gần 40%) và Thượng nghị viện thì "phóng khoáng" hơn nhưng cũng tước mất 40 triệu (hơn 20%). Trước đây, trong năm 1969, ngân sách được dự trù là 125 triệu 963 ngàn đồng đã bị cắt còn 73 triệu 877 ngàn. Sang năm 1970, Quốc hội dành cho Giám sát viện một ngân sách 106 triệu đồng nhưng vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động.

Như đã trình bày trong Phần I, thái độ thiếu thiện cảm của Lập pháp đối với Giám sát Viện có lẽ một phần bắt nguồn từ "mặc cảm uất ức" (complexe de frustration) vì Giám sát viện đã tước đoạt một ít quyền kiểm soát Hành pháp mà Quốc hội vẫn muốn giữ độc quyền. Nhưng mặt khác, chúng ta không thể không qui trách cho chính Giám sát viện trong suốt 4 năm qua vẫn chưa thỏa mãn được phần nào những kỳ vọng của dân chúng.

MỤC III : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA CÔNG LUÂN :

ĐOẠN I : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA DÂN CHÚNG :

Kinh nghiệm cho thấy là dân chúng Việt Nam thường rất cầu an. Đã vậy, tập đoàn tham nhũng thường là những người rất có quyền thế. Cũng vì vậy mà ít có ai chịu đứng ra tố cáo những hành vi bất chính của một số viên chức chánh quyền, trừ một số người bị trực tiếp ức hiếp một cách quá đáng. Có khi họ đã đứng đơn tố cáo rồi mà khi Giám sát viện mời đến thì lại sợ. Trong vụ gạ Long Khánh, chủ tịch Giám sát viện là ông Ngô xuân Tích đã phải minh xác rằng "Người tố cáo hứa cung cấp tài liệu thêm nhưng đến nay vẫn chưa đưa, do đó nội vụ chưa thể đang đường trước Hội đồng" (45). Những người  
\*\*\*\*\*

(45) Ngô xuân Tích, "Bản minh xác của Giám sát viện về việc chống tham nhũng", Chính Luận, 21-12-1971.

được mời làm nhân chứng thường cũng có một thái độ cầu an tương tự, nhất là khi nội vụ không đem lại cho họ một lợi lộc trực tiếp nào. Do đó, việc tìm kiếm nhân chứng cũng như việc thu thập tài liệu thường rất khó khăn.

Đã vậy, bản Nội Quy vừa được tu chỉnh lại còn cho phép luật sư của đương can được tham khảo luôn cả tờ phúc trình trong đó ghi rõ tên tuổi, địa chỉ và nghề nghiệp của những người đứng ra tố cáo cũng như của các nhân chứng. Điều này càng làm cho những người liên hệ vốn đã sợ bị trả thù nay lại càng sợ hơn và do đó đã tăng cường thêm tinh thần cầu an của dân chúng Việt Nam vốn đã có phần quá đáng. Và cuối cùng thì Giám sát viện lại càng ít nhận được sự hỗ trợ và cộng tác của dân chúng.

Chưa kể tâm lý người dân vốn đã chịu nhiều áp bức nên đã đặt quá nhiều kỳ vọng ở Giám sát viện khi Giám sát viện mới thành hình và do đó đã phải thất vọng quá lớn trước những thành quả quá nhỏ mà định chế giám sát Đệ Nhị Cộng Hoà đã thu lượm được. Sự thất vọng đó càng ngày càng khiến cho người dân mất tin tưởng ở Giám sát viện và do đó càng ít có ai muốn cộng tác với Giám sát viện để chỉ đi đến những quyết định mà họ tin là sẽ chỉ có tính cách nửa vời, không dứt khoát và nhiều khi không hiệu lực.

#### ĐOẠN II : KHÓ KHĂN DO SỰ THIẾU HỖ TRỢ CỦA BÁO CHÍ.-

Cũng như dân chúng, vai trò báo — đặc biệt là tờ Chính Luận — thường qui trách cho Giám sát viện là bất lực bằng những lời lẽ nặng nề. Sự việc này chúng tôi báo chí vì đặt quá nhiều kỳ vọng ở Giám sát viện nên cũng đã thất vọng quá lớn và do đó trở lại chỉ trích Giám sát viện một cách nặng nề mà không lưu ý tới những

khó khăn "hàng hàng lớp lớp" đã và đang ngăn chặn bước tiến của Giám sát viện.

Mặt khác, đa số các nhật báo ở Việt Nam thường chỉ nhằm vào những chỉ trích cá nhân hoặc mang tính cách đả phá vô trách nhiệm hay chỉ nhằm khai thác nội vụ để bán báo. Khi đề cập tới vụ Mã sanh Nhơn chẳng hạn, một vài nhật báo mà chúng tôi xin phép được miễn nêu tên đã thêu dệt thật nhiều chi tiết về những hành vi cường bách làm tình của vị sĩ quan cao cấp này cốt kêu gọi thị hiếu thấp hèn của một số độc giả hầu bán báo cho được nhiều.

Chưa kể trường hợp tập đoàn tham nhũng có thể mua chuộc báo chí hoặc cung cấp những dữ kiện bịa đặt cho những nhà báo "đổi tin" để đánh lạc hướng các cuộc điều tra và làm nản lòng những người phụ trách các công cuộc điều tra đó. Điều này rất dễ xảy ra trong tình trạng báo chí xô bồ như hiện nay. Qua vụ Trung Tá Nguyễn Tỉnh Trưởng Bình Định Phan minh Thọ bị tố cáo có những hành vi bất xứng, chính một nhà báo đã ghi nhận việc mua chuộc báo chí của vị sĩ quan này, theo đó Trung Tá Thọ đã "thuê báo chí chửi tươi hột sen tất cả những địch thủ của ông ta và những người có thể phát giác những hành vi gian manh của ông ta", đã "trực tiếp vận động với Đại Hàn hành quân rồi mua báo chí khen rầm lên là công của Tỉnh Trưởng" và đã "thuê báo chí chửi nát nước những người điều tra ông ta". (46). Cũng có trường hợp những nhà báo "đổi tin" bị tập đoàn tham nhũng lợi dụng để cung cấp những dữ kiện hoàn toàn bịa đặt. Người ta đã ghi nhận được qua một loạt bài vào tháng 6 năm 1971 (trên một tờ báo mà chúng tôi cũng xin được miễn nêu tên) những lời đả kích cá nhân một vị Giám sát, theo

\*\*\*\*\*

(46) Anh Việt, "Nghĩ gì Mong gì về Giám sát viện",  
Chính Luận, 24-3-1971.

đó thân phụ và thân mẫu của vị Giám sát này đã lợi dụng chức vụ của ông ta để mở lậu xanh, chứa bạc v.v..... Trong khi đó thì thân phụ và thân mẫu của vị Giám sát này đã qua đời hàng chục năm về trước. Ngay cả ông Ngô xuân Thọ, một "chuyên viên tố tham nhũng" mà chúng tôi sẽ đề cập riêng trong Đoạn kế tiếp, cũng đã rơi vào trường hợp tương tự. Trong vụ này, Trung Tá Giác, nguyên Phụ Tá Tổng Giám Đốc tại cơ quan Tiếp vận Trung ương, đã có những hành vi tham nhũng trong vụ đấu thầu thực phẩm thặng dư thuộc chương trình viện trợ Mỹ. Nhưng khi bị cấp trên phát giác và bị Giám sát viện điều tra, vị sĩ quan này lại cung cấp những dữ kiện bịa đặt cho ông Ngô xuân Thọ để mượn tay ông Thọ bôi bẩn cấp trên của mình là ông Tổng Giám Đốc Châu kim Nhân. Đến khi Giám sát viện trưng đủ tài liệu và bằng cứ, ông Ngô xuân Thọ mới thấy mình lầm lẫn và ông đã tự phê : "Tôi rùng mình ăn năn vì không phải là tôi phỉ báng mà là ám sát một cán bộ nhiệt thành là ông Châu kim Nhân" (47).

Tất cả những điều đó cho thấy một phần không nhỏ những người cầm bút ở Việt Nam chẳng những đã không có sự hỗ trợ cho Giám sát viện mà đôi khi còn gây khó khăn cho hoạt động của Giám sát viện và làm nản lòng những người phụ trách công cuộc điều tra. Một ký giả tên tuổi ở Á Châu là ông Tarzie Vittachi, Tổng Giám Đốc Viện Báo Chí Á Châu và là đặc phái viên của các báo Economist và Sunday Times, đã có những nhận xét hết sức là xác đáng về vai trò của báo chí trong công cuộc bài trừ tham nhũng :

\*\*\*\*\*

(47) Trích Nhật báo Cấp Tiến, 9-4-1972, trang 3.

....."Nếu càng ngày càng có nhiều ký giả giỏi về khoa phóng sự điều tra làm nhiệm vụ của họ một cách công khai thành thật và đúng đắn, nạn tham nhũng sẽ bớt lần đi ở khắp nơi. Mặt khác, nếu các ký giả có một thái độ vô trách nhiệm trong việc tố cáo tham nhũng và chỉ tìm cách gây xì-căng-đan hầu bán chạy báo, họ sẽ làm giảm giá trị nghề viết báo của họ tới một mức độ thấp. Khi đó, vấn đề sẽ lại khác : làm thế nào lấy ra được hạt sạn trong mắt chúng ta trước khi chúng ta xứng đáng được sự tin cậy của độc giả" (48).

DOAN III : HIỆN TƯỢNG NGÔ XUÂN THỌ :

Vào khoảng tháng 6 năm 1970, trên nhật báo Thần Phong, người ta thấy xuất hiện một nhân vật tên là Ngô xuân Thọ. Nhân vật này đã 36 tuổi, một vợ sáu con, đi lính từ năm 1965 và được biệt phái về dạy học tại trường Marie-Curie, là con trai duy nhất của ông Chủ tịch Giám sát viện Ngô xuân Tích và cũng là anh em bên ngoài với Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu (49). Trong khoảng thời gian này, ông Ngô xuân Thọ bắt đầu công kích những việc làm của Giám sát viện trên báo chí cũng như bằng văn thư riêng gửi cho các Nghị sĩ vào tháng 3 năm 1971. Tuy nhiên, sự lên tiếng của ông không gây được một tiếng vang nào trong khoảng thời gian đó.

\*\*\*\*\*

(48) Tarzie Vittachi, "Nạn tham nhũng : hạt sạn trong mắt chúng ta", Thế giới Tự do, Tập XX, số 2, không năm, trang 11.

(49) Theo Trần văn Lê, "Hoàng thân Ngô xuân Thọ, ông là ai ?", Tuần báo Đại Dân Tộc, số 2, không đề ngày, trang 2.



Mãi đến ngày 29-11-1971, trong một bức thư ngỏ gửi Phó Tổng Thống Trần văn Hương đăng trên nhật báo Đồng Nai, ông đã chỉ trích một số việc làm của Giám sát viện mà ông qui trách là vi hiến, vi luật, bất lực, bè phái và yêu cầu 18 vị giám sát hãy từ chức nếu có "ý thức liêm sỉ và công bằng". Cũng trong bức thư này, ông đã tố cáo Phó Tổng Thống Trần văn Hương đã điện thoại đến ông Giám sát Lý xuân Lâm để vận động đình hoãn quyết định cách chức ông Tổng Giám Đốc và ông Giám Đốc Thương mại của công ty đường Việt Nam bị Giám sát viện qui trách về những hành vi tham nhũng. Về vấn đề này, Phó Tổng Thống Trần văn Hương có cho biết là ông không hề can thiệp vào bất cứ một vụ nào ở Giám sát viện, Cố Giám sát Lý xuân Lâm có minh xác là không hề tuyên bố một lời nào với ông Ngô xuân Thọ và Chủ tịch Giám sát viện Ngô xuân Tích cũng minh xác là lệnh tạm ngưng chức ở Công Ty Đường được đình hoãn vì các Giám sát phụ - trách nội vụ chưa làm đúng thủ tục. Và cũng để minh xác với 17 vị Giám sát còn lại trong Hội đồng Giám sát viện đòi ông Chủ tịch Giám sát viện phải làm sáng tỏ vấn đề, ông Ngô xuân Tích đã tuyên bố là ông không bao giờ đem chuyện công ở Giám sát viện về nói cho vợ con nghe cũng như ông không hề "xúi giục" con ông đá kích người này người nọ (50).

Kể từ khi có bức thư ngỏ nêu trên, dư luận mới thực sự chú ý đến ông Ngô xuân Thọ. Và cũng kể từ đó, người ta thường thấy những lời tuyên bố và những bức thư ngỏ của ông Ngô xuân Thọ xuất hiện trên báo chí dưới những hàng tít lớn tố cáo người này là tham nhũng, người kia bị kết tội oan và công việc của Giám sát Viện bê bối ở chỗ này chỗ nọ kèm theo một số dữ kiện để làm bằng.

\*\*\*\*\*

(50) Nhật báo Bút Thép, 3-4-1972.

Những dữ kiện này đều có tính cách phi chính thức và thường được cung cấp bởi những người có vẻ biết rõ nội vụ. Tuy nhiên, sự chính xác của những tài liệu này cũng không có tính cách bảo đảm vì chính ông Ngô xuân Thọ đã có lần phải "rùng mình ăn năn" bởi lẽ đã làm lần tiếp nhận những tài liệu bịa đặt của một viên chức tham nhũng bị giải nhiệm đã mượn tay ông Thọ để thực hiện thủ đoạn bôi bẩn cấp trên của viên chức đó (vụ cơ quan Tiếp vận Trung ương).

Dù thế nào, những lời tố cáo và chỉ trích có tính cách "siêu giám sát" đó của ông Ngô xuân Thọ cũng đã gây ra nhiều khó khăn trầm trọng cho Giám sát viện. Một mặt, những việc làm của ông có thể gây khó khăn cho cuộc điều tra và làm nản lòng những người phụ trách điều tra vì rất có thể ông sẽ còn làm lần tiếp nhận thêm một số dữ kiện bịa đặt do tập đoàn tham nhũng cung cấp. Mặt khác, việc ông chỉ trích Giám sát viện nói chung và vài vị Giám sát nói riêng đã ít nhiều làm suy sụp uy tín của Giám sát viện cũng như đã thực sự gây nghi kỵ giữa ông Chủ tịch Giám sát viện và các vị Giám sát trong Hội đồng Viện khiến bầu không khí của Giám sát Viện như có vẻ gì "khó thở" mà chúng tôi đã có dịp cảm thấy khi lui tới Giám sát viện để hoàn thành tập biên khảo này.

Và nếu chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông riêng về sự bất lực của Giám sát viện trước những vụ tham nhũng lớn thì với tư cách là con ông Chủ tịch Giám sát viện và nhất là với tư cách một người em của Tổng Thống, chúng tôi vẫn chưa thấy ông có một cố gắng phi chính thức nào để nài nỉ vị lãnh đạo Hành pháp thêm phần quyết tâm trong công cuộc bài trừ tham nhũng. Một nguồn dư luận cho rằng ông muốn tạo cho mình một chút tiếng tăm để ứng cử vào chức vụ Giám sát trong nhiệm kỳ 1972-1976 và nếu đây là một nguồn dư luận đúng thì chúng tôi nghĩ điều đó rất nên vì "thà thấp lên một ngọn đèn còn hơn là ngồi nguyên rửa bóng tối".

TIẾT II : ĐỀ NGHỊ NHỮNG BIỆN PHÁP XÂY DỰNG :

Trong Phần I, chúng tôi đã trình bày những ưu khuyết điểm của Giám sát viện xét về phương diện tinh và lý thuyết, căn cứ trên những văn kiện tổ chức và điều hành Giám sát viện. Kế đó, dưới khía cạnh động và thực tế, chúng tôi đã thử nhận định về những khó khăn có tính cách căn bản liên hệ trực tiếp đến hoạt động của Giám sát viện, từ sự thiếu hỗ trợ của những văn kiện chính thức nhằm mở rộng quyền hạn cho Giám sát viện, sự thiếu hỗ trợ của Hành pháp và Lập pháp cho đến sự thiếu hỗ trợ của một phần công luận như báo chí và dân chúng.

Dựa vào những khiếm khuyết và khó khăn đó, chúng tôi sẽ lần lượt đề ra hai loại biện pháp : một mặt là những biện pháp nhằm đem lại sự hữu hiệu cho Giám sát viện và mặt khác là những biện pháp mà Hành pháp cần áp dụng để hỗ trợ cho công cuộc bài trừ tham nhũng sớm được thành công trọn vẹn.

MỤC I : NHỮNG BIỆN PHÁP NHẪM ĐEM LẠI SỰ HỮU HIỆU  
CHO GIÁM SÁT VIỆN :

Những biện pháp nhằm tạo dựng và tăng cường sự hữu hiệu cho Giám sát viện sẽ lần lượt được trình bày dưới các khía cạnh thẩm quyền và nhiệm vụ, thành phần Giám sát viện và qui chế Giám sát viện, cơ cấu tổ chức, thủ tục điều hành và hoạt động của Giám sát viện.

ĐOẠN I : NHỮNG BIỆN PHÁP LIÊN HỆ ĐẾN THẨM QUYỀN  
CỦA GIÁM SÁT VIỆN. -

Trước hết, chúng tôi nhận thấy cần phải tu chính điều 89 Hiến pháp để cho thẩm quyền của Giám sát viện không phải chỉ là "thẩm quyền đề nghị". Theo thiên ý,

ít nhất Giám sát viện phải được ban cấp một ít thực quyền như điều 28 của Luật số 9/68, theo đó một quyết định của Giám sát viện trong lần tái xét phải có hiệu lực cưỡng hành. Điều này cần được ghi rõ ngay trong bản văn Hiến pháp để biểu lộ quyết tâm của chánh quyền trong công cuộc bài trừ tham nhũng và một điều khoản như vậy cũng không thể biến Giám sát viện thành một thứ chính phủ tối cao.

Nếu so với thẩm quyền của Phó Tổng Thống được Tổng Thống ủy nhiệm đặc trách điều tra và chế tài nhân viên Hành pháp liên hệ trong những vụ tham nhũng, người ta nhận thấy thẩm quyền của Giám sát viện yếu kém hơn nhiều vì lẽ "Phó Tổng Thống có toàn quyền ra lệnh cho cơ quan các cấp thuộc Hành pháp mở cuộc điều tra viên chức phạm lỗi cùng cho áp dụng sự chế tài thích nghi theo qui chế và thủ tục hiện hành" (Điều 2 Sắc lệnh số 001-TT/SL ngày 1-1-1972 của Phủ Tổng Thống). Vừa mới được ủy quyền đặc trách bài trừ tham nhũng, Phó Tổng Thống Trần văn Hương bằng quyền hạn của mình đã "quật ngã" một Thiếu Tá Trưởng Ty Cảnh Sát và một Trung Tá nguyên Tỉnh Trưởng. Dư luận nghĩ rằng bằng một văn kiện chính thức ban cấp thực quyền cho Phó Tổng Thống, bằng những phương tiện dồi dào của Hành pháp về mọi mặt, bằng quyết tâm của riêng Phó Tổng Thống và nếu được chính Tổng Thống hậu thuẫn thì Phó Tổng Thống Trần văn Hương chắc chắn sẽ thành công. Thực ra, điều đó vẫn còn là một viễn tượng xa vời. Tuy nhiên, hàng trăm đơn tố cáo của dân chúng đệ nạp tại Phủ Phó Tổng Thống trong vòng 4 tháng nay đã nói lên sự sút giảm uy tín của Giám sát Viện do chỗ thiếu thực quyền.

Ngoài ra, quyền công bố kết quả cuộc điều tra của Giám sát viện là một lợi khí có thể giúp cho Giám sát viện minh bạch hoá việc làm của mình trước công luận cũng như có tác dụng thôi thúc Hành pháp thi hành những quyết nghị của Hội đồng viện.

ĐOẠN II : NHỮNG BIÊN PHÁP LIÊN HỆ ĐẾN THÀNH PHẦN  
GIÁM SÁT VIỆN VÀ QUI CHẾ GIÁM SÁT VIỆN :

Như đã trình bày trong Phần I, nhiệm kỳ 4 năm của các Giám sát viên quá ngắn và trùng hợp với nhiệm kỳ Tổng thống và Hạ nghị viện. Điều này ít nhiều đã gây trở ngại cho việc điều hành công vụ cũng như khiến cho Giám sát viện phải ít nhiều lệ thuộc vào Hành pháp và Lập pháp. Về vấn đề này, ông Phạm đình Hưng, nguyên Dân biểu Thuyết trình viên của Ủy ban Thảo hiến, đã từng đề nghị "Nhiệm kỳ của Giám sát viên là 6 năm, mỗi 3 năm thay đổi 1/2". (51). Tuy nhiên, Ủy ban Thảo hiến đã rút lại khoản đề nghị này tiếp theo sau sự phát biểu của Dân biểu Ngô thanh Tùng mà chúng tôi xin ghi lại nguyên văn như sau : "Tôi đề nghị với Quốc hội hủy bỏ khoản này vì lý do thứ nhất là nếu thành phần của Giám sát viện nằm trong thành phần Quốc hội tức là gồm có các dân biểu, nghị sĩ, các thành phần chánh phủ và các thành phần thẩm phán, chúng ta vấp phải sự chênh lệch về nhiệm kỳ giữa các thành phần thuộc ba ngành Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp đối với nhiệm kỳ của Giám sát viện. Điều này không được ổn vì nếu vị Dân biểu đã mãn nhiệm kỳ mà không được tái cử mà lại vẫn giữ nhiệm vụ Giám sát viên thì sợ rằng uy tín của Giám sát viên đó không được toàn vẹn như trước". (52). Sau khi ông Phạm đình Hưng tuyên bố rút lại khoản đề nghị đó, người ta ghi nhận tại nghị trường những tràng pháo tay nồng nhiệt. Điều này nói lên sự nhất trí của một số đông dân biểu muốn kèm giữ Giám sát viện trong cái thế phải tùy thuộc ít nhiều vào Quốc Hội. Nhưng vấn đề sẽ trở thành khác hơn nếu người ta thực sự chú trọng đến hiệu năng của cơ quan giám sát.

\*\*\*\*\*

(51) Quốc Hội Lập Hiến, Biên Bản số 080-QHLH/BB  
ngày 2-3-1967, trang 52.

(52) Ibid.

Giáo sư Hùng Nguyên Nguyễn ngọc Huy, trong khi cải biến và xây dựng lại "Chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn" của nhà cách mạng quá cố Trương tử Anh; cũng đã lưu ý về sự cần thiết của một Viện Giám sát trong công cuộc bài trừ tham nhũng theo đó "Nhơn viên Viện này có thể do các cơ quan lập pháp hành pháp và tư pháp chỉ định, cứ mỗi cơ quan một phần ba và trong một thời gian hạn định, với nguyên tắc thay đổi mỗi lần một phần ba để cho nhiệm kỳ nhơn viên giám sát không trùng hợp với nhiệm kỳ các cơ quan đề cử và về sau trong Viện lúc nào cũng có nhơn viên do chánh quyền trước để lại. Như vậy, ta có thể tránh được nạn nhơn viên giám sát đồng xu hướng với các nhơn viên lập pháp và hành pháp và có thể thiên vị các cơ quan ấy" (53). Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Giáo sư Hùng Nguyên Nguyễn ngọc Huy về nguyên tắc tổ chức đó và theo thiên ý, nhiệm kỳ Giám sát viên nên sửa đổi lại là 9 năm và mỗi 3 năm thay đổi một phần ba hay ít ra cũng phải là 6 năm và mỗi 3 năm thay đổi một phần hai như đề nghị lúc đầu của Ủy ban Thảo Hiến.

Ngoài ra, chúng tôi thiết tưởng cũng cần sửa đổi điều 34 của Luật số 9/68 để ban cấp cho các Giám sát viên quyền đặc miễn về những sự phát biểu và biểu quyết tại Hội đồng Giám sát viện. Riêng trong trường hợp quá tưng phạm pháp, cũng cần sửa đổi điều 34 nêu trên để dành quyền yêu cầu đình chỉ việc truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử các Giám sát viên cho chính Viện sở quan thay vì đặt các Giám sát viên lệ thuộc vào Quốc hội như đã trình bày trong Phần I.

\*\*\*\*\*

(53) Hùng Nguyên, Chủ nghĩa Dân tộc sinh tồn, không có chi tiết về xuất bản, 1964, trang 327.

ĐOẠN III : NHỮNG BIỆN PHÁP LIÊN HỆ ĐẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC  
GIÁM SÁT VIỆN :

Như đã trình bày trong phần I, cơ cấu tổ chức Hội đồng Viện bao gồm 18 vị Giám sát. Dù rằng nguyên tắc tập thể chỉ huy là một đặc điểm của dân chủ nhưng cũng dễ phát sinh tình trạng nhiều người nhiều ý đưa đến những quyết định chỉ có tính cách nửa vời và thiếu dứt khoát. Vì vậy mà chúng tôi xin đề nghị nên để cho mỗi Ban chuyên biệt được xét xử đầu tiên, theo đó Ủy ban Điều tra xét xử trước về những vụ điều tra và Ủy ban Thẩm tra kế toán xét xử trước về những vụ thẩm tra kế toán. Chỉ khi nào đương sự không đồng ý các biện pháp nêu ra ở giai đoạn này, họ có thể chống các quyết định ấy lên Hội đồng Viện để xin tái xét.

Ngoài ra, Giám sát viện cũng cần tổ chức lại công việc kiểm kê tài sản các nhân viên công quyền mà hiện nay chỉ có tính cách hình thức với sự phụ trách chiếu lệ của vài nhân viên Sở kiểm kê tài sản thuộc Tổng cuộc Kiểm soát kế toán và Kiểm kê tài sản trong hệ thống chỉ huy của ông Chủ tịch Ủy ban Thẩm tra Kế toán và kiểm kê tài sản. Chúng tôi thiết nghĩ cần phải tăng cường nhân viên cho hai Phòng Tài liệu và Phòng Kiểm tra của Sở kiểm kê tài sản để có thể thực hiện đến nơi đến chốn các công việc nghiên cứu kế hoạch kiểm kê và các biện pháp chế tài, tập trung tài liệu kê khai cũng như thường xuyên kiểm soát, theo dõi và khai thác các tài liệu đó. Hơn nữa, theo thiên ý, việc kiểm kê tài sản không phải chỉ liên hệ đến tài sản của nhân viên công quyền mà cần phải được mở rộng để kiểm kê cả những tài sản của cha mẹ vợ con những viên chức trong chánh phủ.

DOAN IV : NHỮNG BIỆN PHÁP LIÊN HỆ ĐẾN THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH  
GIÁM SÁT VIỆN :

Trước hết, chúng tôi xin đề nghị ban cấp cho Thanh tra Giám sát viện — Thanh tra Phụ tá các vị Giám sát cũng như Thanh tra của Thanh tra đoàn — tất cả những quyền hạn của các vị Giám sát, trừ quyền tạm câu lưu và tạm ngưng chức. Quyền hạn đó cần được ghi rõ ngay trong một văn kiện lập pháp như Luật số 9/68 với sự xác định rõ ràng là sự ban cấp những quyền hạn đó được dành cho tất cả các Thanh tra khi được Giám sát Viện cử đi điều tra sơ khởi hoặc được các vị Giám sát ủy nhiệm thi hành công tác điều tra trong những vụ không mấy quan trọng hay chỉ liên hệ tới nhân viên công quyền từ bậc trung trở xuống. Nếu đề nghị của chúng tôi nhằm ban cấp một số quyền hạn cho Thanh tra ngay trong một đạo luật được chấp nhận thì vấn đề thu hồi các Sự vụ văn thư số 175 của Ủy ban Điều tra cũng như Thông tư số 1401 của Phủ Thủ Tướng là một điều đương nhiên vì lẽ những văn kiện lập qui đó như đã trình bày trong Tiết I của Chương này đã hạn chế quyền hạn của Thanh tra cũng như không cho Thanh tra được quyền tham khảo tài liệu của các cơ quan công quyền. Có như vậy, nhân số 18 vị Giám sát quá ít so với nhu cầu mới có thể được bù đắp phần nào bằng sự giúp đỡ đặc lực của 50 Thanh tra giám sát viện với đầy đủ quyền hạn trong tay.

Ngoài ra, các nhà làm luật cũng nên bổ túc điều 28 của Luật số 9/68 để minh định rõ thời hạn dành cho cơ quan liên hệ trong trường hợp yêu cầu tới xét một quyết nghị của Hội đồng Giám sát viện, chẳng hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết nghị của Hội đồng viện.

Thêm vào đó, nếu phải cho luật sư của một đương can tham khảo mọi tài liệu điều tra liên hệ đến đương can đó (kể cả tờ phúc trình) thì vấn đề bảo vệ người tố



cáo cũng như các nhân chứng cũng cần phải được xét đến. Chúng tôi thiết nghĩ là Giám sát viện có thể cho luật sư của đương can tham khảo tờ phúc trình được làm riêng trong đó chỉ ghi chép những hành vi bị chỉ trích và kết quả cuộc điều tra mà không ghi những đề nghị chế tài cũng như không ghi tên họ địa chỉ nghề nghiệp của người tố cáo và các nhân chứng. Được như vậy, Giám sát viện mới hy vọng kích thích được phần nào sự cộng tác của những người liên hệ đến nội vụ.

DOAN V : NHỮNG BIÊN PHÁP LIÊN HỆ ĐẾN HOẠT ĐỘNG  
CỦA GIÁM SÁT VIỆN :

Trước hết, chúng tôi thiết nghĩ Giám sát viện cần tập trung mọi nỗ lực nhằm vào những vụ tham nhũng lớn. Để có thể thành công trong những vụ này, Giám sát viện cần phải theo dõi các đương can cho thật kỹ và cố gắng nắm được những bằng chứng cho thật chính xác để chính Hành pháp cũng khó thể làm ngơ trước nội vụ. Sau đó, bằng những cố gắng phi chính thức, Giám sát viện có thể vận động trước với Hành pháp để bảo đảm sự thi hành triệt để những chế tài sẽ được Hội đồng viện tuyên phán. Cuối cùng, Hội đồng Giám sát viện sẽ tuyên phán những chế tài thật đích đáng, kèm theo sự công bố trước công luận mọi chi tiết của nội vụ. Về Hành pháp sẽ cho thi hành cấp tốc những biện pháp chế tài đối với đương can. Được vậy, Giám sát viện sẽ tạo dựng lại niềm tin tưởng trong dư luận quần chúng về sự quyết tâm của Giám sát viện trong công cuộc bài trừ tham nhũng và uy tín của Chánh phủ cũng nhờ đó mà dâng cao. Hơn nữa, những thành tích cụ thể và dứt khoát trong những vụ tham nhũng lớn mà Giám sát viện thu lượm được cũng sẽ có tác dụng gây e dè trong tập đoàn tham nhũng trung bình và nhỏ cũng như có thể làm tê liệt ý đồ đen tối của những thành phần đang muốn dấn thân vào con đường tham nhũng. Tất một lời, sự tập trung mọi nỗ lực nhằm thanh toán

những vụ tham nhũng lớn xét về mọi mặt đều có lợi hay ít ra cũng có lợi hơn là lẽ lối làm việc hiện nay của Hội đồng Giám sát viện cái gì cũng nhằm đến nhưng rốt cuộc chỉ đưa đến những quyết định nửa chừng khiến cho "các thành phần tham nhũng, đa số bị Giám sát viện điều tra, lại thấy khỏe hơn là lọt vào tay Tư pháp" (54).

Giám sát viện cũng cần phải thường xuyên đi thanh tra các cơ quan công quyền để duy trì sự hiện diện liên tục của cơ quan giám sát ở khắp nơi và tìm tòi các nguyên nhân phát sinh nạn tham nhũng để tiêu diệt hoặc cải thiện sửa chữa. Như vậy, Giám sát viện cần phải hợp tác mật thiết với các cơ quan cải tổ hành chánh để loại bỏ các thủ tục hành chánh rườm rà, những lẽ lối khó kiểm soát. Tất cả những điều đó đều thuộc thẩm quyền luật định của Giám sát viện, theo đó Giám sát viện có thể và cần "đề nghị các biện pháp cải thiện lẽ lối làm việc của các cơ quan công quyền, các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh, nhằm ngăn ngừa tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc những hành vi phương hại đến quyền lợi quốc gia".

Ngoài ra, với số lượng công việc quá nhiều, Giám sát viện cũng cần tuyển thêm nhân viên, đẩy mạnh công việc huấn luyện và tu nghiệp trong hàng ngũ chuyên viên và thanh tra cũng như nếu cần có thể cho cả thanh tra được xuất ngoại để học hỏi vì lẽ ở nước ta "không có những chuyên viên khét tiếng và điều tra với kinh nghiệm sống" (55). Tất cả những điều này đòi hỏi sự hợp tác của các cơ quan công quyền, đặc biệt là Quốc Hội đang nắm giữ túi tiền của Quốc gia nói chung và của Giám sát viện nói riêng.

\*\*\*\*\*

(54) Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân, "Đưa Giám sát viện ra khỏi chỗ kẹt", Cấp Tiên, 6-4-1972, trang 1.

(55) Lê Văn Trang, Thanh Tra Giám sát Viện, Phòng vấn (Saigon : 27-4-1972).

MỤC II : NHỮNG BIỆN PHÁP CỦA HÀNH PHÁP  
NHÂM HỖ TRỢ CHO GIÁM SÁT VIỆN :

Với các đề nghị nêu trên, Giám sát viện đã có nhiều triển vọng để tiến xa hơn trong công cuộc bài trừ tham nhũng. Tuy nhiên, chúng tôi thiết nghĩ Hành pháp vẫn là mấu chốt của vấn đề. Nếu không được Hành pháp hỗ trợ, công việc của Giám sát viện chỉ là công việc vô ích của một Sisyphe i-ạch lăn từng khối đá từ chân núi lên trên đỉnh cao để rồi từng khối đá lại rơi xuống chân núi. Vì vậy, để cho công cuộc bài trừ tham nhũng sớm được trọn vẹn thành công, Hành pháp cần có những biện pháp hỗ trợ cấp thời cũng như dài hạn cho hoạt động giám sát.

ĐOẠN I : NHỮNG BIỆN PHÁP HỖ TRỢ CÓ TÍNH CÁCH CẤP THỜI :

Trước hết, để gây một tâm lý xúc động trong dân chúng thuận lợi cho công cuộc bài trừ tham nhũng, Tổng Thống cần long trọng và công khai tuyên chiến với tập đoàn tham nhũng. Chẳng hạn, Tổng Thống tuyên bố trước quốc dân là chẳng những Tổng Thống không can thiệp cho bất cứ một nhân viên công quyền nào bị qui trách về những hành vi tham nhũng mà trái lại Tổng Thống sẽ còn yêu cầu Giám sát viện tuyên phán những hình phạt tối đa.

Sau đó, vấn đề căn bản là làm sao cho công chức và quần nhân có được một số lợi tức đủ để sống một đời sống tối thiểu về sinh lý và đồng thời giữ được phẩm giá cũng như lòng tự trọng của mình. Về vấn đề này, người ta ghi nhận có nhiều tác giả đã đề cao tinh thần "an bản lạc đạo" của người xưa, chẳng hạn Sĩ Chí đã viết rằng : "Hầu hết các nhà nho quân tử ngày xưa đều trọng nhơn nghĩa hơn đồng tiền, coi cái nghèo là một danh dự của kẻ sĩ. Chẳng thế sao Uy viên tướng công

Nguyễn công Trứ làm một viên Đại Tướng mà mẹ chết không có tiền làm đám táng, bệnh không có tiền uống thuốc để đến nỗi vua Minh Mạng phải cấp tiền cho ? Chẳng qua ngày xưa kẻ sĩ quân tử am hiểu bốn chữ an bần lạc đạo, đành cam ở nhà tranh uống nước lã hầu giữ tâm hồn trong sạch, khí tiết thanh cao, không chịu để đồng tiền lung lạc nhơn tâm. Ông quan nào càng thanh liêm, càng nghèo, lúc về hưu không có lấy một gian nhà ngói, một tấc đất cắm dùi, thì dễ được dân kính mến và chính trong thâm tâm ông quan ấy cũng lấy thế làm vinh" (56). Tinh thần "an bần lạc đạo" đó hình như không gây được ảnh hưởng nào đáng kể đối với con người của thế hệ hôm nay mà một phần vì các vấn đề nhà ở, ăn uống, may mặc và giáo dục con cái thời nay phức tạp hơn thời xưa rất nhiều. Bởi vậy, khó mà trông chờ những tấm gương sạch ở một cảnh sát viên mà lương tháng không bằng tiền xin được của một người hành khất hoặc ở một ông Trưởng Ty với sáu bay con phải nuôi ăn học mà lương tháng không bằng lợi tức của một người bán hàng rong dọc theo các là đường. Cho nên, vấn đề vẫn là phải làm sao cung cấp cho công chức và quân nhân những phương tiện đủ sống trước khi khép họ vào kỷ luật. Nếu phải gia tăng lương bổng công chức và quân nhân thì cần phải trừ liệu những biện pháp kiểm soát giá cả để tránh tình trạng vật giá leo thang đồng nhịp hay quá nhịp với đà gia tăng lương bổng. Theo thiên ý, giải pháp tốt nhất là Hành pháp cho gia tăng lương bổng dưới hình thức nhu yếu phẩm như gạo và vải vóc, đồng thời cho vợ con công chức quân nhân được ưu tiên thu nhận vào học và chữa bệnh tại các cơ sở giáo dục và y tế của nhà nước.

Những biện pháp giúp cho công chức và quân nhân đủ sống vừn kể chặc chấn sẽ giúp Hành pháp và Giám sát viện

\*\*\*\*\*

(56) Sĩ Chi, "Đồng tiền", Đồng Nai văn tập, Tập 2,

Nhóm Đồng Nai xuất bản, tháng 12 năm 1965, trang 58.

thanh toán những mầm mống khởi đầu những vụ tham nhũng trung bình và nhỏ thường phát xuất từ sự "túng quá làm càn". Thanh toán được những mầm mống và những nguyên nhân đó, Hành pháp và Giám sát viện sẽ được rảnh tay để đối phó với những vụ tham nhũng lớn thường phát xuất từ lòng tham và tâm tánh phô trương muốn đua đòi xa xỉ.

Kế tiếp, Chánh phủ sẽ cho áp dụng một số biện pháp nhằm gây đe dọa thường xuyên cho tập đoàn tham nhũng. Trong ý hướng đó, luật pháp phải được thi hành cứng rắn hơn trong tinh thần dân chủ pháp trị. Cấp chỉ huy sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới với nhân viên phạm lỗi và điều này sẽ có tác dụng ràng buộc cấp chỉ huy phải tăng gia sự kiểm soát và kèm chế nhân viên thuộc quyền. Chánh phủ cũng sẽ bảo vệ và tương thưởng xứng đáng cho các nhà báo, cho các nhân viên công quyền và cho bất cứ ai có công khám phá những vụ tham nhũng, dù lớn, nhỏ hay trung bình.

Cuối cùng, một biện pháp hỗ trợ cấp thời mà Hành pháp có thể và rất cần phải thực hiện là vấn đề cải tổ hành chánh. Về vấn đề này, Chánh phủ cần phải cải tổ lại nền hành chánh đã quá cũ kỹ và lỗi thời. Trọng tâm của vấn đề cải tổ hành chánh nhằm vào công cuộc bại trừ tham nhũng là làm sao sửa đổi lại tất cả các luật lệ, thủ tục, nguyên tắc như thế nào cho giản dị, ít gây phiền nhiễu cho dân chúng và dễ kiểm soát. Đồng thời, các cơ quan liên hệ phải soạn thảo cẩm nang về thủ tục hành chánh và phải công bố cho mọi người dân được biết nhằm tránh mọi sự bất chợt và lường gạt có thể xảy ra.

ĐOẠN I : NHỮNG BIỆN PHÁP HỖ TRỢ CÓ TÍNH CÁCH CẤP THỜI :

Những biện pháp nêu trên đều có tính cách cấp thời và căn bản. Vấn đề trong trường kỳ là làm sao phải tạo được những điều kiện chấm dứt việc phát sinh những tệ đoàn tham nhũng.

Trước hết, chính quyền cần phải lưu tâm đến việc phát triển dân trí. Một mặt, chương trình giáo dục quần chúng phải nhằm mục tiêu mở rộng sự hiểu biết của người dân về luật lệ phổ thông. Mặt khác, việc giáo dục quần chúng cũng nhằm kiến tạo một tinh thần mới mẻ thay thế cho tinh thần lòn cúi và nô lệ của thời phong kiến thực dân, đồng thời gây tạo nơi người dân một lòng tự trọng và một mặc cảm mới theo đó việc nhận hối lộ và việc đưa hối lộ đều bị xem là những hành vi xấu.

Kế đó, chính quyền cũng cần phải lưu tâm đến việc phát triển kinh tế và cải tiến dân sinh. Một tác giả đã nhận định "Tham nhũng là một loại giá cả phát sinh do sự khan hiếm mà ra" (57). Theo tác giả này, những xã hội nào ở Á châu nổi tiếng nhất về tham nhũng là những xã hội chậm tiến nhất về kinh tế vì lẽ trong những xã hội này, sự phân phối những tài nguyên khan hiếm đã không đáp ứng được với nhu cầu đòi hỏi mỗi ngày một gia tăng. Bởi vậy mỗi khi có một chế độ cấp phát gạo, cấp phát ngoại tệ hay cấp phát "bông" sang thì thế nào cũng xảy ra nạn tham nhũng trong việc cấp giấy phép do ở chỗ muốn được thỏa mãn gấp các nhu cầu nên có một số người chịu đưa hối lộ để được số lượng hàng hoá nhiều hơn người khác hoặc có trước người khác. Mặt khác, việc phát triển kinh tế cũng có tác dụng nâng cao mức sống trong nước khiến dân chúng được sung túc no đủ và nhờ đó biết tha thiết đến những công việc chính trị. Trong một môi trường như vậy, nạn tham nhũng sẽ ít có cơ hội để phát sinh và bành trướng.

Thêm vào đó, chính phủ cũng cần đề ra chính sách "thắt lưng buộc bụng", tiết giảm tiêu thụ và chăm dứt việc nhập cảng những hàng hoá xa xỉ. Điều này có thể

\*\*\*\*\*

(57) Tarzie Vittachi, Op. Cit., trang 10.

giúp cho quần chúng cũng như nhân viên chính quyền tránh được sự cảm dỗ của các tiện nghi Âu Mỹ. Sự tiếp nhận những tiện nghi có tính cách xa xỉ này sẽ dần dần tạo thành một thói quen, một nếp sống, một bản chất thứ hai của con người trong đời sống thường nhật của họ và khiến họ phải xoay sở bằng mọi cách để thụ đắc và phô trương với những người chung quanh. Và đây cũng là một nguyên nhân trong những vụ tham nhũng lớn mà những người liên hệ vốn đã sung túc nhưng lại muốn "sung túc" hơn để có cơ hội hưởng lạc nhiều hơn.

Ngoài ra, chánh phủ cũng cần phải cố gắng tạo dựng và duy trì một nền chánh trị ổn định. Đây là một điều kiện tâm lý để dân chúng nói chung và những viên chức chính quyền nói riêng được tin tưởng về tương lai đất nước cũng như tương lai của chính bản thân họ. Được niềm tin tưởng đó, họ sẽ dễ dàng sống một cuộc đời có nề nếp thay vì bằng một tinh thần "chạy giạt" chỉ biết ngày hôm nay mà không cần biết đến ngày mai.

Cuối cùng, chánh phủ cũng cần duyệt xét lại việc đào tạo và sử dụng nhân viên công quyền. Chánh phủ không thể không đào tạo một lớp người mới đảm nhận lãnh trách nhiệm cũng như cần phải đặt đúng người đúng chỗ. Nếu việc bổ nhiệm các cấp được căn cứ trên khả năng chuyên môn và tác phong đạo đức, nạn bè phái sẽ bớt dần đi và nhờ đó công cuộc bài trừ tham nhũng cũng sẽ được dễ dàng vì lẽ tình trạng che chở cho nhau để mất dần hết đứng.



# TỔNG KẾT

\*\*\*\*\*



Để tổng kết, chúng ta có thể nói định chế giám sát của nền Đệ Nhị Cộng Hòa đã có rất nhiều ưu điểm trên phương diện hình thức. Trước hết, Giám sát Viện Đệ - Nhị Cộng Hòa được ban cấp một vị trí độc lập đối với các cơ quan Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp. Mặt khác, Giám sát viện Đệ nhị Cộng Hòa cũng du nhập và cải biến một số kỹ thuật tinh vi về tổ chức và điều hành của các định chế giám sát ngoại quốc, đặc biệt là định chế giám sát của Trung Hoa. Vì vậy mà việc tổ chức và điều hành Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hòa đã được xây dựng trên một căn bản dân chủ, theo đó nguyên tắc "tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách" được thể hiện qua quyền chỉ đạo của một Hội đồng gồm tất cả 18 vị Giám sát, mỗi chức vụ cao cấp trong Giám sát viện đều được bầu cử và có tính cách luân chuyển mỗi năm và ngay cả quyền biện hộ của đương can cũng được tôn trọng trong mọi giai đoạn dù rằng Giám sát viện Đệ nhị Cộng Hòa chỉ là một loại Hội đồng kỷ luật được tăng cường quyền hạn.

Tuy nhiên, về phương diện nội dung, Giám sát viện Đệ Nhị Cộng Hòa đã rơi vào một vị thế yếu kém. Thực vậy, thẩm quyền hiến định của Giám sát viện chỉ là một

thâm quyền đề nghị, nhiệm kỳ 4 năm của Giám sát viên quá ngắn và quyền đặc miễn của Giám sát viên cũng bị hạn chế và lệ thuộc vào Quốc Hội. Đã vậy, hoạt động của Giám sát viên Đệ Nhị Cộng Hòa còn vấp phải những khó - khăn quá lớn, tư sự thiếu hỗ trợ của những văn kiện chính thức nhằm mở rộng quyền hạn cho Giám sát viên, sự thiếu hỗ trợ của những cơ quan công quyền như Hành pháp và Lập pháp cho đến sự thiếu hỗ trợ của công luận như báo chí và dân chúng. Kết quả là sau 4 năm của nhiệm kỳ đầu tiên (1968-1972), Giám sát viên chỉ gặt hái được những thành quả hết sức lã khiêm tốn và chỉ liên hệ đến những vụ tham nhũng nhỏ và trung bình. Những thành quả đó cũng không có tính cách dứt khoát mà chỉ là những quyết nghị chế tài có tính cách nhẹ nhàng khiến cho người ta có cảm tưởng "lưới gòom Damoclès" mà Giám sát Trần văn Phò lấy làm tiêu biểu cho Giám sát viên(58) thực ra chỉ là lưới gòom bằng gỗ.

Trước những khiếm khuyết và khó khăn nêu trên, chúng ta đã thử đề nghị một số biện pháp nhằm đem lại sự hữu hiệu cho Giám sát viên, theo đó cần phải sửa đổi

\*\*\*\*\*

(58) Phạm đình Hưng et al., Op. Cit., trang 115.

và tăng cường thẩm quyền hiến định cho Giám sát viện, tăng nhiệm kỳ Giám sát viện lên 9 năm, dành cho mỗi Ủy ban chuyên biệt được quyền xét xử trước, ban cấp một số quyền hạn cho thanh tra Giám sát viện ngay trong một đạo luật, minh định rõ thời gian yêu cầu tái xét mà Hành pháp phải tuân theo trong trường hợp bất đồng ý về mức độ chế tài của Giám sát viện, tìm cách bảo vệ người tố cáo và nhân chứng và nhất là Giám sát Viện cần phải tập trung mọi nỗ lực nhằm vào những vụ tham nhũng lớn. Ngoài ra, Hành pháp cũng cần phải hỗ trợ cho Giám sát Viện bằng những biện pháp cấp thời như làm sao cho công chức và quân nhân đủ sống, giản dị hóa và công khai hóa những thủ tục hành chính, cộng thêm những biện pháp dài hạn như giáo dục quần chúng, phát triển kinh tế và cải tiến dân sinh, chấm dứt nhập cảng hàng hóa xa xỉ, tạo dựng và duy trì một nền chánh trị ổn định cũng như cần duyệt xét lại việc đào tạo và sử dụng nhân viên công quyền cho hợp lý. Nếu tất cả những biện pháp đó đều được áp dụng, chúng tôi nghĩ rằng công cuộc bài trừ tham nhũng chắc chắn sẽ thành công.

Tuy nhiên, điều đó vẫn còn là một viễn tượng, nhất là tệ trạng tham nhũng trên đất nước chúng ta đang ở vào mức độ trầm trọng nhất. Qua buổi nói chuyện trên

dài truyền hình vào đêm 8-2-1972, chính Phó Tổng Thống Trần Văn Hương đã phải báo động về nạn tham nhũng "đã làm tê liệt mọi sinh hoạt giao tế xã hội và làm nản lòng những người có thiện chí" cũng như đã phải tuyên chiến với nạn tham nhũng mà ông xem là "một cuộc chiến tranh khác đã lồng vào cuộc chiến tranh quân sự" (59). Thêm vào đó, ông còn công khai nhận diện một số thành phần thường liên hệ vào những vụ tham nhũng ở Việt Nam như sau :

- Một thiểu số cấp lãnh đạo có quyền hành ở Trung ương và địa phương,
- Một thiểu số trong ngành tư pháp thường tụng và quân sự thao túng quyền hành, không tôn trọng luật pháp và lẽ phải.
- Những viên chức tình, xã, ấp đã sách nhiễu và làm mất lòng dân.
- Những viên chức thuê vụ.
- Những viên chức thực thi luật "Người cấy có ruộng" làm tiền những người liên hệ khiến cho chương trình này mất hết ý nghĩa.

\*\*\*\*\*

(59) Nhật báo Đuốc Nhà Nam, 8-2-1972.

- Những nhân viên công lực hình cảnh mang thói quen ăn hối lộ và tham nhũng.

Sự nhận diện tham nhũng đó — dù còn có tính cách đơn sơ — cũng đã bao gồm gần hết những thành phần nhân sự trong chính quyền và đã cho thấy trước những khó khăn vô cùng lớn mà Phó Tổng Thống cũng như Giám sát viện sẽ phải đương đầu nếu nhất quyết hoàn thành trách vụ bài trừ tham nhũng được giao phó.

Nhưng cho dù khó khăn đến mấy, công cuộc bài trừ tham nhũng cũng không thể không đeo đuổi cho bằng được. Gần đây, một số tác giả đã cố gắng dùng kiến thức, óc suy luận và tài viết lách của họ để biện minh cho tham nhũng, xem tham nhũng như một lớp dầu mỡ làm cho bánh xe chánh phủ chạy trơn tru, giúp cho các thủ tục hành chánh tiến hành nhanh chóng và các công việc giấy tờ có tính cách lồi thối rắc rối được trôi chảy điều hòa. Có tính cách dè dặt hơn, Myron McMullan đã dành 19 trang giấy đề đề ra một lý thuyết về tham nhũng, theo đó một mức độ tham nhũng thấp sẽ có tác dụng

"làm cho những tương quan giữa các viên chức chính quyền và dân chúng được êm dịu" (soften relations of officials and people). (60). Hoặc như Edward Shils đã chủ trương rằng một mức độ tham nhũng vừa phải sẽ "giúp cho chánh quyền có nhiều nhân tính và làm cho chánh quyền trở thành một cái gì ít gây sợ hãi hơn" (humanizes government and makes it less awesome) (61). Theo thiên ý, tất cả những lập luận đó đều không thể chấp nhận được. Đứng trên quan điểm người đưa hối lộ và đã thành công thì lập luận đó rất dễ hiểu. Nhưng có một số đông người khác đã không thể hiểu tại sao lại phải hối lộ để được cung cấp một dịch vụ khi họ đã đóng thuế đầy đủ? Mặt khác, nếu vì có một số người đã rút lót mà các viên chức sẽ làm khó dễ và trì hoãn việc cung cấp đối với những người không rút lót thì vấn đề chắc chắn sẽ có tính cách trầm trọng hơn nhiều. Chưa nói đến thói quen nhận hối lộ có thể biến một viên chức thành một người luôn luôn tìm cách làm tiền dân chúng cho kỳ được, dù bằng những phương thế tàn bạo nhất. Tất một lời, tất cả những điều đó làm thành một

\*\*\*\*\*

(60) Myron McMullan, "A Theory of Corruption", Sociological Review, Keele, England, June 1961, pp. 181-200

(61) Edward Shils, Political Development in the New States, Mouton, 1962, p. 385.

vòng lân quanh : những viên chức quen ăn hối lộ càng về già càng tìm đủ mọi cách để bắt dân chúng phải hối lộ, dân chúng quen hối lộ để được việc lại tập cho những viên chức trẻ mới bước vào nghề biết ăn hối lộ. Và lần đầu tiên ăn hối lộ chắc chắn sẽ làm sụp đổ sức đề kháng của nội tâm với những hoải bảo trong sạch và càng ngày càng dun đầy viên chức trẻ tuổi đó bước sâu vào con đường tham nhũng. Đến rồi khi về già, viên chức đó lại tìm đủ mọi cách để bắt dân chúng phải hối lộ. và cái vòng lân quanh cứ như thế mà tiếp tục không biết đến bao giờ.

Cũng vì vậy mà như đã nói ở trên, công cuộc bài trừ tham nhũng dù khó khăn đến mấy cũng không thể không đeo đuổi cho bằng được. Qua thần thoại Hy Lạp, chúng ta thấy một Hercule đã dùng sức thần mang cá đồng sông Alphée rửa sạch chuồng bò 3000 con của Vua Augias đã 30 năm không quét dọn. Giám sát viện Đệ nhị Cộng - Hòa nếu được tăng cường quyền hạn và phương tiện cộng thêm sự hỗ trợ của Hành pháp chắc chắn sẽ thừa sức để làm hơn trong công cuộc bài trừ tham nhũng nhằm GIỮ THỎM QUÊ MẸ. Hay ít ra, Giám sát viện cũng sẽ giảm thiểu được những vụ tham nhũng tới một mức độ có thể chịu đựng được. và đó cũng là ước vọng của chúng tôi khi viết tập khảo luận này.

\*\*\*\*\* Viết xong ngày 4-6-1972\*\*\*\*\*

THƯ TỊCH CHỌN LỌC

\*\*\*\*\*



a.- Văn kiện chính thức

- Giám sát viên . Nội Quy, chung quyết ngày 18-11-1968 và tu chính ngày 18-2-1969.
- Giám sát viên . Sắc lệnh số 1/GSV/SL ngày 18-1-1969 sửa đổi bởi sắc lệnh số 01/GSV/SL ngày 21-1-1970 ấn định tổ chức các cơ sở nội bộ Giám sát viên.
- Giám sát viên . Sắc lệnh số 8/GSV/SL ngày 2-9-1969 ấn định chức chương Tổng cuộc Trưởng và tổ chức Tổng cuộc Kiểm soát Kế toán và Kiểm kê tài sản.
- Giám sát viên . Ủy ban Điều tra và Kiểm tra, Sở thanh tra Sự vụ, các hồ sơ điều tra.
- Phủ Tổng Thống. Sắc lệnh số 001-TT/SL ngày 1-1-1972 ủy nhiệm cho Phó Tổng Thống điều tra và chế tài các nhân viên tham nhũng.
- Quốc hội Lập hiến. Biên bản số 42/QHLH/BB ngày 23-12-1966.
- Quốc hội Lập hiến. Biên bản số 47/QHLH/BB ngày 29-12-1966.
- Quốc hội Lập hiến. Biên bản số 79/QHLH/BB ngày 1-3-1967.
- Quốc hội Lập hiến. Biên bản số 80/QHLH/BB ngày 2-3-1967.
- Việt Nam Cộng Hòa. Hiến pháp ngày 1-4-1967.
- Việt Nam Cộng Hòa. Luật số 009/68 ngày 23-10-1968 về tổ chức và điều hành Giám sát Viện.

b.- Sách

- Nguyễn văn Tiết. *Thực trạng nền Hành chính Địa phương tại Việt Nam, Saigon, Hội Cựu Sinh viên Quốc Gia Hành Chính xuất bản, không năm.*
- Phạm đình Hưng et al. *Giám sát viện Đệ nhị Cộng Hòa, Saigon, 1970.*
- Riggs, F.W. *Administration in Developing Countries, Boston, Houghton and Mifflin, 1964.*
- Wraith, Ronald and Simpkins, Edgar. *Corruption in Developing Countries, London, G. Allen and Unwin, 1963.*

c.- Tạp chí

- Bùi quang Khánh. "Nạn Tham Nhũng", *Nghiên cứu Hành Chính, Tập XIV, số 2 năm 1971.*
- Đào văn Bình. "Tham nhũng, hung thần của dân chủ", *Quần chúng, số 3, tháng 7 năm 1968.*
- Étude du Secrétariat. "Les infractions économiques en Union Soviétique", *Revue de la Commission internationale de Juristes, Genève, Tome V, N° 1, Été 1964.*
- McMullan, Myron. "A theory of Corruption", *Sociological Review, Keele, England, June 1961.*
- Nguyễn kim Tùng. "Vấn đề tham nhũng", *Nghiên cứu Hành chính, Tập X, số 4 năm 1968.*

- Nguyễn ngọc Huy. "Chế độ giám sát ở Trung Quốc",  
Đồng Nai văn tập, Nhóm Đồng Nai,  
Tập 1, tháng 11 năm 1965.
- Nguyễn văn Tiết. "Tham nhũng và bè phái trong nền  
Hành chính địa phương", Nghiên Cứu  
Hành chính, Tập X, số 2 năm 1967.
- Phạm đình Hưng . "Vài chế độ giám sát tại Việt Nam",  
Cấp Tiến, các số 1 - 2 - 3 năm 1969.
- Phạm đình Hưng . "Vị trí của Giám sát Viện trong cơ  
cấu Quốc gia", Cấp Tiến, các số 6-7  
năm 1969.
- Phạm đình Hưng . "Tường quan giữa Giám sát Viện và  
ba cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp và  
Tư Pháp", Nghiên Cứu Hành Chánh,  
Tập XV, số 1, tháng 1-2-3 năm 1972.
- Staats, Steven J. "Corruption in the Soviet System",  
Problems of Communism, January-  
February 1972.
- Tạ văn Tài . "Kinh nghiệm kiến quốc của Đài Loan",  
Nghiên Cứu Hành Chánh, Tập XI,  
số 3 năm 1968.
- Tilman, R.O. "Emergence of Black-Market Bureaucracy :  
Administration, Development and  
Corruption in the New States",  
Public Administration Review,  
Washington, DC, September-October  
1968.
- Trần Thúc Linh. "Nạn Tham Nhũng", Bách khoa, số 174  
ngày 1-4-1964.

- T . V . C . "Kẻ thù của dân tộc : Tham nhũng", Hồi Hưởng, số tháng 1 năm 1969.
- Vittachi, Tarzie. "Nạn tham nhũng : hạt sạn trong mắt chúng ta", Thế giới tự do, Saigon, Tập XX, số 2.

d.- Nhật báo

- Nguyễn Văn, "Dân chủ và Tham nhũng Á Châu", Chính Luận, 7-10-1971.
- Phạm đình Hưng. "Có nên giải tán Giám sát Viện hay không ?", Cấp Tiên, các số đề ngày từ 2-12-1971 đến 7-12-1971.
- Trần triệu Việt. "Trách nhiệm lớn trữ tham nhũng phải ở Hành Pháp", Chính Luận, các số đề ngày từ 6-12-1970 đến 11-12-1970.

e.- Luận án và Luận văn

- Legrand, André. "L'ombudsman scandinave : études comparées sur le contrôle de l'Administration", Thèse, Lille, 1968.
- Nguyễn văn Quãng. "Bài trữ tham nhũng và việc cải tổ hành chánh Việt Nam", Luận văn Cao Học 5, Saigon, Học viện Quốc Gia Hành Chánh, 1971.
- Phan tư Giản. "Chế độ giám sát trong nền Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam", Luận văn Cao Học 4, Saigon, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, 1970.

f.- Phòng văn

- Lê đình Lãm, Thanh tra Giám sát Viện. Phòng văn,  
Saigon, 12-5-1972.
- Lê văn Trang, Thanh tra Giám sát Viện. Phòng văn,  
Saigon, 27-4-1972.
- Nguyễn thế Đại, Tổng Thanh tra Giám sát Viện. Phòng  
văn, Saigon, 23-8-1971.
- Nguyễn văn Bông, Cố Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia  
Hành Chánh kiêm Cố Văn Tồi Cao  
Pháp Viện. Phòng văn, Saigon,  
24-8-1971.
- Phạm đình Hùng, nguyên Tổng Thư Ký Giám Sát Viện  
(nhiệm kỳ 1968-1969). Phòng văn,  
Saigon, 8-5-1972.
- Phan tứ Giản, Chánh sự vụ Sở Pháp chế Phủ Tổng Thống.  
Phòng văn, Saigon, 5-5-1972.
- Võ văn Ba, Đặc ủy Giám sát khu IV. Phòng văn, Saigon,  
8-5-1972.



PHU BÀN

\*\*\*\*\*

# HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA NGÀY 1-4-1967

\*\*\*\*\*

## CHƯƠNG VI

### CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT

-----

#### ĐẶC BIỆT PHÁP VIỆN

(ĐIỀU 85, 86, 87)

#### GIÁM SÁT VIỆN

ĐIỀU 88

*Giám sát Viện có thẩm quyền :*

- 1.- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, dẫu cơ, hối mại quyền thế hoặc phung phí đến quyền lợi Quốc gia.
- 2.- Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.
- 3.- Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân biểu, Nghị sĩ, Chủ tịch Tối cao Pháp viện.
- 4.- Riêng đối với Chủ tịch Giám sát Viện và các Giám sát viên, việc kiểm kê tài sản do Tối cao Pháp viện đảm trách.

ĐIỀU 89

- 1.- Giám sát Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước tòa án có thẩm quyền.
- 2.- Giám sát Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

ĐIỀU 90

- 1.- Giám sát Viện gồm từ chín đến mười tám Giám sát viên, một phần ba do Quốc hội, một phần ba do Tổng Thống và một phần ba do Tối cao pháp viện chỉ định.
- 2.- Giám sát viện được hưởng những quyền hạn và bảo đảm cần thiết để thi hành nhiệm vụ.

ĐIỀU 91

Giám sát Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui chế tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát.

Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Giám sát Viện.



HỘI ĐỒNG QUÂN LỰC

(ĐIỀU 92)

HỘI ĐỒNG VĂN HÓA GIÁO DỤC

(ĐIỀU 93, 94)

HỘI ĐỒNG KINH TẾ XÃ HỘI

(ĐIỀU 95, 96)

HỘI ĐỒNG CÁC SẮC TỘC

(ĐIỀU 97, 98)

=====



